

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 17/9/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 17/9/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: (Có danh sách chi tiết)

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến <https://vpa.com.vn>.

- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 17/9/2024: Trước 16h30' ngày 14/9/2024 (theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam chậm nhất đến 16h30' ngày 14/9/2024).

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô (Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe**" trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.



GIÁM ĐỐC

Lâm Thị Mai Anh



DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 17/9/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: chậm nhất đến 16h30p ngày 14/9/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-9h55'

Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'

Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'

STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/Thành phố
1	20A-839.39	Thái Nguyên	1001	30L-886.86	Hà Nội	2001	51L-799.99	Hồ Chí Minh
2	29K-277.77	Hà Nội	1002	43A-898.89	Đà Nẵng	2002	19A-699.66	Phú Thọ
3	30L-896.69	Hà Nội	1003	47C-379.79	Đắk Lắk	2003	36K-196.69	Thanh Hóa
4	51D-899.99	Hồ Chí Minh	1004	70A-566.88	Tây Ninh	2004	81A-439.39	Gia Lai
5	30K-400.11	Hà Nội	1005	30K-401.79	Hà Nội	2005	30K-400.79	Hà Nội
6	30K-402.39	Hà Nội	1006	30K-408.99	Hà Nội	2006	30K-401.66	Hà Nội
7	30K-402.88	Hà Nội	1007	30K-411.44	Hà Nội	2007	30K-402.68	Hà Nội
8	30K-403.79	Hà Nội	1008	30K-412.39	Hà Nội	2008	30K-405.79	Hà Nội
9	30K-406.99	Hà Nội	1009	30K-425.89	Hà Nội	2009	30K-410.39	Hà Nội
10	30K-409.88	Hà Nội	1010	30K-429.39	Hà Nội	2010	30K-415.89	Hà Nội
11	30K-426.39	Hà Nội	1011	30K-433.77	Hà Nội	2011	30K-417.66	Hà Nội
12	30K-429.79	Hà Nội	1012	30K-444.77	Hà Nội	2012	30K-426.79	Hà Nội
13	30K-435.66	Hà Nội	1013	30K-447.66	Hà Nội	2013	30K-437.66	Hà Nội
14	30K-441.79	Hà Nội	1014	30K-448.79	Hà Nội	2014	30K-437.88	Hà Nội
15	30K-442.89	Hà Nội	1015	30K-450.88	Hà Nội	2015	30K-444.00	Hà Nội
16	30K-444.67	Hà Nội	1016	30K-451.39	Hà Nội	2016	30K-459.66	Hà Nội
17	30K-452.99	Hà Nội	1017	30K-457.99	Hà Nội	2017	30K-463.66	Hà Nội
18	30K-453.79	Hà Nội	1018	30K-467.39	Hà Nội	2018	30K-464.88	Hà Nội
19	30K-455.89	Hà Nội	1019	30K-476.39	Hà Nội	2019	30K-483.66	Hà Nội
20	30K-467.79	Hà Nội	1020	30K-476.79	Hà Nội	2020	30K-485.39	Hà Nội
21	30K-481.66	Hà Nội	1021	30K-481.39	Hà Nội	2021	30K-489.68	Hà Nội
22	30K-484.39	Hà Nội	1022	30K-482.39	Hà Nội	2022	30K-497.66	Hà Nội
23	30K-492.66	Hà Nội	1023	30K-492.39	Hà Nội	2023	30K-507.99	Hà Nội
24	30K-498.66	Hà Nội	1024	30K-493.79	Hà Nội	2024	30K-530.66	Hà Nội
25	30K-532.22	Hà Nội	1025	30K-499.66	Hà Nội	2025	30K-534.79	Hà Nội
26	30K-532.39	Hà Nội	1026	30K-507.66	Hà Nội	2026	30K-541.68	Hà Nội
27	30K-547.86	Hà Nội	1027	30K-514.88	Hà Nội	2027	30K-584.88	Hà Nội
28	30K-560.00	Hà Nội	1028	30K-517.66	Hà Nội	2028	30K-597.66	Hà Nội
29	30K-571.79	Hà Nội	1029	30K-549.68	Hà Nội	2029	30K-624.79	Hà Nội
30	30K-590.68	Hà Nội	1030	30K-549.69	Hà Nội	2030	30K-642.66	Hà Nội
31	30K-602.39	Hà Nội	1031	30K-549.86	Hà Nội	2031	30K-673.86	Hà Nội
32	30K-610.89	Hà Nội	1032	30K-570.89	Hà Nội	2032	30K-702.86	Hà Nội
33	30K-625.39	Hà Nội	1033	30K-571.99	Hà Nội	2033	30K-708.69	Hà Nội
34	30K-637.66	Hà Nội	1034	30K-572.89	Hà Nội	2034	30K-731.88	Hà Nội
35	30K-640.79	Hà Nội	1035	30K-574.79	Hà Nội	2035	30K-731.89	Hà Nội
36	30K-643.68	Hà Nội	1036	30K-580.86	Hà Nội	2036	30K-734.89	Hà Nội
37	30K-657.66	Hà Nội	1037	30K-604.89	Hà Nội	2037	30K-750.86	Hà Nội
38	30K-671.39	Hà Nội	1038	30K-623.39	Hà Nội	2038	30K-754.99	Hà Nội
39	30K-674.69	Hà Nội	1039	30K-630.86	Hà Nội	2039	30K-758.99	Hà Nội
40	30K-690.39	Hà Nội	1040	30K-641.39	Hà Nội	2040	30K-764.99	Hà Nội
41	30K-700.89	Hà Nội	1041	30K-647.79	Hà Nội	2041	30K-780.88	Hà Nội
42	30K-703.86	Hà Nội	1042	30K-650.00	Hà Nội	2042	30K-782.69	Hà Nội
43	30K-706.79	Hà Nội	1043	30K-654.79	Hà Nội	2043	30K-796.39	Hà Nội
44	30K-712.39	Hà Nội	1044	30K-705.05	Hà Nội	2044	30K-809.66	Hà Nội
45	30K-720.89	Hà Nội	1045	30K-711.69	Hà Nội	2045	30K-812.66	Hà Nội
46	30K-724.99	Hà Nội	1046	30K-716.99	Hà Nội	2046	30K-825.79	Hà Nội
47	30K-730.89	Hà Nội	1047	30K-718.66	Hà Nội	2047	30K-834.34	Hà Nội
48	30K-732.32	Hà Nội	1048	30K-722.66	Hà Nội	2048	30K-837.69	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
49	30K-732.66	Hà Nội	1049	30K-728.79	Hà Nội	2049	30K-844.86	Hà Nội
50	30K-739.66	Hà Nội	1050	30K-738.69	Hà Nội	2050	30K-847.77	Hà Nội
51	30K-742.68	Hà Nội	1051	30K-741.89	Hà Nội	2051	30K-847.89	Hà Nội
52	30K-756.39	Hà Nội	1052	30K-746.69	Hà Nội	2052	30K-854.44	Hà Nội
53	30K-762.68	Hà Nội	1053	30K-751.66	Hà Nội	2053	30K-854.66	Hà Nội
54	30K-791.11	Hà Nội	1054	30K-751.86	Hà Nội	2054	30K-854.99	Hà Nội
55	30K-795.39	Hà Nội	1055	30K-760.66	Hà Nội	2055	30K-864.69	Hà Nội
56	30K-800.86	Hà Nội	1056	30K-774.68	Hà Nội	2056	30K-890.68	Hà Nội
57	30K-811.69	Hà Nội	1057	30K-775.39	Hà Nội	2057	30K-904.79	Hà Nội
58	30K-814.89	Hà Nội	1058	30K-781.88	Hà Nội	2058	30K-908.39	Hà Nội
59	30K-831.79	Hà Nội	1059	30K-804.66	Hà Nội	2059	30K-942.69	Hà Nội
60	30K-844.99	Hà Nội	1060	30K-810.66	Hà Nội	2060	30K-942.99	Hà Nội
61	30K-845.99	Hà Nội	1061	30K-824.39	Hà Nội	2061	30K-944.69	Hà Nội
62	30K-854.68	Hà Nội	1062	30K-834.88	Hà Nội	2062	30K-946.89	Hà Nội
63	30K-870.00	Hà Nội	1063	30K-853.39	Hà Nội	2063	30K-960.86	Hà Nội
64	30K-893.66	Hà Nội	1064	30K-902.79	Hà Nội	2064	30K-970.39	Hà Nội
65	30K-904.66	Hà Nội	1065	30K-918.79	Hà Nội	2065	30K-994.39	Hà Nội
66	30K-915.69	Hà Nội	1066	30K-941.14	Hà Nội	2066	30L-010.69	Hà Nội
67	30K-920.39	Hà Nội	1067	30K-946.99	Hà Nội	2067	30L-014.66	Hà Nội
68	30K-921.11	Hà Nội	1068	30K-951.39	Hà Nội	2068	30L-016.69	Hà Nội
69	30K-931.99	Hà Nội	1069	30K-952.69	Hà Nội	2069	30L-021.66	Hà Nội
70	30K-949.66	Hà Nội	1070	30K-964.88	Hà Nội	2070	30L-024.99	Hà Nội
71	30K-964.69	Hà Nội	1071	30K-966.44	Hà Nội	2071	30L-027.77	Hà Nội
72	30K-972.88	Hà Nội	1072	30K-970.86	Hà Nội	2072	30L-034.99	Hà Nội
73	30K-973.68	Hà Nội	1073	30L-009.69	Hà Nội	2073	30L-071.89	Hà Nội
74	30K-977.69	Hà Nội	1074	30L-010.86	Hà Nội	2074	30L-072.99	Hà Nội
75	30L-001.86	Hà Nội	1075	30L-017.39	Hà Nội	2075	30L-073.69	Hà Nội
76	30L-028.69	Hà Nội	1076	30L-025.79	Hà Nội	2076	30L-078.39	Hà Nội
77	30L-041.88	Hà Nội	1077	30L-040.89	Hà Nội	2077	30L-082.79	Hà Nội
78	30L-057.86	Hà Nội	1078	30L-055.86	Hà Nội	2078	30L-105.69	Hà Nội
79	30L-072.86	Hà Nội	1079	30L-060.39	Hà Nội	2079	30L-115.39	Hà Nội
80	30L-093.88	Hà Nội	1080	30L-069.39	Hà Nội	2080	30L-140.68	Hà Nội
81	30L-095.79	Hà Nội	1081	30L-072.66	Hà Nội	2081	30L-158.39	Hà Nội
82	30L-101.88	Hà Nội	1082	30L-074.79	Hà Nội	2082	30L-159.39	Hà Nội
83	30L-104.99	Hà Nội	1083	30L-084.69	Hà Nội	2083	30L-174.39	Hà Nội
84	30L-107.77	Hà Nội	1084	30L-092.79	Hà Nội	2084	30L-176.39	Hà Nội
85	30L-109.66	Hà Nội	1085	30L-101.99	Hà Nội	2085	30L-180.99	Hà Nội
86	30L-120.39	Hà Nội	1086	30L-120.89	Hà Nội	2086	30L-199.44	Hà Nội
87	30L-132.99	Hà Nội	1087	30L-124.42	Hà Nội	2087	30L-200.66	Hà Nội
88	30L-153.69	Hà Nội	1088	30L-137.88	Hà Nội	2088	30L-202.66	Hà Nội
89	30L-174.86	Hà Nội	1089	30L-144.79	Hà Nội	2089	30L-214.66	Hà Nội
90	30L-180.89	Hà Nội	1090	30L-148.39	Hà Nội	2090	30L-221.69	Hà Nội
91	30L-194.89	Hà Nội	1091	30L-156.39	Hà Nội	2091	30L-244.39	Hà Nội
92	30L-205.66	Hà Nội	1092	30L-158.69	Hà Nội	2092	30L-244.79	Hà Nội
93	30L-233.00	Hà Nội	1093	30L-171.69	Hà Nội	2093	30L-249.86	Hà Nội
94	30L-260.00	Hà Nội	1094	30L-194.79	Hà Nội	2094	30L-274.68	Hà Nội
95	30L-264.64	Hà Nội	1095	30L-206.79	Hà Nội	2095	30L-277.86	Hà Nội
96	30L-272.89	Hà Nội	1096	30L-211.00	Hà Nội	2096	30L-284.84	Hà Nội
97	30L-274.69	Hà Nội	1097	30L-243.66	Hà Nội	2097	30L-285.39	Hà Nội
98	30L-274.86	Hà Nội	1098	30L-244.55	Hà Nội	2098	30L-305.99	Hà Nội
99	30L-277.55	Hà Nội	1099	30L-250.00	Hà Nội	2099	30L-317.71	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
100	30L-291.69	Hà Nội	1100	30L-254.68	Hà Nội	2100	30L-317.88	Hà Nội
101	30L-295.39	Hà Nội	1101	30L-264.68	Hà Nội	2101	30L-325.52	Hà Nội
102	30L-297.66	Hà Nội	1102	30L-271.11	Hà Nội	2102	30L-325.66	Hà Nội
103	30L-297.68	Hà Nội	1103	30L-274.89	Hà Nội	2103	30L-330.68	Hà Nội
104	30L-300.86	Hà Nội	1104	30L-276.99	Hà Nội	2104	30L-342.42	Hà Nội
105	30L-302.79	Hà Nội	1105	30L-287.39	Hà Nội	2105	30L-342.79	Hà Nội
106	30L-303.39	Hà Nội	1106	30L-297.69	Hà Nội	2106	30L-342.99	Hà Nội
107	30L-305.39	Hà Nội	1107	30L-304.44	Hà Nội	2107	30L-350.50	Hà Nội
108	30L-310.86	Hà Nội	1108	30L-305.50	Hà Nội	2108	30L-358.79	Hà Nội
109	30L-319.66	Hà Nội	1109	30L-317.79	Hà Nội	2109	30L-361.16	Hà Nội
110	30L-327.79	Hà Nội	1110	30L-320.66	Hà Nội	2110	30L-375.88	Hà Nội
111	30L-344.11	Hà Nội	1111	30L-323.55	Hà Nội	2111	30L-376.99	Hà Nội
112	30L-344.77	Hà Nội	1112	30L-330.66	Hà Nội	2112	30L-381.79	Hà Nội
113	30L-355.39	Hà Nội	1113	30L-334.89	Hà Nội	2113	30L-387.68	Hà Nội
114	30L-370.88	Hà Nội	1114	30L-342.39	Hà Nội	2114	30L-394.39	Hà Nội
115	30L-374.47	Hà Nội	1115	30L-344.22	Hà Nội	2115	30L-406.89	Hà Nội
116	30L-374.88	Hà Nội	1116	30L-364.88	Hà Nội	2116	30L-410.01	Hà Nội
117	30L-375.86	Hà Nội	1117	30L-375.89	Hà Nội	2117	30L-415.99	Hà Nội
118	30L-404.79	Hà Nội	1118	30L-380.66	Hà Nội	2118	30L-417.68	Hà Nội
119	30L-406.99	Hà Nội	1119	30L-397.86	Hà Nội	2119	30L-417.88	Hà Nội
120	30L-414.86	Hà Nội	1120	30L-403.89	Hà Nội	2120	30L-418.79	Hà Nội
121	30L-422.23	Hà Nội	1121	30L-403.99	Hà Nội	2121	30L-422.86	Hà Nội
122	30L-422.99	Hà Nội	1122	30L-405.86	Hà Nội	2122	30L-427.99	Hà Nội
123	30L-431.69	Hà Nội	1123	30L-413.68	Hà Nội	2123	30L-430.86	Hà Nội
124	30L-432.89	Hà Nội	1124	30L-413.88	Hà Nội	2124	30L-440.40	Hà Nội
125	30L-436.63	Hà Nội	1125	30L-423.23	Hà Nội	2125	30L-446.79	Hà Nội
126	30L-437.38	Hà Nội	1126	30L-427.69	Hà Nội	2126	30L-452.89	Hà Nội
127	30L-437.89	Hà Nội	1127	30L-429.66	Hà Nội	2127	30L-458.39	Hà Nội
128	30L-441.69	Hà Nội	1128	30L-432.68	Hà Nội	2128	30L-464.86	Hà Nội
129	30L-441.88	Hà Nội	1129	30L-435.89	Hà Nội	2129	30L-465.99	Hà Nội
130	30L-442.68	Hà Nội	1130	30L-437.99	Hà Nội	2130	30L-471.79	Hà Nội
131	30L-442.89	Hà Nội	1131	30L-444.40	Hà Nội	2131	30L-483.99	Hà Nội
132	30L-443.68	Hà Nội	1132	30L-449.88	Hà Nội	2132	30L-484.48	Hà Nội
133	30L-454.45	Hà Nội	1133	30L-461.69	Hà Nội	2133	30L-492.99	Hà Nội
134	30L-462.62	Hà Nội	1134	30L-462.22	Hà Nội	2134	30L-507.70	Hà Nội
135	30L-471.66	Hà Nội	1135	30L-463.63	Hà Nội	2135	30L-514.88	Hà Nội
136	30L-473.33	Hà Nội	1136	30L-463.88	Hà Nội	2136	30L-547.68	Hà Nội
137	30L-480.66	Hà Nội	1137	30L-464.64	Hà Nội	2137	30L-552.63	Hà Nội
138	30L-481.39	Hà Nội	1138	30L-472.88	Hà Nội	2138	30L-563.28	Hà Nội
139	30L-485.89	Hà Nội	1139	30L-477.66	Hà Nội	2139	30L-566.58	Hà Nội
140	30L-492.92	Hà Nội	1140	30L-482.39	Hà Nội	2140	30L-577.39	Hà Nội
141	30L-495.99	Hà Nội	1141	30L-487.78	Hà Nội	2141	30L-582.52	Hà Nội
142	30L-497.69	Hà Nội	1142	30L-491.99	Hà Nội	2142	30L-588.80	Hà Nội
143	30L-503.88	Hà Nội	1143	30L-498.39	Hà Nội	2143	30L-604.44	Hà Nội
144	30L-507.88	Hà Nội	1144	30L-500.50	Hà Nội	2144	30L-622.33	Hà Nội
145	30L-527.66	Hà Nội	1145	30L-501.66	Hà Nội	2145	30L-623.77	Hà Nội
146	30L-531.69	Hà Nội	1146	30L-512.12	Hà Nội	2146	30L-624.15	Hà Nội
147	30L-533.89	Hà Nội	1147	30L-513.88	Hà Nội	2147	30L-626.15	Hà Nội
148	30L-534.66	Hà Nội	1148	30L-531.89	Hà Nội	2148	30L-628.69	Hà Nội
149	30L-534.69	Hà Nội	1149	30L-532.33	Hà Nội	2149	30L-630.58	Hà Nội
150	30L-550.39	Hà Nội	1150	30L-549.86	Hà Nội	2150	30L-630.83	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
151	30L-551.38	Hà Nội	1151	30L-557.11	Hà Nội	2151	30L-634.66	Hà Nội
152	30L-552.98	Hà Nội	1152	30L-560.95	Hà Nội	2152	30L-640.08	Hà Nội
153	30L-553.18	Hà Nội	1153	30L-566.18	Hà Nội	2153	30L-642.88	Hà Nội
154	30L-553.85	Hà Nội	1154	30L-570.99	Hà Nội	2154	30L-647.74	Hà Nội
155	30L-554.45	Hà Nội	1155	30L-577.57	Hà Nội	2155	30L-648.79	Hà Nội
156	30L-563.85	Hà Nội	1156	30L-579.96	Hà Nội	2156	30L-650.38	Hà Nội
157	30L-566.44	Hà Nội	1157	30L-580.85	Hà Nội	2157	30L-664.68	Hà Nội
158	30L-572.28	Hà Nội	1158	30L-582.33	Hà Nội	2158	30L-666.47	Hà Nội
159	30L-573.74	Hà Nội	1159	30L-583.92	Hà Nội	2159	30L-675.69	Hà Nội
160	30L-576.18	Hà Nội	1160	30L-587.85	Hà Nội	2160	30L-676.56	Hà Nội
161	30L-582.96	Hà Nội	1161	30L-589.38	Hà Nội	2161	30L-680.00	Hà Nội
162	30L-582.98	Hà Nội	1162	30L-590.33	Hà Nội	2162	30L-680.69	Hà Nội
163	30L-583.63	Hà Nội	1163	30L-592.59	Hà Nội	2163	30L-681.25	Hà Nội
164	30L-585.38	Hà Nội	1164	30L-597.98	Hà Nội	2164	30L-685.62	Hà Nội
165	30L-587.56	Hà Nội	1165	30L-601.10	Hà Nội	2165	30L-686.32	Hà Nội
166	30L-593.98	Hà Nội	1166	30L-603.19	Hà Nội	2166	30L-687.69	Hà Nội
167	30L-596.06	Hà Nội	1167	30L-608.18	Hà Nội	2167	30L-693.28	Hà Nội
168	30L-596.32	Hà Nội	1168	30L-609.88	Hà Nội	2168	30L-701.23	Hà Nội
169	30L-596.39	Hà Nội	1169	30L-611.39	Hà Nội	2169	30L-702.29	Hà Nội
170	30L-608.66	Hà Nội	1170	30L-613.14	Hà Nội	2170	30L-702.38	Hà Nội
171	30L-609.86	Hà Nội	1171	30L-613.35	Hà Nội	2171	30L-702.88	Hà Nội
172	30L-613.56	Hà Nội	1172	30L-613.88	Hà Nội	2172	30L-713.56	Hà Nội
173	30L-619.35	Hà Nội	1173	30L-614.41	Hà Nội	2173	30L-714.69	Hà Nội
174	30L-619.78	Hà Nội	1174	30L-623.19	Hà Nội	2174	30L-716.61	Hà Nội
175	30L-622.77	Hà Nội	1175	30L-624.44	Hà Nội	2175	30L-716.88	Hà Nội
176	30L-631.63	Hà Nội	1176	30L-629.06	Hà Nội	2176	30L-717.11	Hà Nội
177	30L-634.34	Hà Nội	1177	30L-629.15	Hà Nội	2177	30L-717.18	Hà Nội
178	30L-635.98	Hà Nội	1178	30L-630.96	Hà Nội	2178	30L-719.29	Hà Nội
179	30L-642.42	Hà Nội	1179	30L-640.39	Hà Nội	2179	30L-732.65	Hà Nội
180	30L-645.25	Hà Nội	1180	30L-644.86	Hà Nội	2180	30L-738.06	Hà Nội
181	30L-645.88	Hà Nội	1181	30L-648.64	Hà Nội	2181	30L-739.98	Hà Nội
182	30L-646.99	Hà Nội	1182	30L-658.96	Hà Nội	2182	30L-740.74	Hà Nội
183	30L-652.15	Hà Nội	1183	30L-661.25	Hà Nội	2183	30L-745.19	Hà Nội
184	30L-653.66	Hà Nội	1184	30L-664.65	Hà Nội	2184	30L-746.47	Hà Nội
185	30L-654.44	Hà Nội	1185	30L-665.52	Hà Nội	2185	30L-748.86	Hà Nội
186	30L-659.28	Hà Nội	1186	30L-666.48	Hà Nội	2186	30L-758.99	Hà Nội
187	30L-659.66	Hà Nội	1187	30L-666.64	Hà Nội	2187	30L-759.68	Hà Nội
188	30L-660.06	Hà Nội	1188	30L-671.29	Hà Nội	2188	30L-760.68	Hà Nội
189	30L-662.23	Hà Nội	1189	30L-673.96	Hà Nội	2189	30L-764.58	Hà Nội
190	30L-670.05	Hà Nội	1190	30L-677.11	Hà Nội	2190	30L-773.39	Hà Nội
191	30L-674.75	Hà Nội	1191	30L-689.00	Hà Nội	2191	30L-774.96	Hà Nội
192	30L-675.75	Hà Nội	1192	30L-693.36	Hà Nội	2192	30L-775.99	Hà Nội
193	30L-675.77	Hà Nội	1193	30L-695.77	Hà Nội	2193	30L-781.09	Hà Nội
194	30L-680.88	Hà Nội	1194	30L-700.66	Hà Nội	2194	30L-783.33	Hà Nội
195	30L-688.20	Hà Nội	1195	30L-700.88	Hà Nội	2195	30L-785.26	Hà Nội
196	30L-696.97	Hà Nội	1196	30L-703.89	Hà Nội	2196	30L-800.26	Hà Nội
197	30L-700.33	Hà Nội	1197	30L-704.70	Hà Nội	2197	30L-801.65	Hà Nội
198	30L-704.77	Hà Nội	1198	30L-707.08	Hà Nội	2198	30L-801.97	Hà Nội
199	30L-705.07	Hà Nội	1199	30L-708.59	Hà Nội	2199	30L-802.59	Hà Nội
200	30L-707.29	Hà Nội	1200	30L-710.69	Hà Nội	2200	30L-803.36	Hà Nội
201	30L-710.95	Hà Nội	1201	30L-713.29	Hà Nội	2201	30L-804.68	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
202	30L-712.21	Hà Nội	1202	30L-718.38	Hà Nội	2202	30L-804.69	Hà Nội
203	30L-712.25	Hà Nội	1203	30L-720.79	Hà Nội	2203	30L-807.66	Hà Nội
204	30L-714.39	Hà Nội	1204	30L-722.19	Hà Nội	2204	30L-810.79	Hà Nội
205	30L-714.99	Hà Nội	1205	30L-722.27	Hà Nội	2205	30L-814.89	Hà Nội
206	30L-721.26	Hà Nội	1206	30L-723.15	Hà Nội	2206	30L-818.65	Hà Nội
207	30L-721.72	Hà Nội	1207	30L-725.99	Hà Nội	2207	30L-820.65	Hà Nội
208	30L-729.69	Hà Nội	1208	30L-729.85	Hà Nội	2208	30L-825.98	Hà Nội
209	30L-730.65	Hà Nội	1209	30L-731.11	Hà Nội	2209	30L-841.79	Hà Nội
210	30L-733.15	Hà Nội	1210	30L-736.89	Hà Nội	2210	30L-845.68	Hà Nội
211	30L-737.36	Hà Nội	1211	30L-745.89	Hà Nội	2211	30L-852.09	Hà Nội
212	30L-739.28	Hà Nội	1212	30L-756.29	Hà Nội	2212	30L-852.69	Hà Nội
213	30L-751.79	Hà Nội	1213	30L-760.99	Hà Nội	2213	30L-855.00	Hà Nội
214	30L-759.25	Hà Nội	1214	30L-764.86	Hà Nội	2214	30L-856.19	Hà Nội
215	30L-761.62	Hà Nội	1215	30L-768.80	Hà Nội	2215	30L-856.69	Hà Nội
216	30L-763.06	Hà Nội	1216	30L-770.25	Hà Nội	2216	30L-857.98	Hà Nội
217	30L-763.88	Hà Nội	1217	30L-770.70	Hà Nội	2217	30L-865.22	Hà Nội
218	30L-764.44	Hà Nội	1218	30L-771.68	Hà Nội	2218	30L-868.84	Hà Nội
219	30L-766.44	Hà Nội	1219	30L-772.68	Hà Nội	2219	30L-869.56	Hà Nội
220	30L-772.69	Hà Nội	1220	30L-773.22	Hà Nội	2220	30L-871.25	Hà Nội
221	30L-777.47	Hà Nội	1221	30L-777.36	Hà Nội	2221	30L-871.85	Hà Nội
222	30L-778.66	Hà Nội	1222	30L-778.55	Hà Nội	2222	30L-872.69	Hà Nội
223	30L-783.87	Hà Nội	1223	30L-780.59	Hà Nội	2223	30L-876.99	Hà Nội
224	30L-790.97	Hà Nội	1224	30L-784.56	Hà Nội	2224	30L-881.98	Hà Nội
225	30L-792.28	Hà Nội	1225	30L-784.89	Hà Nội	2225	30L-884.26	Hà Nội
226	30L-793.97	Hà Nội	1226	30L-789.04	Hà Nội	2226	30L-893.69	Hà Nội
227	30L-799.60	Hà Nội	1227	30L-789.54	Hà Nội	2227	30L-896.62	Hà Nội
228	30L-804.40	Hà Nội	1228	30L-791.38	Hà Nội	2228	30L-904.06	Hà Nội
229	30L-804.58	Hà Nội	1229	30L-794.86	Hà Nội	2229	30L-913.59	Hà Nội
230	30L-807.88	Hà Nội	1230	30L-794.94	Hà Nội	2230	30L-916.38	Hà Nội
231	30L-810.01	Hà Nội	1231	30L-799.83	Hà Nội	2231	30L-919.63	Hà Nội
232	30L-811.65	Hà Nội	1232	30L-801.29	Hà Nội	2232	30L-919.71	Hà Nội
233	30L-812.86	Hà Nội	1233	30L-802.68	Hà Nội	2233	30L-922.16	Hà Nội
234	30L-813.99	Hà Nội	1234	30L-804.11	Hà Nội	2234	30L-924.33	Hà Nội
235	30L-815.08	Hà Nội	1235	30L-805.05	Hà Nội	2235	30L-925.23	Hà Nội
236	30L-815.66	Hà Nội	1236	30L-807.79	Hà Nội	2236	30L-940.40	Hà Nội
237	30L-819.56	Hà Nội	1237	30L-820.68	Hà Nội	2237	30L-942.29	Hà Nội
238	30L-820.26	Hà Nội	1238	30L-826.09	Hà Nội	2238	30L-947.74	Hà Nội
239	30L-820.29	Hà Nội	1239	30L-832.99	Hà Nội	2239	30L-949.94	Hà Nội
240	30L-826.38	Hà Nội	1240	30L-833.34	Hà Nội	2240	30L-959.44	Hà Nội
241	30L-834.89	Hà Nội	1241	30L-834.86	Hà Nội	2241	30L-962.65	Hà Nội
242	30L-835.36	Hà Nội	1242	30L-837.56	Hà Nội	2242	30L-964.39	Hà Nội
243	30L-839.35	Hà Nội	1243	30L-837.69	Hà Nội	2243	30L-972.44	Hà Nội
244	30L-840.48	Hà Nội	1244	30L-840.68	Hà Nội	2244	30L-977.39	Hà Nội
245	30L-847.74	Hà Nội	1245	30L-841.99	Hà Nội	2245	30L-989.85	Hà Nội
246	30L-851.51	Hà Nội	1246	30L-843.33	Hà Nội	2246	30L-990.83	Hà Nội
247	30L-853.68	Hà Nội	1247	30L-845.35	Hà Nội	2247	30L-993.19	Hà Nội
248	30L-857.56	Hà Nội	1248	30L-846.69	Hà Nội	2248	30L-996.43	Hà Nội
249	30L-867.36	Hà Nội	1249	30L-850.44	Hà Nội	2249	30L-999.62	Hà Nội
250	30L-867.87	Hà Nội	1250	30L-855.57	Hà Nội	2250	30M-001.29	Hà Nội
251	30L-874.75	Hà Nội	1251	30L-867.84	Hà Nội	2251	30M-001.86	Hà Nội
252	30L-877.69	Hà Nội	1252	30L-871.36	Hà Nội	2252	30M-008.58	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
253	30L-880.95	Hà Nội	1253	30L-872.68	Hà Nội	2253	30M-017.85	Hà Nội
254	30L-896.79	Hà Nội	1254	30L-880.26	Hà Nội	2254	30M-022.28	Hà Nội
255	30L-898.06	Hà Nội	1255	30L-884.89	Hà Nội	2255	30M-025.36	Hà Nội
256	30L-900.01	Hà Nội	1256	30L-886.76	Hà Nội	2256	51K-745.88	Hồ Chí Minh
257	30L-902.20	Hà Nội	1257	30L-887.39	Hà Nội	2257	51K-746.89	Hồ Chí Minh
258	30L-902.69	Hà Nội	1258	30L-888.14	Hà Nội	2258	51K-748.99	Hồ Chí Minh
259	30L-904.05	Hà Nội	1259	30L-888.31	Hà Nội	2259	51K-757.39	Hồ Chí Minh
260	30L-913.08	Hà Nội	1260	30L-892.83	Hà Nội	2260	51K-761.79	Hồ Chí Minh
261	30L-914.89	Hà Nội	1261	30L-902.03	Hà Nội	2261	51K-772.39	Hồ Chí Minh
262	30L-916.17	Hà Nội	1262	30L-902.06	Hà Nội	2262	51K-784.66	Hồ Chí Minh
263	30L-921.59	Hà Nội	1263	30L-902.25	Hà Nội	2263	51K-793.66	Hồ Chí Minh
264	30L-924.25	Hà Nội	1264	30L-903.30	Hà Nội	2264	51K-798.66	Hồ Chí Minh
265	30L-929.65	Hà Nội	1265	30L-903.86	Hà Nội	2265	51K-812.99	Hồ Chí Minh
266	30L-945.79	Hà Nội	1266	30L-914.79	Hà Nội	2266	51K-813.66	Hồ Chí Minh
267	30L-956.32	Hà Nội	1267	30L-915.79	Hà Nội	2267	51K-826.79	Hồ Chí Minh
268	30L-958.77	Hà Nội	1268	30L-925.89	Hà Nội	2268	51K-829.88	Hồ Chí Minh
269	30L-959.35	Hà Nội	1269	30L-926.78	Hà Nội	2269	51K-831.79	Hồ Chí Minh
270	30L-962.69	Hà Nội	1270	30L-934.69	Hà Nội	2270	51K-831.99	Hồ Chí Minh
271	30L-963.29	Hà Nội	1271	30L-937.56	Hà Nội	2271	51K-839.66	Hồ Chí Minh
272	30L-963.77	Hà Nội	1272	30L-941.88	Hà Nội	2272	51K-842.39	Hồ Chí Minh
273	30L-967.66	Hà Nội	1273	30L-947.47	Hà Nội	2273	51K-842.79	Hồ Chí Minh
274	30L-971.18	Hà Nội	1274	30L-954.68	Hà Nội	2274	51K-843.89	Hồ Chí Minh
275	30L-972.69	Hà Nội	1275	30L-961.89	Hà Nội	2275	51K-844.69	Hồ Chí Minh
276	30L-976.69	Hà Nội	1276	30L-962.89	Hà Nội	2276	51K-851.89	Hồ Chí Minh
277	30L-978.65	Hà Nội	1277	30L-969.06	Hà Nội	2277	51K-852.39	Hồ Chí Minh
278	30L-983.59	Hà Nội	1278	30L-978.97	Hà Nội	2278	51K-877.39	Hồ Chí Minh
279	30L-984.48	Hà Nội	1279	30L-987.65	Hà Nội	2279	51K-887.66	Hồ Chí Minh
280	30L-987.22	Hà Nội	1280	30L-989.93	Hà Nội	2280	51K-890.79	Hồ Chí Minh
281	30L-990.69	Hà Nội	1281	30L-997.65	Hà Nội	2281	51K-891.86	Hồ Chí Minh
282	30L-996.10	Hà Nội	1282	30L-997.86	Hà Nội	2282	51K-893.66	Hồ Chí Minh
283	30L-996.39	Hà Nội	1283	30L-999.32	Hà Nội	2283	51K-897.86	Hồ Chí Minh
284	30L-997.40	Hà Nội	1284	30M-007.39	Hà Nội	2284	51K-925.86	Hồ Chí Minh
285	30L-998.33	Hà Nội	1285	30M-013.98	Hà Nội	2285	51K-927.99	Hồ Chí Minh
286	30M-002.03	Hà Nội	1286	30M-014.15	Hà Nội	2286	51K-934.79	Hồ Chí Minh
287	30M-007.59	Hà Nội	1287	30M-019.10	Hà Nội	2287	51K-934.88	Hồ Chí Minh
288	30M-013.66	Hà Nội	1288	30M-023.29	Hà Nội	2288	51K-941.66	Hồ Chí Minh
289	30M-023.19	Hà Nội	1289	51K-742.99	Hồ Chí Minh	2289	51K-942.39	Hồ Chí Minh
290	30M-026.16	Hà Nội	1290	51K-752.79	Hồ Chí Minh	2290	51K-944.39	Hồ Chí Minh
291	51K-751.99	Hồ Chí Minh	1291	51K-758.66	Hồ Chí Minh	2291	51K-954.68	Hồ Chí Minh
292	51K-758.99	Hồ Chí Minh	1292	51K-769.66	Hồ Chí Minh	2292	51K-955.86	Hồ Chí Minh
293	51K-762.66	Hồ Chí Minh	1293	51K-775.89	Hồ Chí Minh	2293	51K-963.89	Hồ Chí Minh
294	51K-763.66	Hồ Chí Minh	1294	51K-803.03	Hồ Chí Minh	2294	51K-971.66	Hồ Chí Minh
295	51K-784.39	Hồ Chí Minh	1295	51K-813.13	Hồ Chí Minh	2295	51K-974.39	Hồ Chí Minh
296	51K-784.79	Hồ Chí Minh	1296	51K-820.68	Hồ Chí Minh	2296	51K-974.68	Hồ Chí Minh
297	51K-792.89	Hồ Chí Minh	1297	51K-840.86	Hồ Chí Minh	2297	51K-978.69	Hồ Chí Minh
298	51K-810.99	Hồ Chí Minh	1298	51K-843.99	Hồ Chí Minh	2298	51L-015.39	Hồ Chí Minh
299	51K-824.39	Hồ Chí Minh	1299	51K-846.68	Hồ Chí Minh	2299	51L-016.79	Hồ Chí Minh
300	51K-832.39	Hồ Chí Minh	1300	51K-849.49	Hồ Chí Minh	2300	51L-024.66	Hồ Chí Minh
301	51K-844.86	Hồ Chí Minh	1301	51K-853.39	Hồ Chí Minh	2301	51L-027.79	Hồ Chí Minh
302	51K-847.39	Hồ Chí Minh	1302	51K-872.89	Hồ Chí Minh	2302	51L-061.39	Hồ Chí Minh
303	51K-850.89	Hồ Chí Minh	1303	51K-873.66	Hồ Chí Minh	2303	51L-075.88	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
304	51K-882.69	Hồ Chí Minh	1304	51K-877.86	Hồ Chí Minh	2304	51L-082.79	Hồ Chí Minh
305	51K-891.69	Hồ Chí Minh	1305	51K-892.39	Hồ Chí Minh	2305	51L-084.69	Hồ Chí Minh
306	51K-905.69	Hồ Chí Minh	1306	51K-908.69	Hồ Chí Minh	2306	51L-092.39	Hồ Chí Minh
307	51K-907.66	Hồ Chí Minh	1307	51K-920.89	Hồ Chí Minh	2307	51L-149.68	Hồ Chí Minh
308	51K-923.39	Hồ Chí Minh	1308	51K-921.66	Hồ Chí Minh	2308	51L-161.39	Hồ Chí Minh
309	51K-930.69	Hồ Chí Minh	1309	51K-924.24	Hồ Chí Minh	2309	51L-172.68	Hồ Chí Minh
310	51K-941.11	Hồ Chí Minh	1310	51K-928.89	Hồ Chí Minh	2310	51L-182.89	Hồ Chí Minh
311	51K-941.89	Hồ Chí Minh	1311	51K-931.89	Hồ Chí Minh	2311	51L-190.88	Hồ Chí Minh
312	51K-947.39	Hồ Chí Minh	1312	51K-932.89	Hồ Chí Minh	2312	51L-201.89	Hồ Chí Minh
313	51K-948.69	Hồ Chí Minh	1313	51K-935.89	Hồ Chí Minh	2313	51L-204.88	Hồ Chí Minh
314	51K-951.66	Hồ Chí Minh	1314	51K-941.88	Hồ Chí Minh	2314	51L-207.88	Hồ Chí Minh
315	51K-952.66	Hồ Chí Minh	1315	51K-943.39	Hồ Chí Minh	2315	51L-219.97	Hồ Chí Minh
316	51K-954.86	Hồ Chí Minh	1316	51K-974.88	Hồ Chí Minh	2316	51L-226.62	Hồ Chí Minh
317	51K-955.69	Hồ Chí Minh	1317	51K-994.88	Hồ Chí Minh	2317	51L-228.69	Hồ Chí Minh
318	51K-961.89	Hồ Chí Minh	1318	51L-005.39	Hồ Chí Minh	2318	51L-231.66	Hồ Chí Minh
319	51K-963.39	Hồ Chí Minh	1319	51L-020.88	Hồ Chí Minh	2319	51L-231.99	Hồ Chí Minh
320	51K-965.66	Hồ Chí Minh	1320	51L-025.69	Hồ Chí Minh	2320	51L-232.88	Hồ Chí Minh
321	51K-974.86	Hồ Chí Minh	1321	51L-027.88	Hồ Chí Minh	2321	51L-233.44	Hồ Chí Minh
322	51K-974.89	Hồ Chí Minh	1322	51L-028.39	Hồ Chí Minh	2322	51L-241.39	Hồ Chí Minh
323	51L-010.39	Hồ Chí Minh	1323	51L-035.86	Hồ Chí Minh	2323	51L-250.86	Hồ Chí Minh
324	51L-014.88	Hồ Chí Minh	1324	51L-051.69	Hồ Chí Minh	2324	51L-255.86	Hồ Chí Minh
325	51L-052.86	Hồ Chí Minh	1325	51L-062.66	Hồ Chí Minh	2325	51L-258.79	Hồ Chí Minh
326	51L-065.88	Hồ Chí Minh	1326	51L-074.99	Hồ Chí Minh	2326	51L-260.39	Hồ Chí Minh
327	51L-067.39	Hồ Chí Minh	1327	51L-076.68	Hồ Chí Minh	2327	51L-261.88	Hồ Chí Minh
328	51L-087.69	Hồ Chí Minh	1328	51L-081.88	Hồ Chí Minh	2328	51L-273.68	Hồ Chí Minh
329	51L-092.88	Hồ Chí Minh	1329	51L-086.69	Hồ Chí Minh	2329	51L-288.39	Hồ Chí Minh
330	51L-103.79	Hồ Chí Minh	1330	51L-092.69	Hồ Chí Minh	2330	51L-299.86	Hồ Chí Minh
331	51L-104.44	Hồ Chí Minh	1331	51L-102.22	Hồ Chí Minh	2331	51L-304.79	Hồ Chí Minh
332	51L-126.79	Hồ Chí Minh	1332	51L-102.39	Hồ Chí Minh	2332	51L-305.88	Hồ Chí Minh
333	51L-145.66	Hồ Chí Minh	1333	51L-103.66	Hồ Chí Minh	2333	51L-308.66	Hồ Chí Minh
334	51L-148.99	Hồ Chí Minh	1334	51L-106.88	Hồ Chí Minh	2334	51L-311.22	Hồ Chí Minh
335	51L-162.86	Hồ Chí Minh	1335	51L-124.86	Hồ Chí Minh	2335	51L-313.86	Hồ Chí Minh
336	51L-200.33	Hồ Chí Minh	1336	51L-125.89	Hồ Chí Minh	2336	51L-321.88	Hồ Chí Minh
337	51L-204.86	Hồ Chí Minh	1337	51L-132.69	Hồ Chí Minh	2337	51L-325.39	Hồ Chí Minh
338	51L-219.77	Hồ Chí Minh	1338	51L-134.68	Hồ Chí Minh	2338	51L-327.77	Hồ Chí Minh
339	51L-220.00	Hồ Chí Minh	1339	51L-140.68	Hồ Chí Minh	2339	51L-331.86	Hồ Chí Minh
340	51L-222.56	Hồ Chí Minh	1340	51L-141.11	Hồ Chí Minh	2340	51L-335.86	Hồ Chí Minh
341	51L-229.96	Hồ Chí Minh	1341	51L-144.89	Hồ Chí Minh	2341	51L-345.39	Hồ Chí Minh
342	51L-230.00	Hồ Chí Minh	1342	51L-148.39	Hồ Chí Minh	2342	51L-346.66	Hồ Chí Minh
343	51L-231.88	Hồ Chí Minh	1343	51L-162.66	Hồ Chí Minh	2343	51L-351.68	Hồ Chí Minh
344	51L-235.66	Hồ Chí Minh	1344	51L-163.79	Hồ Chí Minh	2344	51L-359.86	Hồ Chí Minh
345	51L-239.32	Hồ Chí Minh	1345	51L-163.89	Hồ Chí Minh	2345	51L-360.88	Hồ Chí Minh
346	51L-242.69	Hồ Chí Minh	1346	51L-191.66	Hồ Chí Minh	2346	51L-362.86	Hồ Chí Minh
347	51L-258.89	Hồ Chí Minh	1347	51L-195.86	Hồ Chí Minh	2347	51L-371.71	Hồ Chí Minh
348	51L-262.39	Hồ Chí Minh	1348	51L-201.69	Hồ Chí Minh	2348	51L-373.39	Hồ Chí Minh
349	51L-265.66	Hồ Chí Minh	1349	51L-208.68	Hồ Chí Minh	2349	51L-390.86	Hồ Chí Minh
350	51L-278.39	Hồ Chí Minh	1350	51L-209.88	Hồ Chí Minh	2350	51L-392.29	Hồ Chí Minh
351	51L-284.44	Hồ Chí Minh	1351	51L-237.88	Hồ Chí Minh	2351	51L-402.86	Hồ Chí Minh
352	51L-288.69	Hồ Chí Minh	1352	51L-240.89	Hồ Chí Minh	2352	51L-403.86	Hồ Chí Minh
353	51L-293.79	Hồ Chí Minh	1353	51L-244.69	Hồ Chí Minh	2353	51L-408.89	Hồ Chí Minh
354	51L-294.86	Hồ Chí Minh	1354	51L-251.39	Hồ Chí Minh	2354	51L-412.39	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
355	51L-298.86	Hồ Chí Minh	1355	51L-251.86	Hồ Chí Minh	2355	51L-417.77	Hồ Chí Minh
356	51L-303.68	Hồ Chí Minh	1356	51L-258.66	Hồ Chí Minh	2356	51L-419.66	Hồ Chí Minh
357	51L-303.89	Hồ Chí Minh	1357	51L-269.66	Hồ Chí Minh	2357	51L-422.88	Hồ Chí Minh
358	51L-310.99	Hồ Chí Minh	1358	51L-273.86	Hồ Chí Minh	2358	51L-423.66	Hồ Chí Minh
359	51L-314.39	Hồ Chí Minh	1359	51L-274.99	Hồ Chí Minh	2359	51L-424.66	Hồ Chí Minh
360	51L-314.68	Hồ Chí Minh	1360	51L-292.86	Hồ Chí Minh	2360	51L-427.69	Hồ Chí Minh
361	51L-320.99	Hồ Chí Minh	1361	51L-294.68	Hồ Chí Minh	2361	51L-430.30	Hồ Chí Minh
362	51L-321.66	Hồ Chí Minh	1362	51L-301.39	Hồ Chí Minh	2362	51L-437.66	Hồ Chí Minh
363	51L-322.86	Hồ Chí Minh	1363	51L-302.66	Hồ Chí Minh	2363	51L-443.39	Hồ Chí Minh
364	51L-326.89	Hồ Chí Minh	1364	51L-309.39	Hồ Chí Minh	2364	51L-444.49	Hồ Chí Minh
365	51L-329.32	Hồ Chí Minh	1365	51L-309.79	Hồ Chí Minh	2365	51L-458.99	Hồ Chí Minh
366	51L-329.88	Hồ Chí Minh	1366	51L-313.89	Hồ Chí Minh	2366	51L-460.60	Hồ Chí Minh
367	51L-352.99	Hồ Chí Minh	1367	51L-323.79	Hồ Chí Minh	2367	51L-460.79	Hồ Chí Minh
368	51L-354.88	Hồ Chí Minh	1368	51L-331.66	Hồ Chí Minh	2368	51L-466.55	Hồ Chí Minh
369	51L-375.39	Hồ Chí Minh	1369	51L-344.79	Hồ Chí Minh	2369	51L-468.66	Hồ Chí Minh
370	51L-378.66	Hồ Chí Minh	1370	51L-344.88	Hồ Chí Minh	2370	51L-468.99	Hồ Chí Minh
371	51L-387.66	Hồ Chí Minh	1371	51L-358.39	Hồ Chí Minh	2371	51L-476.99	Hồ Chí Minh
372	51L-389.86	Hồ Chí Minh	1372	51L-360.68	Hồ Chí Minh	2372	51L-481.69	Hồ Chí Minh
373	51L-390.68	Hồ Chí Minh	1373	51L-364.66	Hồ Chí Minh	2373	51L-482.99	Hồ Chí Minh
374	51L-395.89	Hồ Chí Minh	1374	51L-367.69	Hồ Chí Minh	2374	51L-483.89	Hồ Chí Minh
375	51L-398.69	Hồ Chí Minh	1375	51L-371.68	Hồ Chí Minh	2375	51L-495.86	Hồ Chí Minh
376	51L-406.66	Hồ Chí Minh	1376	51L-374.88	Hồ Chí Minh	2376	51L-496.66	Hồ Chí Minh
377	51L-409.88	Hồ Chí Minh	1377	51L-390.88	Hồ Chí Minh	2377	51L-498.66	Hồ Chí Minh
378	51L-409.90	Hồ Chí Minh	1378	51L-395.68	Hồ Chí Minh	2378	51L-504.99	Hồ Chí Minh
379	51L-412.22	Hồ Chí Minh	1379	51L-406.99	Hồ Chí Minh	2379	51L-513.66	Hồ Chí Minh
380	51L-416.79	Hồ Chí Minh	1380	51L-410.39	Hồ Chí Minh	2380	51L-530.03	Hồ Chí Minh
381	51L-421.88	Hồ Chí Minh	1381	51L-416.86	Hồ Chí Minh	2381	51L-540.69	Hồ Chí Minh
382	51L-429.92	Hồ Chí Minh	1382	51L-417.68	Hồ Chí Minh	2382	51L-543.43	Hồ Chí Minh
383	51L-432.32	Hồ Chí Minh	1383	51L-422.44	Hồ Chí Minh	2383	51L-544.69	Hồ Chí Minh
384	51L-440.89	Hồ Chí Minh	1384	51L-427.86	Hồ Chí Minh	2384	51L-548.88	Hồ Chí Minh
385	51L-450.86	Hồ Chí Minh	1385	51L-429.39	Hồ Chí Minh	2385	51L-561.66	Hồ Chí Minh
386	51L-457.57	Hồ Chí Minh	1386	51L-436.66	Hồ Chí Minh	2386	51L-562.26	Hồ Chí Minh
387	51L-462.89	Hồ Chí Minh	1387	51L-461.68	Hồ Chí Minh	2387	51L-563.86	Hồ Chí Minh
388	51L-467.39	Hồ Chí Minh	1388	51L-471.79	Hồ Chí Minh	2388	51L-574.44	Hồ Chí Minh
389	51L-471.11	Hồ Chí Minh	1389	51L-478.68	Hồ Chí Minh	2389	51L-577.66	Hồ Chí Minh
390	51L-473.73	Hồ Chí Minh	1390	51L-485.99	Hồ Chí Minh	2390	51L-583.33	Hồ Chí Minh
391	51L-480.88	Hồ Chí Minh	1391	51L-487.66	Hồ Chí Minh	2391	51L-583.38	Hồ Chí Minh
392	51L-490.79	Hồ Chí Minh	1392	51L-491.88	Hồ Chí Minh	2392	51L-587.78	Hồ Chí Minh
393	51L-499.68	Hồ Chí Minh	1393	51L-492.89	Hồ Chí Minh	2393	51L-592.86	Hồ Chí Minh
394	51L-499.86	Hồ Chí Minh	1394	51L-502.89	Hồ Chí Minh	2394	51L-594.68	Hồ Chí Minh
395	51L-500.22	Hồ Chí Minh	1395	51L-503.03	Hồ Chí Minh	2395	51L-596.79	Hồ Chí Minh
396	51L-509.86	Hồ Chí Minh	1396	51L-507.69	Hồ Chí Minh	2396	51L-602.86	Hồ Chí Minh
397	51L-513.89	Hồ Chí Minh	1397	51L-510.86	Hồ Chí Minh	2397	51L-603.79	Hồ Chí Minh
398	51L-513.99	Hồ Chí Minh	1398	51L-530.68	Hồ Chí Minh	2398	51L-607.77	Hồ Chí Minh
399	51L-522.44	Hồ Chí Minh	1399	51L-530.69	Hồ Chí Minh	2399	51L-608.66	Hồ Chí Minh
400	51L-530.89	Hồ Chí Minh	1400	51L-530.79	Hồ Chí Minh	2400	51L-612.88	Hồ Chí Minh
401	51L-536.68	Hồ Chí Minh	1401	51L-531.88	Hồ Chí Minh	2401	51L-613.66	Hồ Chí Minh
402	51L-538.89	Hồ Chí Minh	1402	51L-533.79	Hồ Chí Minh	2402	51L-614.99	Hồ Chí Minh
403	51L-547.89	Hồ Chí Minh	1403	51L-534.66	Hồ Chí Minh	2403	51L-619.70	Hồ Chí Minh
404	51L-554.99	Hồ Chí Minh	1404	51L-544.55	Hồ Chí Minh	2404	51L-621.66	Hồ Chí Minh
405	51L-560.39	Hồ Chí Minh	1405	51L-544.99	Hồ Chí Minh	2405	51L-624.89	Hồ Chí Minh

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
406	51L-564.79	Hồ Chí Minh	1406	51L-553.39	Hồ Chí Minh	2406	51L-625.96	Hồ Chí Minh
407	51L-565.79	Hồ Chí Minh	1407	51L-555.29	Hồ Chí Minh	2407	51L-627.33	Hồ Chí Minh
408	51L-565.86	Hồ Chí Minh	1408	51L-560.99	Hồ Chí Minh	2408	51L-627.62	Hồ Chí Minh
409	51L-565.88	Hồ Chí Minh	1409	51L-570.39	Hồ Chí Minh	2409	51L-629.66	Hồ Chí Minh
410	51L-569.56	Hồ Chí Minh	1410	51L-573.37	Hồ Chí Minh	2410	51L-630.03	Hồ Chí Minh
411	51L-574.68	Hồ Chí Minh	1411	51L-574.88	Hồ Chí Minh	2411	51L-638.36	Hồ Chí Minh
412	51L-583.39	Hồ Chí Minh	1412	51L-576.39	Hồ Chí Minh	2412	51L-638.63	Hồ Chí Minh
413	51L-590.86	Hồ Chí Minh	1413	51L-583.66	Hồ Chí Minh	2413	51L-639.29	Hồ Chí Minh
414	51L-593.89	Hồ Chí Minh	1414	51L-587.39	Hồ Chí Minh	2414	51L-640.39	Hồ Chí Minh
415	51L-598.39	Hồ Chí Minh	1415	51L-588.39	Hồ Chí Minh	2415	51L-641.42	Hồ Chí Minh
416	51L-602.20	Hồ Chí Minh	1416	51L-590.68	Hồ Chí Minh	2416	51L-644.39	Hồ Chí Minh
417	51L-610.39	Hồ Chí Minh	1417	51L-596.86	Hồ Chí Minh	2417	51L-652.18	Hồ Chí Minh
418	51L-614.69	Hồ Chí Minh	1418	51L-601.79	Hồ Chí Minh	2418	51L-664.46	Hồ Chí Minh
419	51L-619.69	Hồ Chí Minh	1419	51L-610.01	Hồ Chí Minh	2419	51L-664.64	Hồ Chí Minh
420	51L-629.26	Hồ Chí Minh	1420	51L-610.10	Hồ Chí Minh	2420	51L-674.69	Hồ Chí Minh
421	51L-630.18	Hồ Chí Minh	1421	51L-610.66	Hồ Chí Minh	2421	51L-677.36	Hồ Chí Minh
422	51L-635.63	Hồ Chí Minh	1422	51L-620.55	Hồ Chí Minh	2422	51L-677.68	Hồ Chí Minh
423	51L-637.58	Hồ Chí Minh	1423	51L-630.63	Hồ Chí Minh	2423	51L-686.80	Hồ Chí Minh
424	51L-639.36	Hồ Chí Minh	1424	51L-630.69	Hồ Chí Minh	2424	51L-690.35	Hồ Chí Minh
425	51L-640.69	Hồ Chí Minh	1425	51L-630.79	Hồ Chí Minh	2425	51L-690.66	Hồ Chí Minh
426	51L-642.39	Hồ Chí Minh	1426	51L-631.58	Hồ Chí Minh	2426	51L-691.39	Hồ Chí Minh
427	51L-642.64	Hồ Chí Minh	1427	51L-631.86	Hồ Chí Minh	2427	51L-691.56	Hồ Chí Minh
428	51L-642.66	Hồ Chí Minh	1428	51L-640.86	Hồ Chí Minh	2428	51L-695.08	Hồ Chí Minh
429	51L-646.78	Hồ Chí Minh	1429	51L-641.58	Hồ Chí Minh	2429	51L-701.89	Hồ Chí Minh
430	51L-650.65	Hồ Chí Minh	1430	51L-645.64	Hồ Chí Minh	2430	51L-703.39	Hồ Chí Minh
431	51L-659.56	Hồ Chí Minh	1431	51L-646.86	Hồ Chí Minh	2431	51L-712.96	Hồ Chí Minh
432	51L-659.58	Hồ Chí Minh	1432	51L-648.99	Hồ Chí Minh	2432	51L-715.17	Hồ Chí Minh
433	51L-662.08	Hồ Chí Minh	1433	51L-649.69	Hồ Chí Minh	2433	51L-715.71	Hồ Chí Minh
434	51L-662.89	Hồ Chí Minh	1434	51L-650.83	Hồ Chí Minh	2434	51L-716.86	Hồ Chí Minh
435	51L-670.18	Hồ Chí Minh	1435	51L-650.88	Hồ Chí Minh	2435	51L-718.39	Hồ Chí Minh
436	51L-671.86	Hồ Chí Minh	1436	51L-651.65	Hồ Chí Minh	2436	51L-719.77	Hồ Chí Minh
437	51L-671.96	Hồ Chí Minh	1437	51L-654.54	Hồ Chí Minh	2437	51L-721.88	Hồ Chí Minh
438	51L-674.98	Hồ Chí Minh	1438	51L-658.22	Hồ Chí Minh	2438	51L-725.66	Hồ Chí Minh
439	51L-677.22	Hồ Chí Minh	1439	51L-659.38	Hồ Chí Minh	2439	51L-730.68	Hồ Chí Minh
440	51L-677.69	Hồ Chí Minh	1440	51L-663.69	Hồ Chí Minh	2440	51L-730.98	Hồ Chí Minh
441	51L-678.56	Hồ Chí Minh	1441	51L-663.96	Hồ Chí Minh	2441	51L-730.99	Hồ Chí Minh
442	51L-679.96	Hồ Chí Minh	1442	51L-666.49	Hồ Chí Minh	2442	51L-732.18	Hồ Chí Minh
443	51L-679.98	Hồ Chí Minh	1443	51L-671.88	Hồ Chí Minh	2443	51L-737.88	Hồ Chí Minh
444	51L-680.99	Hồ Chí Minh	1444	51L-672.89	Hồ Chí Minh	2444	51L-739.06	Hồ Chí Minh
445	51L-685.39	Hồ Chí Minh	1445	51L-673.38	Hồ Chí Minh	2445	51L-740.68	Hồ Chí Minh
446	51L-689.06	Hồ Chí Minh	1446	51L-673.73	Hồ Chí Minh	2446	51L-742.39	Hồ Chí Minh
447	51L-692.93	Hồ Chí Minh	1447	51L-679.18	Hồ Chí Minh	2447	51L-755.98	Hồ Chí Minh
448	51L-693.94	Hồ Chí Minh	1448	51L-690.99	Hồ Chí Minh	2448	51L-761.61	Hồ Chí Minh
449	51L-699.28	Hồ Chí Minh	1449	51L-692.08	Hồ Chí Minh	2449	51L-770.71	Hồ Chí Minh
450	51L-700.68	Hồ Chí Minh	1450	51L-694.29	Hồ Chí Minh	2450	51L-771.17	Hồ Chí Minh
451	51L-701.70	Hồ Chí Minh	1451	51L-699.36	Hồ Chí Minh	2451	51L-773.79	Hồ Chí Minh
452	51L-704.88	Hồ Chí Minh	1452	51L-704.11	Hồ Chí Minh	2452	51L-775.69	Hồ Chí Minh
453	51L-709.68	Hồ Chí Minh	1453	51L-704.44	Hồ Chí Minh	2453	51L-779.96	Hồ Chí Minh
454	51L-717.86	Hồ Chí Minh	1454	51L-709.70	Hồ Chí Minh	2454	51L-781.66	Hồ Chí Minh
455	51L-723.39	Hồ Chí Minh	1455	51L-719.78	Hồ Chí Minh	2455	51L-785.79	Hồ Chí Minh
456	51L-723.88	Hồ Chí Minh	1456	51L-719.91	Hồ Chí Minh	2456	51L-794.95	Hồ Chí Minh



Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
457	51L-725.72	Hồ Chí Minh	1457	51L-723.18	Hồ Chí Minh	2457	51L-797.69	Hồ Chí Minh
458	51L-730.37	Hồ Chí Minh	1458	51L-726.79	Hồ Chí Minh	2458	51L-806.06	Hồ Chí Minh
459	51L-731.99	Hồ Chí Minh	1459	51L-730.95	Hồ Chí Minh	2459	51L-807.58	Hồ Chí Minh
460	51L-743.33	Hồ Chí Minh	1460	51L-731.86	Hồ Chí Minh	2460	51L-808.79	Hồ Chí Minh
461	51L-746.47	Hồ Chí Minh	1461	51L-735.35	Hồ Chí Minh	2461	51L-809.86	Hồ Chí Minh
462	51L-746.56	Hồ Chí Minh	1462	51L-736.73	Hồ Chí Minh	2462	51L-810.39	Hồ Chí Minh
463	51L-750.58	Hồ Chí Minh	1463	51L-739.89	Hồ Chí Minh	2463	51L-811.59	Hồ Chí Minh
464	51L-750.83	Hồ Chí Minh	1464	51L-740.19	Hồ Chí Minh	2464	51L-814.59	Hồ Chí Minh
465	51L-758.06	Hồ Chí Minh	1465	51L-742.88	Hồ Chí Minh	2465	51L-816.15	Hồ Chí Minh
466	51L-762.76	Hồ Chí Minh	1466	51L-743.83	Hồ Chí Minh	2466	51L-820.08	Hồ Chí Minh
467	51L-769.26	Hồ Chí Minh	1467	51L-744.89	Hồ Chí Minh	2467	51L-820.09	Hồ Chí Minh
468	51L-777.45	Hồ Chí Minh	1468	51L-746.66	Hồ Chí Minh	2468	51L-824.44	Hồ Chí Minh
469	51L-777.86	Hồ Chí Minh	1469	51L-747.48	Hồ Chí Minh	2469	51L-824.82	Hồ Chí Minh
470	51L-800.39	Hồ Chí Minh	1470	51L-749.79	Hồ Chí Minh	2470	51L-829.16	Hồ Chí Minh
471	51L-801.66	Hồ Chí Minh	1471	51L-751.15	Hồ Chí Minh	2471	51L-832.79	Hồ Chí Minh
472	51L-803.04	Hồ Chí Minh	1472	51L-752.69	Hồ Chí Minh	2472	51L-832.86	Hồ Chí Minh
473	51L-804.38	Hồ Chí Minh	1473	51L-752.86	Hồ Chí Minh	2473	51L-834.68	Hồ Chí Minh
474	51L-806.16	Hồ Chí Minh	1474	51L-755.66	Hồ Chí Minh	2474	51L-841.18	Hồ Chí Minh
475	51L-821.85	Hồ Chí Minh	1475	51L-763.86	Hồ Chí Minh	2475	51L-845.46	Hồ Chí Minh
476	51L-823.82	Hồ Chí Minh	1476	51L-764.85	Hồ Chí Minh	2476	51L-845.89	Hồ Chí Minh
477	51L-825.39	Hồ Chí Minh	1477	51L-767.39	Hồ Chí Minh	2477	51L-852.35	Hồ Chí Minh
478	51L-826.27	Hồ Chí Minh	1478	51L-772.79	Hồ Chí Minh	2478	51L-854.39	Hồ Chí Minh
479	51L-826.79	Hồ Chí Minh	1479	51L-774.79	Hồ Chí Minh	2479	51L-854.44	Hồ Chí Minh
480	51L-830.38	Hồ Chí Minh	1480	51L-775.57	Hồ Chí Minh	2480	51L-857.77	Hồ Chí Minh
481	51L-844.84	Hồ Chí Minh	1481	51L-778.18	Hồ Chí Minh	2481	51L-861.88	Hồ Chí Minh
482	51L-846.47	Hồ Chí Minh	1482	51L-780.86	Hồ Chí Minh	2482	51L-866.22	Hồ Chí Minh
483	51L-870.33	Hồ Chí Minh	1483	51L-783.08	Hồ Chí Minh	2483	51L-870.68	Hồ Chí Minh
484	51L-877.87	Hồ Chí Minh	1484	51L-783.84	Hồ Chí Minh	2484	51L-877.06	Hồ Chí Minh
485	51L-884.99	Hồ Chí Minh	1485	51L-787.59	Hồ Chí Minh	2485	51L-877.39	Hồ Chí Minh
486	51L-890.09	Hồ Chí Minh	1486	51L-789.14	Hồ Chí Minh	2486	51L-887.68	Hồ Chí Minh
487	11A-103.88	Cao Bằng	1487	51L-796.59	Hồ Chí Minh	2487	51L-888.53	Hồ Chí Minh
488	11A-106.69	Cao Bằng	1488	51L-798.08	Hồ Chí Minh	2488	51L-891.59	Hồ Chí Minh
489	11A-109.68	Cao Bằng	1489	51L-800.28	Hồ Chí Minh	2489	51L-892.93	Hồ Chí Minh
490	11A-121.21	Cao Bằng	1490	51L-800.79	Hồ Chí Minh	2490	11A-108.68	Cao Bằng
491	11A-124.88	Cao Bằng	1491	51L-802.68	Hồ Chí Minh	2491	11A-122.88	Cao Bằng
492	11C-083.86	Cao Bằng	1492	51L-805.80	Hồ Chí Minh	2492	11A-128.89	Cao Bằng
493	12A-251.89	Lạng Sơn	1493	51L-805.89	Hồ Chí Minh	2493	11A-134.68	Cao Bằng
494	14A-814.88	Quảng Ninh	1494	51L-807.39	Hồ Chí Minh	2494	12A-230.79	Lạng Sơn
495	14A-834.89	Quảng Ninh	1495	51L-813.81	Hồ Chí Minh	2495	12A-242.86	Lạng Sơn
496	14A-859.66	Quảng Ninh	1496	51L-815.36	Hồ Chí Minh	2496	12A-244.99	Lạng Sơn
497	14A-874.79	Quảng Ninh	1497	51L-815.95	Hồ Chí Minh	2497	12A-251.69	Lạng Sơn
498	14A-877.69	Quảng Ninh	1498	51L-817.99	Hồ Chí Minh	2498	12A-255.89	Lạng Sơn
499	14A-950.79	Quảng Ninh	1499	51L-819.70	Hồ Chí Minh	2499	12A-256.89	Lạng Sơn
500	14A-971.79	Quảng Ninh	1500	51L-822.00	Hồ Chí Minh	2500	12A-258.58	Lạng Sơn
501	15K-161.86	Hải Phòng	1501	51L-823.95	Hồ Chí Minh	2501	14A-817.86	Quảng Ninh
502	15K-164.86	Hải Phòng	1502	51L-825.99	Hồ Chí Minh	2502	14A-827.27	Quảng Ninh
503	15K-172.86	Hải Phòng	1503	51L-828.36	Hồ Chí Minh	2503	14A-834.66	Quảng Ninh
504	15K-221.39	Hải Phòng	1504	51L-839.25	Hồ Chí Minh	2504	14A-873.39	Quảng Ninh
505	15K-242.69	Hải Phòng	1505	51L-839.83	Hồ Chí Minh	2505	14A-907.70	Quảng Ninh
506	15K-260.66	Hải Phòng	1506	51L-840.39	Hồ Chí Minh	2506	14A-910.79	Quảng Ninh
507	15K-273.39	Hải Phòng	1507	51L-841.41	Hồ Chí Minh	2507	14A-940.41	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
508	15K-304.89	Hải Phòng	1508	51L-848.89	Hồ Chí Minh	2508	14A-950.89	Quảng Ninh
509	15K-324.86	Hải Phòng	1509	51L-849.84	Hồ Chí Minh	2509	15K-143.39	Hải Phòng
510	15K-325.69	Hải Phòng	1510	51L-857.11	Hồ Chí Minh	2510	15K-221.69	Hải Phòng
511	15K-330.39	Hải Phòng	1511	51L-857.65	Hồ Chí Minh	2511	15K-241.11	Hải Phòng
512	15K-344.86	Hải Phòng	1512	51L-862.11	Hồ Chí Minh	2512	15K-254.69	Hải Phòng
513	15K-346.34	Hải Phòng	1513	51L-867.08	Hồ Chí Minh	2513	15K-266.11	Hải Phòng
514	15K-412.79	Hải Phòng	1514	51L-867.83	Hồ Chí Minh	2514	15K-273.89	Hải Phòng
515	15K-417.14	Hải Phòng	1515	51L-873.89	Hồ Chí Minh	2515	15K-274.69	Hải Phòng
516	17A-374.66	Thái Bình	1516	51L-875.78	Hồ Chí Minh	2516	15K-302.86	Hải Phòng
517	17A-400.55	Thái Bình	1517	51L-876.88	Hồ Chí Minh	2517	15K-313.99	Hải Phòng
518	17A-410.69	Thái Bình	1518	51L-880.69	Hồ Chí Minh	2518	15K-328.29	Hải Phòng
519	17A-419.66	Thái Bình	1519	51L-886.45	Hồ Chí Minh	2519	15K-329.66	Hải Phòng
520	17A-439.88	Thái Bình	1520	11A-117.39	Cao Bằng	2520	15K-330.66	Hải Phòng
521	17A-443.88	Thái Bình	1521	11A-133.89	Cao Bằng	2521	15K-362.66	Hải Phòng
522	17A-454.89	Thái Bình	1522	12A-248.68	Lạng Sơn	2522	15K-384.69	Hải Phòng
523	17A-455.22	Thái Bình	1523	12A-249.24	Lạng Sơn	2523	15K-403.88	Hải Phòng
524	17A-456.39	Thái Bình	1524	14A-807.79	Quảng Ninh	2524	15K-412.22	Hải Phòng
525	17A-480.84	Thái Bình	1525	14A-841.99	Quảng Ninh	2525	17A-403.39	Thái Bình
526	18A-373.66	Nam Định	1526	14A-859.86	Quảng Ninh	2526	17A-413.86	Thái Bình
527	18A-381.89	Nam Định	1527	14A-860.69	Quảng Ninh	2527	17A-430.88	Thái Bình
528	18A-385.69	Nam Định	1528	14A-894.86	Quảng Ninh	2528	17A-433.89	Thái Bình
529	18A-407.77	Nam Định	1529	14A-937.79	Quảng Ninh	2529	17A-435.99	Thái Bình
530	18A-421.99	Nam Định	1530	14A-946.69	Quảng Ninh	2530	17A-446.69	Thái Bình
531	18A-428.86	Nam Định	1531	14A-947.66	Quảng Ninh	2531	18A-371.66	Nam Định
532	18A-434.86	Nam Định	1532	14A-954.45	Quảng Ninh	2532	18A-376.39	Nam Định
533	18A-441.39	Nam Định	1533	14A-955.00	Quảng Ninh	2533	18A-410.86	Nam Định
534	18A-444.09	Nam Định	1534	15K-143.79	Hải Phòng	2534	18A-426.99	Nam Định
535	18A-444.22	Nam Định	1535	15K-152.79	Hải Phòng	2535	18A-450.89	Nam Định
536	18A-455.79	Nam Định	1536	15K-157.39	Hải Phòng	2536	18A-454.89	Nam Định
537	18A-467.39	Nam Định	1537	15K-200.44	Hải Phòng	2537	18A-482.22	Nam Định
538	19A-533.39	Phú Thọ	1538	15K-246.69	Hải Phòng	2538	19A-532.88	Phú Thọ
539	19A-534.99	Phú Thọ	1539	15K-248.84	Hải Phòng	2539	19A-543.39	Phú Thọ
540	19A-543.68	Phú Thọ	1540	15K-291.11	Hải Phòng	2540	19A-633.55	Phú Thọ
541	19A-581.68	Phú Thọ	1541	15K-308.80	Hải Phòng	2541	19A-643.79	Phú Thọ
542	19A-587.66	Phú Thọ	1542	15K-315.39	Hải Phòng	2542	19A-670.70	Phú Thọ
543	19A-589.88	Phú Thọ	1543	15K-341.11	Hải Phòng	2543	19A-673.89	Phú Thọ
544	19A-634.86	Phú Thọ	1544	15K-349.69	Hải Phòng	2544	20A-690.00	Thái Nguyên
545	19A-675.69	Phú Thọ	1545	15K-355.22	Hải Phòng	2545	20A-707.99	Thái Nguyên
546	19A-680.80	Phú Thọ	1546	15K-384.83	Hải Phòng	2546	20A-708.69	Thái Nguyên
547	19A-712.79	Phú Thọ	1547	15K-385.79	Hải Phòng	2547	20A-772.72	Thái Nguyên
548	20A-691.79	Thái Nguyên	1548	15K-412.89	Hải Phòng	2548	20A-773.69	Thái Nguyên
549	20A-720.79	Thái Nguyên	1549	15K-413.69	Hải Phòng	2549	20A-784.79	Thái Nguyên
550	20A-731.69	Thái Nguyên	1550	17A-387.69	Thái Bình	2550	20A-837.68	Thái Nguyên
551	20A-744.22	Thái Nguyên	1551	17A-390.86	Thái Bình	2551	20A-845.55	Thái Nguyên
552	20A-748.66	Thái Nguyên	1552	17A-397.68	Thái Bình	2552	20A-846.69	Thái Nguyên
553	20A-759.96	Thái Nguyên	1553	17A-408.88	Thái Bình	2553	20A-852.58	Thái Nguyên
554	20A-780.69	Thái Nguyên	1554	17B-027.89	Thái Bình	2554	20A-854.79	Thái Nguyên
555	20A-781.69	Thái Nguyên	1555	18A-375.68	Nam Định	2555	20C-298.68	Thái Nguyên
556	20A-788.33	Thái Nguyên	1556	18A-390.69	Nam Định	2556	20C-302.22	Thái Nguyên
557	20A-809.39	Thái Nguyên	1557	18A-402.02	Nam Định	2557	21A-187.86	Yên Bái
558	20A-815.15	Thái Nguyên	1558	18A-418.66	Nam Định	2558	21A-203.30	Yên Bái

PHÂN

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
559	20A-817.89	Thái Nguyên	1559	18A-419.66	Nam Định	2559	21A-205.05	Yên Bái
560	20A-822.11	Thái Nguyên	1560	18A-452.22	Nam Định	2560	21A-206.39	Yên Bái
561	20A-837.86	Thái Nguyên	1561	18A-453.69	Nam Định	2561	21A-209.69	Yên Bái
562	20A-852.69	Thái Nguyên	1562	18A-463.68	Nam Định	2562	21B-012.68	Yên Bái
563	20B-032.69	Thái Nguyên	1563	19A-587.78	Phú Thọ	2563	22A-202.68	Tuyên Quang
564	20C-299.55	Thái Nguyên	1564	19A-599.33	Phú Thọ	2564	22A-206.06	Tuyên Quang
565	21A-175.66	Yên Bái	1565	19A-622.77	Phú Thọ	2565	22A-208.68	Tuyên Quang
566	21A-188.00	Yên Bái	1566	19A-623.89	Phú Thọ	2566	22A-219.86	Tuyên Quang
567	21A-209.88	Yên Bái	1567	19A-624.39	Phú Thọ	2567	22A-242.79	Tuyên Quang
568	21A-215.12	Yên Bái	1568	19A-639.88	Phú Thọ	2568	23A-143.89	Hà Giang
569	21A-216.86	Yên Bái	1569	19A-684.79	Phú Thọ	2569	23A-148.86	Hà Giang
570	21A-217.21	Yên Bái	1570	19A-703.30	Phú Thọ	2570	23A-151.99	Hà Giang
571	22A-205.79	Tuyên Quang	1571	19D-016.69	Phú Thọ	2571	24A-276.68	Lào Cai
572	22A-250.86	Tuyên Quang	1572	20A-769.39	Thái Nguyên	2572	24A-289.66	Lào Cai
573	22A-261.66	Tuyên Quang	1573	20A-774.69	Thái Nguyên	2573	24A-297.66	Lào Cai
574	22A-266.00	Tuyên Quang	1574	20A-785.69	Thái Nguyên	2574	24A-305.88	Lào Cai
575	23A-134.89	Hà Giang	1575	20A-791.86	Thái Nguyên	2575	25A-069.68	Lai Châu
576	23A-147.47	Hà Giang	1576	20A-819.71	Thái Nguyên	2576	25A-071.66	Lai Châu
577	23A-163.63	Hà Giang	1577	20A-840.99	Thái Nguyên	2577	26A-188.79	Sơn La
578	24A-265.89	Lào Cai	1578	21A-197.68	Yên Bái	2578	26A-211.00	Sơn La
579	24A-274.44	Lào Cai	1579	21A-199.39	Yên Bái	2579	26A-213.69	Sơn La
580	24A-275.86	Lào Cai	1580	21A-204.88	Yên Bái	2580	26A-213.79	Sơn La
581	24A-296.79	Lào Cai	1581	21A-210.68	Yên Bái	2581	26A-221.12	Sơn La
582	24C-163.66	Lào Cai	1582	21A-211.88	Yên Bái	2582	26A-233.00	Sơn La
583	25A-075.69	Lai Châu	1583	21A-213.39	Yên Bái	2583	26A-233.68	Sơn La
584	26A-179.39	Sơn La	1584	22A-205.89	Tuyên Quang	2584	26B-016.69	Sơn La
585	26A-192.86	Sơn La	1585	22A-224.88	Tuyên Quang	2585	28A-218.81	Hòa Bình
586	26A-204.89	Sơn La	1586	22A-236.39	Tuyên Quang	2586	28A-237.69	Hòa Bình
587	26A-217.88	Sơn La	1587	22A-252.89	Tuyên Quang	2587	28C-116.86	Hòa Bình
588	27A-103.88	Điện Biên	1588	22C-109.86	Tuyên Quang	2588	29D-605.55	Hà Nội
589	28A-207.89	Hòa Bình	1589	24A-251.69	Lào Cai	2589	29D-619.19	Hà Nội
590	28A-241.66	Hòa Bình	1590	24A-314.41	Lào Cai	2590	29D-621.66	Hà Nội
591	28A-250.79	Hòa Bình	1591	26A-182.79	Sơn La	2591	29K-220.66	Hà Nội
592	28A-250.88	Hòa Bình	1592	26A-186.79	Sơn La	2592	29K-223.44	Hà Nội
593	28B-015.39	Hòa Bình	1593	26A-208.08	Sơn La	2593	29K-235.68	Hà Nội
594	28B-015.86	Hòa Bình	1594	26A-214.88	Sơn La	2594	29K-238.32	Hà Nội
595	29B-652.86	Hà Nội	1595	26A-215.99	Sơn La	2595	29K-244.88	Hà Nội
596	29D-623.89	Hà Nội	1596	26A-230.39	Sơn La	2596	29K-251.18	Hà Nội
597	29K-227.89	Hà Nội	1597	26C-156.79	Sơn La	2597	29K-268.69	Hà Nội
598	29K-233.28	Hà Nội	1598	26C-157.99	Sơn La	2598	29K-273.88	Hà Nội
599	29K-234.08	Hà Nội	1599	26D-011.68	Sơn La	2599	29K-297.86	Hà Nội
600	29K-239.93	Hà Nội	1600	27A-108.39	Điện Biên	2600	29K-298.39	Hà Nội
601	29K-244.24	Hà Nội	1601	27C-072.39	Điện Biên	2601	29K-301.79	Hà Nội
602	29K-248.48	Hà Nội	1602	28A-210.89	Hòa Bình	2602	29K-306.55	Hà Nội
603	29K-250.22	Hà Nội	1603	28A-213.86	Hòa Bình	2603	29K-308.89	Hà Nội
604	29K-250.79	Hà Nội	1604	28A-237.99	Hòa Bình	2604	29K-310.77	Hà Nội
605	29K-256.39	Hà Nội	1605	28A-242.89	Hòa Bình	2605	29K-315.33	Hà Nội
606	29K-257.33	Hà Nội	1606	28A-255.79	Hòa Bình	2606	29K-315.69	Hà Nội
607	29K-258.66	Hà Nội	1607	29B-651.79	Hà Nội	2607	29K-323.86	Hà Nội
608	29K-260.62	Hà Nội	1608	29B-652.52	Hà Nội	2608	29K-325.11	Hà Nội
609	29K-262.33	Hà Nội	1609	29D-606.86	Hà Nội	2609	34A-712.69	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
610	29K-264.99	Hà Nội	1610	29D-616.16	Hà Nội	2610	34A-713.39	Hải Dương
611	29K-266.25	Hà Nội	1611	29D-616.68	Hà Nội	2611	34A-731.68	Hải Dương
612	29K-277.88	Hà Nội	1612	29K-241.14	Hà Nội	2612	34A-745.89	Hải Dương
613	29K-295.66	Hà Nội	1613	29K-248.79	Hà Nội	2613	34A-761.86	Hải Dương
614	29K-296.98	Hà Nội	1614	29K-251.99	Hà Nội	2614	34A-763.39	Hải Dương
615	29K-298.33	Hà Nội	1615	29K-253.39	Hà Nội	2615	34A-790.99	Hải Dương
616	29K-300.89	Hà Nội	1616	29K-254.69	Hà Nội	2616	34A-817.39	Hải Dương
617	29K-306.78	Hà Nội	1617	29K-262.00	Hà Nội	2617	34A-823.86	Hải Dương
618	29K-308.66	Hà Nội	1618	29K-266.00	Hà Nội	2618	34A-834.69	Hải Dương
619	29K-311.83	Hà Nội	1619	29K-275.66	Hà Nội	2619	34A-834.88	Hải Dương
620	29K-315.51	Hà Nội	1620	29K-276.39	Hà Nội	2620	34A-844.66	Hải Dương
621	29K-315.86	Hà Nội	1621	29K-280.81	Hà Nội	2621	34A-845.55	Hải Dương
622	29K-316.11	Hà Nội	1622	29K-284.82	Hà Nội	2622	34A-860.60	Hải Dương
623	29K-317.06	Hà Nội	1623	29K-291.68	Hà Nội	2623	34A-892.66	Hải Dương
624	29K-320.20	Hà Nội	1624	29K-298.38	Hà Nội	2624	34A-906.86	Hải Dương
625	34A-711.69	Hải Dương	1625	29K-301.56	Hà Nội	2625	34C-416.66	Hải Dương
626	34A-745.39	Hải Dương	1626	29K-305.55	Hà Nội	2626	34D-036.89	Hải Dương
627	34A-745.69	Hải Dương	1627	29K-318.77	Hà Nội	2627	35A-406.86	Ninh Bình
628	34A-760.68	Hải Dương	1628	29K-318.81	Hà Nội	2628	35A-422.79	Ninh Bình
629	34A-770.70	Hải Dương	1629	29K-325.16	Hà Nội	2629	35A-426.69	Ninh Bình
630	34A-777.69	Hải Dương	1630	34A-728.28	Hải Dương	2630	35A-432.68	Ninh Bình
631	34A-790.68	Hải Dương	1631	34A-744.39	Hải Dương	2631	35A-435.69	Ninh Bình
632	34A-797.86	Hải Dương	1632	34A-750.68	Hải Dương	2632	35A-435.79	Ninh Bình
633	34A-802.79	Hải Dương	1633	34A-765.55	Hải Dương	2633	35A-444.27	Ninh Bình
634	34A-809.68	Hải Dương	1634	34A-770.99	Hải Dương	2634	35A-446.69	Ninh Bình
635	34A-830.99	Hải Dương	1635	34A-774.39	Hải Dương	2635	35A-458.59	Ninh Bình
636	34A-846.39	Hải Dương	1636	34A-807.99	Hải Dương	2636	36A-940.79	Thanh Hóa
637	34A-874.87	Hải Dương	1637	34A-847.68	Hải Dương	2637	36A-941.79	Thanh Hóa
638	34A-881.11	Hải Dương	1638	34A-890.86	Hải Dương	2638	36A-949.79	Thanh Hóa
639	34A-890.89	Hải Dương	1639	34A-897.86	Hải Dương	2639	36K-031.39	Thanh Hóa
640	34A-891.11	Hải Dương	1640	34A-908.66	Hải Dương	2640	36K-045.99	Thanh Hóa
641	34D-037.69	Hải Dương	1641	35A-348.39	Ninh Bình	2641	36K-054.54	Thanh Hóa
642	35A-352.66	Ninh Bình	1642	35A-364.99	Ninh Bình	2642	36K-058.86	Thanh Hóa
643	35A-364.68	Ninh Bình	1643	35A-413.99	Ninh Bình	2643	36K-080.79	Thanh Hóa
644	35A-371.88	Ninh Bình	1644	35A-420.86	Ninh Bình	2644	36K-089.69	Thanh Hóa
645	35A-413.88	Ninh Bình	1645	35A-422.55	Ninh Bình	2645	36K-091.19	Thanh Hóa
646	35A-428.69	Ninh Bình	1646	35A-452.66	Ninh Bình	2646	36K-092.86	Thanh Hóa
647	35A-443.89	Ninh Bình	1647	35A-453.66	Ninh Bình	2647	36K-092.89	Thanh Hóa
648	35A-448.49	Ninh Bình	1648	35A-454.45	Ninh Bình	2648	36K-094.44	Thanh Hóa
649	35A-450.00	Ninh Bình	1649	36A-964.88	Thanh Hóa	2649	36K-095.79	Thanh Hóa
650	35A-452.99	Ninh Bình	1650	36A-972.69	Thanh Hóa	2650	36K-104.86	Thanh Hóa
651	35A-453.53	Ninh Bình	1651	36A-984.79	Thanh Hóa	2651	36K-106.79	Thanh Hóa
652	35A-453.99	Ninh Bình	1652	36C-522.33	Thanh Hóa	2652	36K-133.44	Thanh Hóa
653	35A-460.99	Ninh Bình	1653	36C-527.39	Thanh Hóa	2653	36K-134.39	Thanh Hóa
654	36A-957.88	Thanh Hóa	1654	36C-528.69	Thanh Hóa	2654	36K-146.66	Thanh Hóa
655	36D-025.52	Thanh Hóa	1655	36K-020.69	Thanh Hóa	2655	36K-170.86	Thanh Hóa
656	36K-000.86	Thanh Hóa	1656	36K-025.79	Thanh Hóa	2656	36K-176.68	Thanh Hóa
657	36K-011.22	Thanh Hóa	1657	36K-044.99	Thanh Hóa	2657	36K-198.69	Thanh Hóa
658	36K-030.79	Thanh Hóa	1658	36K-054.89	Thanh Hóa	2658	37K-193.89	Nghệ An
659	36K-034.69	Thanh Hóa	1659	36K-072.27	Thanh Hóa	2659	37K-212.88	Nghệ An
660	36K-052.68	Thanh Hóa	1660	36K-076.76	Thanh Hóa	2660	37K-234.79	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
661	36K-088.79	Thanh Hóa	1661	36K-100.77	Thanh Hóa	2661	37K-239.66	Nghệ An
662	36K-095.95	Thanh Hóa	1662	36K-112.99	Thanh Hóa	2662	37K-247.69	Nghệ An
663	36K-108.86	Thanh Hóa	1663	36K-113.79	Thanh Hóa	2663	37K-267.39	Nghệ An
664	36K-129.66	Thanh Hóa	1664	36K-130.69	Thanh Hóa	2664	37K-278.69	Nghệ An
665	36K-159.68	Thanh Hóa	1665	36K-134.44	Thanh Hóa	2665	37K-324.99	Nghệ An
666	36K-179.66	Thanh Hóa	1666	36K-154.66	Thanh Hóa	2666	37K-351.99	Nghệ An
667	36K-219.77	Thanh Hóa	1667	36K-156.56	Thanh Hóa	2667	37K-355.22	Nghệ An
668	37C-562.66	Nghệ An	1668	36K-183.18	Thanh Hóa	2668	37K-412.68	Nghệ An
669	37K-185.79	Nghệ An	1669	36K-209.88	Thanh Hóa	2669	37K-424.88	Nghệ An
670	37K-227.88	Nghệ An	1670	36K-219.71	Thanh Hóa	2670	37K-429.24	Nghệ An
671	37K-241.68	Nghệ An	1671	37C-557.39	Nghệ An	2671	37K-434.43	Nghệ An
672	37K-299.22	Nghệ An	1672	37K-208.69	Nghệ An	2672	37K-448.39	Nghệ An
673	37K-302.22	Nghệ An	1673	37K-211.55	Nghệ An	2673	38A-544.44	Hà Tĩnh
674	37K-374.66	Nghệ An	1674	37K-217.17	Nghệ An	2674	38A-555.53	Hà Tĩnh
675	37K-422.39	Nghệ An	1675	37K-221.11	Nghệ An	2675	38A-617.69	Hà Tĩnh
676	37K-431.32	Nghệ An	1676	37K-230.00	Nghệ An	2676	38A-639.66	Hà Tĩnh
677	37K-433.77	Nghệ An	1677	37K-243.33	Nghệ An	2677	38A-648.49	Hà Tĩnh
678	37K-434.88	Nghệ An	1678	37K-261.88	Nghệ An	2678	38A-653.56	Hà Tĩnh
679	37K-442.44	Nghệ An	1679	37K-270.66	Nghệ An	2679	38A-655.33	Hà Tĩnh
680	37K-444.13	Nghệ An	1680	37K-289.66	Nghệ An	2680	38C-232.99	Hà Tĩnh
681	37K-453.68	Nghệ An	1681	37K-328.79	Nghệ An	2681	38C-238.69	Hà Tĩnh
682	37K-454.54	Nghệ An	1682	37K-341.66	Nghệ An	2682	43A-771.88	Đà Nẵng
683	37K-458.89	Nghệ An	1683	37K-349.66	Nghệ An	2683	43A-782.22	Đà Nẵng
684	38A-544.39	Hà Tĩnh	1684	37K-362.66	Nghệ An	2684	43A-853.53	Đà Nẵng
685	38A-631.32	Hà Tĩnh	1685	37K-367.66	Nghệ An	2685	43A-864.39	Đà Nẵng
686	38A-635.66	Hà Tĩnh	1686	37K-372.99	Nghệ An	2686	43A-865.65	Đà Nẵng
687	38A-648.64	Hà Tĩnh	1687	37K-435.88	Nghệ An	2687	43A-873.39	Đà Nẵng
688	38A-654.66	Hà Tĩnh	1688	37K-435.99	Nghệ An	2688	43A-874.39	Đà Nẵng
689	38A-662.89	Hà Tĩnh	1689	37K-437.34	Nghệ An	2689	43A-875.88	Đà Nẵng
690	38A-671.76	Hà Tĩnh	1690	37K-458.68	Nghệ An	2690	43A-880.68	Đà Nẵng
691	43A-771.89	Đà Nẵng	1691	37K-478.66	Nghệ An	2691	43A-895.59	Đà Nẵng
692	43A-778.86	Đà Nẵng	1692	37K-478.74	Nghệ An	2692	43A-919.74	Đà Nẵng
693	43A-780.00	Đà Nẵng	1693	37K-479.66	Nghệ An	2693	43A-928.92	Đà Nẵng
694	43A-800.99	Đà Nẵng	1694	37K-479.68	Nghệ An	2694	43A-934.69	Đà Nẵng
695	43A-850.50	Đà Nẵng	1695	38A-545.86	Hà Tĩnh	2695	43A-934.99	Đà Nẵng
696	43A-864.66	Đà Nẵng	1696	38A-549.88	Hà Tĩnh	2696	47A-595.66	Đắk Lắk
697	43A-878.39	Đà Nẵng	1697	38A-560.89	Hà Tĩnh	2697	47A-631.11	Đắk Lắk
698	43A-884.86	Đà Nẵng	1698	38A-643.89	Hà Tĩnh	2698	47A-696.86	Đắk Lắk
699	43A-894.86	Đà Nẵng	1699	38B-021.39	Hà Tĩnh	2699	47A-733.39	Đắk Lắk
700	43A-895.79	Đà Nẵng	1700	38D-017.69	Hà Tĩnh	2700	47A-737.88	Đắk Lắk
701	43A-904.68	Đà Nẵng	1701	43A-775.99	Đà Nẵng	2701	47A-749.68	Đắk Lắk
702	43A-914.79	Đà Nẵng	1702	43A-777.00	Đà Nẵng	2702	47A-769.39	Đắk Lắk
703	43A-919.96	Đà Nẵng	1703	43A-790.00	Đà Nẵng	2703	47A-806.39	Đắk Lắk
704	43A-919.98	Đà Nẵng	1704	43A-802.88	Đà Nẵng	2704	47C-378.68	Đắk Lắk
705	43A-922.00	Đà Nẵng	1705	43A-811.22	Đà Nẵng	2705	48A-218.79	Đắk Nông
706	43A-922.44	Đà Nẵng	1706	43A-820.69	Đà Nẵng	2706	48C-111.29	Đắk Nông
707	43A-925.99	Đà Nẵng	1707	43A-820.99	Đà Nẵng	2707	49A-607.07	Lâm Đồng
708	43C-311.86	Đà Nẵng	1708	43A-874.86	Đà Nẵng	2708	49A-682.82	Lâm Đồng
709	43C-313.89	Đà Nẵng	1709	43A-893.99	Đà Nẵng	2709	49A-700.77	Lâm Đồng
710	43D-011.33	Đà Nẵng	1710	43A-901.89	Đà Nẵng	2710	49A-707.99	Lâm Đồng
711	47A-605.88	Đắk Lắk	1711	47A-600.55	Đắk Lắk	2711	49C-369.66	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
712	47A-608.86	Đắk Lắk	1712	47A-672.39	Đắk Lắk	2712	51D-827.89	Hồ Chí Minh
713	47A-656.86	Đắk Lắk	1713	47A-675.75	Đắk Lắk	2713	51E-325.52	Hồ Chí Minh
714	47A-658.99	Đắk Lắk	1714	47A-693.89	Đắk Lắk	2714	51M-011.15	Hồ Chí Minh
715	47A-674.86	Đắk Lắk	1715	47A-694.79	Đắk Lắk	2715	51M-017.44	Hồ Chí Minh
716	47A-697.89	Đắk Lắk	1716	47A-708.79	Đắk Lắk	2716	51M-017.68	Hồ Chí Minh
717	47A-706.99	Đắk Lắk	1717	47A-711.39	Đắk Lắk	2717	51M-019.26	Hồ Chí Minh
718	47A-718.88	Đắk Lắk	1718	47A-728.82	Đắk Lắk	2718	51M-030.22	Hồ Chí Minh
719	47A-720.79	Đắk Lắk	1719	47A-729.69	Đắk Lắk	2719	51M-037.83	Hồ Chí Minh
720	47A-749.79	Đắk Lắk	1720	47A-748.99	Đắk Lắk	2720	51M-039.66	Hồ Chí Minh
721	47A-755.00	Đắk Lắk	1721	47A-766.76	Đắk Lắk	2721	51M-051.44	Hồ Chí Minh
722	47A-757.69	Đắk Lắk	1722	47A-768.69	Đắk Lắk	2722	60K-362.68	Đồng Nai
723	47A-759.68	Đắk Lắk	1723	47A-783.78	Đắk Lắk	2723	60K-384.88	Đồng Nai
724	47A-759.75	Đắk Lắk	1724	48A-195.39	Đắk Nông	2724	60K-411.99	Đồng Nai
725	47A-764.86	Đắk Lắk	1725	48A-206.69	Đắk Nông	2725	60K-428.79	Đồng Nai
726	47A-766.89	Đắk Lắk	1726	48A-219.68	Đắk Nông	2726	60K-461.11	Đồng Nai
727	47A-780.69	Đắk Lắk	1727	48A-239.32	Đắk Nông	2727	60K-487.66	Đồng Nai
728	47A-780.86	Đắk Lắk	1728	48A-241.24	Đắk Nông	2728	60K-506.68	Đồng Nai
729	47A-781.79	Đắk Lắk	1729	48C-112.66	Đắk Nông	2729	60K-512.79	Đồng Nai
730	47C-382.86	Đắk Lắk	1730	49A-615.89	Lâm Đồng	2730	60K-570.00	Đồng Nai
731	48A-198.66	Đắk Nông	1731	49A-625.99	Lâm Đồng	2731	60K-570.79	Đồng Nai
732	48A-232.66	Đắk Nông	1732	49A-643.68	Lâm Đồng	2732	60K-574.74	Đồng Nai
733	48A-243.44	Đắk Nông	1733	49A-691.99	Lâm Đồng	2733	60K-592.59	Đồng Nai
734	49A-613.88	Lâm Đồng	1734	49A-709.69	Lâm Đồng	2734	60K-593.86	Đồng Nai
735	49A-617.39	Lâm Đồng	1735	49C-345.86	Lâm Đồng	2735	60K-595.86	Đồng Nai
736	49A-621.99	Lâm Đồng	1736	49C-375.57	Lâm Đồng	2736	60K-608.08	Đồng Nai
737	49A-649.39	Lâm Đồng	1737	51D-829.88	Hồ Chí Minh	2737	61C-597.69	Bình Dương
738	49A-649.49	Lâm Đồng	1738	51D-855.86	Hồ Chí Minh	2738	61C-605.68	Bình Dương
739	49A-659.79	Lâm Đồng	1739	51D-881.89	Hồ Chí Minh	2739	61K-264.99	Bình Dương
740	49A-663.69	Lâm Đồng	1740	51E-329.99	Hồ Chí Minh	2740	61K-280.68	Bình Dương
741	49A-673.79	Lâm Đồng	1741	51M-009.00	Hồ Chí Minh	2741	61K-292.88	Bình Dương
742	49A-692.79	Lâm Đồng	1742	51M-012.89	Hồ Chí Minh	2742	61K-294.79	Bình Dương
743	49A-711.89	Lâm Đồng	1743	51M-023.85	Hồ Chí Minh	2743	61K-298.66	Bình Dương
744	49A-720.27	Lâm Đồng	1744	51M-031.31	Hồ Chí Minh	2744	61K-361.68	Bình Dương
745	49A-724.72	Lâm Đồng	1745	51M-039.98	Hồ Chí Minh	2745	61K-382.39	Bình Dương
746	49C-371.86	Lâm Đồng	1746	51M-043.39	Hồ Chí Minh	2746	61K-382.68	Bình Dương
747	49C-378.78	Lâm Đồng	1747	51M-047.86	Hồ Chí Minh	2747	61K-385.99	Bình Dương
748	49C-379.86	Lâm Đồng	1748	60C-736.88	Đồng Nai	2748	61K-404.86	Bình Dương
749	51B-516.79	Hồ Chí Minh	1749	60C-736.99	Đồng Nai	2749	61K-411.12	Bình Dương
750	51D-838.68	Hồ Chí Minh	1750	60K-347.89	Đồng Nai	2750	61K-411.55	Bình Dương
751	51D-852.68	Hồ Chí Minh	1751	60K-390.99	Đồng Nai	2751	61K-433.44	Bình Dương
752	51D-858.39	Hồ Chí Minh	1752	60K-391.68	Đồng Nai	2752	61K-433.86	Bình Dương
753	51D-876.79	Hồ Chí Minh	1753	60K-392.86	Đồng Nai	2753	61K-436.36	Bình Dương
754	51D-886.99	Hồ Chí Minh	1754	60K-402.68	Đồng Nai	2754	61K-445.68	Bình Dương
755	51E-328.69	Hồ Chí Minh	1755	60K-403.79	Đồng Nai	2755	61K-461.99	Bình Dương
756	51E-331.86	Hồ Chí Minh	1756	60K-407.66	Đồng Nai	2756	61K-487.84	Bình Dương
757	51M-013.77	Hồ Chí Minh	1757	60K-440.00	Đồng Nai	2757	61K-518.15	Bình Dương
758	51M-019.10	Hồ Chí Minh	1758	60K-462.66	Đồng Nai	2758	62A-425.99	Long An
759	51M-020.66	Hồ Chí Minh	1759	60K-471.86	Đồng Nai	2759	62A-426.62	Long An
760	51M-035.89	Hồ Chí Minh	1760	60K-486.69	Đồng Nai	2760	62A-441.39	Long An
761	51M-037.44	Hồ Chí Minh	1761	60K-490.79	Đồng Nai	2761	62A-448.39	Long An
762	51M-040.38	Hồ Chí Minh	1762	60K-510.68	Đồng Nai	2762	62A-467.76	Long An

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
763	51M-044.88	Hồ Chí Minh	1763	60K-513.69	Đồng Nai	2763	63A-261.88	Tiền Giang
764	60C-748.88	Đồng Nai	1764	60K-513.99	Đồng Nai	2764	63A-263.39	Tiền Giang
765	60C-752.88	Đồng Nai	1765	60K-539.66	Đồng Nai	2765	63A-278.99	Tiền Giang
766	60D-018.99	Đồng Nai	1766	60K-560.39	Đồng Nai	2766	63A-300.55	Tiền Giang
767	60K-348.79	Đồng Nai	1767	60K-561.99	Đồng Nai	2767	63A-310.13	Tiền Giang
768	60K-433.44	Đồng Nai	1768	60K-593.79	Đồng Nai	2768	63A-323.99	Tiền Giang
769	60K-438.83	Đồng Nai	1769	61C-609.89	Bình Dương	2769	63C-223.89	Tiền Giang
770	60K-450.66	Đồng Nai	1770	61D-019.89	Bình Dương	2770	63C-226.62	Tiền Giang
771	60K-458.99	Đồng Nai	1771	61K-252.89	Bình Dương	2771	63C-227.99	Tiền Giang
772	60K-464.44	Đồng Nai	1772	61K-263.86	Bình Dương	2772	64A-164.69	Vĩnh Long
773	60K-476.39	Đồng Nai	1773	61K-291.89	Bình Dương	2773	64A-202.39	Vĩnh Long
774	60K-560.79	Đồng Nai	1774	61K-307.68	Bình Dương	2774	64A-203.02	Vĩnh Long
775	60K-570.39	Đồng Nai	1775	61K-329.79	Bình Dương	2775	65A-410.88	Cần Thơ
776	60K-611.69	Đồng Nai	1776	61K-432.66	Bình Dương	2776	65A-413.86	Cần Thơ
777	60K-612.69	Đồng Nai	1777	61K-441.66	Bình Dương	2777	65A-433.89	Cần Thơ
778	61C-596.96	Bình Dương	1778	61K-469.99	Bình Dương	2778	65A-435.66	Cần Thơ
779	61C-601.39	Bình Dương	1779	61K-504.86	Bình Dương	2779	65A-437.73	Cần Thơ
780	61C-601.79	Bình Dương	1780	62A-355.99	Long An	2780	65A-454.44	Cần Thơ
781	61C-602.79	Bình Dương	1781	62A-356.79	Long An	2781	65A-459.89	Cần Thơ
782	61K-276.89	Bình Dương	1782	62A-367.88	Long An	2782	65A-460.00	Cần Thơ
783	61K-291.39	Bình Dương	1783	62A-390.69	Long An	2783	65A-460.06	Cần Thơ
784	61K-306.06	Bình Dương	1784	62A-392.88	Long An	2784	65A-503.03	Cần Thơ
785	61K-321.99	Bình Dương	1785	62A-426.89	Long An	2785	65A-510.69	Cần Thơ
786	61K-371.99	Bình Dương	1786	62A-430.39	Long An	2786	65A-513.14	Cần Thơ
787	61K-398.86	Bình Dương	1787	62A-444.78	Long An	2787	65C-227.77	Cần Thơ
788	61K-410.01	Bình Dương	1788	62A-445.45	Long An	2788	65C-231.66	Cần Thơ
789	61K-420.68	Bình Dương	1789	62A-459.96	Long An	2789	66A-244.88	Đồng Tháp
790	61K-424.69	Bình Dương	1790	62B-029.86	Long An	2790	66A-256.68	Đồng Tháp
791	61K-433.68	Bình Dương	1791	63A-269.88	Tiền Giang	2791	66A-257.69	Đồng Tháp
792	61K-444.01	Bình Dương	1792	63A-278.86	Tiền Giang	2792	66A-277.66	Đồng Tháp
793	61K-467.69	Bình Dương	1793	63A-294.49	Tiền Giang	2793	66A-295.59	Đồng Tháp
794	61K-470.69	Bình Dương	1794	63A-297.66	Tiền Giang	2794	66A-295.79	Đồng Tháp
795	61K-479.68	Bình Dương	1795	63A-297.68	Tiền Giang	2795	66A-299.55	Đồng Tháp
796	61K-487.66	Bình Dương	1796	63A-299.22	Tiền Giang	2796	66C-182.89	Đồng Tháp
797	61K-491.99	Bình Dương	1797	63A-300.79	Tiền Giang	2797	66D-011.88	Đồng Tháp
798	61K-503.04	Bình Dương	1798	63A-306.66	Tiền Giang	2798	67A-275.86	An Giang
799	61K-504.69	Bình Dương	1799	63A-306.99	Tiền Giang	2799	67A-284.86	An Giang
800	61K-515.86	Bình Dương	1800	63A-318.31	Tiền Giang	2800	67A-305.69	An Giang
801	62A-400.86	Long An	1801	63C-225.89	Tiền Giang	2801	67A-312.88	An Giang
802	62A-402.86	Long An	1802	64A-167.69	Vĩnh Long	2802	67A-312.99	An Giang
803	62A-429.68	Long An	1803	64A-172.99	Vĩnh Long	2803	67A-328.29	An Giang
804	62A-444.09	Long An	1804	64A-187.69	Vĩnh Long	2804	67B-027.39	An Giang
805	62A-463.63	Long An	1805	64A-189.39	Vĩnh Long	2805	68A-316.89	Kiên Giang
806	62A-464.69	Long An	1806	64A-189.98	Vĩnh Long	2806	68A-318.81	Kiên Giang
807	63A-263.89	Tiền Giang	1807	64A-200.86	Vĩnh Long	2807	68A-321.69	Kiên Giang
808	63A-277.89	Tiền Giang	1808	64B-015.69	Vĩnh Long	2808	68A-335.36	Kiên Giang
809	63A-284.79	Tiền Giang	1809	65A-400.44	Cần Thơ	2809	68A-338.89	Kiên Giang
810	64A-158.79	Vĩnh Long	1810	65A-404.89	Cần Thơ	2810	68A-342.66	Kiên Giang
811	64A-175.66	Vĩnh Long	1811	65A-414.79	Cần Thơ	2811	68A-344.39	Kiên Giang
812	64A-198.39	Vĩnh Long	1812	65A-428.28	Cần Thơ	2812	68A-358.35	Kiên Giang
813	65A-384.68	Cần Thơ	1813	65A-441.88	Cần Thơ	2813	68A-360.36	Kiên Giang

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
814	65A-394.89	Cần Thơ	1814	65A-448.99	Cần Thơ	2814	68B-032.23	Kiên Giang
815	65A-400.99	Cần Thơ	1815	65A-503.89	Cần Thơ	2815	69A-157.66	Cà Mau
816	65A-401.11	Cần Thơ	1816	65A-506.79	Cần Thơ	2816	69A-165.55	Cà Mau
817	65A-442.99	Cần Thơ	1817	65A-507.08	Cần Thơ	2817	69B-011.66	Cà Mau
818	65A-458.99	Cần Thơ	1818	66A-239.66	Đồng Tháp	2818	70A-461.66	Tây Ninh
819	65A-482.89	Cần Thơ	1819	66A-258.85	Đồng Tháp	2819	70A-475.99	Tây Ninh
820	65A-503.05	Cần Thơ	1820	66A-278.99	Đồng Tháp	2820	70A-481.79	Tây Ninh
821	66A-251.88	Đồng Tháp	1821	66A-301.23	Đồng Tháp	2821	70A-521.79	Tây Ninh
822	66A-264.39	Đồng Tháp	1822	67A-263.68	An Giang	2822	70A-535.99	Tây Ninh
823	66A-270.68	Đồng Tháp	1823	67A-273.69	An Giang	2823	70A-546.88	Tây Ninh
824	66A-276.86	Đồng Tháp	1824	67A-282.68	An Giang	2824	70A-555.89	Tây Ninh
825	66A-282.99	Đồng Tháp	1825	67A-285.68	An Giang	2825	70A-557.89	Tây Ninh
826	67A-263.99	An Giang	1826	67A-288.86	An Giang	2826	70A-578.69	Tây Ninh
827	67A-280.88	An Giang	1827	67A-289.98	An Giang	2827	70C-209.86	Tây Ninh
828	67A-283.69	An Giang	1828	67A-301.11	An Giang	2828	71A-195.99	Bến Tre
829	67A-288.22	An Giang	1829	68A-300.88	Kiên Giang	2829	71A-209.69	Bến Tre
830	67A-317.39	An Giang	1830	68A-317.69	Kiên Giang	2830	71B-021.68	Bến Tre
831	68A-314.89	Kiên Giang	1831	68A-327.66	Kiên Giang	2831	72A-704.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
832	68A-364.88	Kiên Giang	1832	68A-350.86	Kiên Giang	2832	72A-723.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
833	69A-133.44	Cà Mau	1833	68A-357.66	Kiên Giang	2833	72A-729.69	Bà Rịa - Vũng Tàu
834	69A-162.63	Cà Mau	1834	68A-359.79	Kiên Giang	2834	72A-735.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
835	69A-162.69	Cà Mau	1835	69A-147.68	Cà Mau	2835	72A-748.79	Bà Rịa - Vũng Tàu
836	69A-162.89	Cà Mau	1836	69A-154.79	Cà Mau	2836	72A-782.86	Bà Rịa - Vũng Tàu
837	70A-459.89	Tây Ninh	1837	69A-168.39	Cà Mau	2837	72A-783.89	Bà Rịa - Vũng Tàu
838	70A-470.86	Tây Ninh	1838	70A-499.88	Tây Ninh	2838	72A-793.66	Bà Rịa - Vũng Tàu
839	70A-472.66	Tây Ninh	1839	70A-511.79	Tây Ninh	2839	72A-833.39	Bà Rịa - Vũng Tàu
840	70A-476.39	Tây Ninh	1840	70A-521.86	Tây Ninh	2840	72C-231.68	Bà Rịa - Vũng Tàu
841	70A-501.39	Tây Ninh	1841	70A-537.77	Tây Ninh	2841	73A-308.39	Quảng Bình
842	70A-515.99	Tây Ninh	1842	70A-540.89	Tây Ninh	2842	73A-308.99	Quảng Bình
843	70A-522.68	Tây Ninh	1843	70A-548.99	Tây Ninh	2843	73A-310.99	Quảng Bình
844	70A-542.66	Tây Ninh	1844	70C-209.88	Tây Ninh	2844	73A-315.39	Quảng Bình
845	70A-544.66	Tây Ninh	1845	71A-186.39	Bến Tre	2845	73A-328.89	Quảng Bình
846	70A-553.68	Tây Ninh	1846	71A-194.89	Bến Tre	2846	73A-329.68	Quảng Bình
847	70A-553.86	Tây Ninh	1847	71A-202.02	Bến Tre	2847	73A-344.88	Quảng Bình
848	70A-558.79	Tây Ninh	1848	71C-131.79	Bến Tre	2848	73A-347.89	Quảng Bình
849	71A-173.66	Bến Tre	1849	72A-708.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	2849	73A-366.63	Quảng Bình
850	71A-190.66	Bến Tre	1850	72A-723.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	2850	73B-015.39	Quảng Bình
851	72A-703.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	1851	72A-730.69	Bà Rịa - Vũng Tàu	2851	74A-242.68	Quảng Trị
852	72A-716.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	1852	72A-730.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2852	74A-248.66	Quảng Trị
853	72A-762.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	1853	72A-733.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2853	74A-249.96	Quảng Trị
854	72A-772.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	1854	72A-765.88	Bà Rịa - Vũng Tàu	2854	74A-255.79	Quảng Trị
855	72A-834.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	1855	72A-769.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2855	74A-260.69	Quảng Trị
856	73A-302.89	Quảng Bình	1856	72A-807.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2856	74A-265.56	Quảng Trị
857	73A-305.79	Quảng Bình	1857	72A-822.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	2857	74A-267.79	Quảng Trị
858	73A-311.86	Quảng Bình	1858	72A-824.86	Bà Rịa - Vũng Tàu	2858	74A-276.72	Quảng Trị
859	73A-313.69	Quảng Bình	1859	72A-837.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	2859	74C-135.35	Quảng Trị
860	73A-313.79	Quảng Bình	1860	73A-312.39	Quảng Bình	2860	75A-316.99	Thừa Thiên Huế
861	73A-325.88	Quảng Bình	1861	73A-323.79	Quảng Bình	2861	75A-329.89	Thừa Thiên Huế
862	73C-187.88	Quảng Bình	1862	73A-334.88	Quảng Bình	2862	75A-359.66	Thừa Thiên Huế
863	73C-187.99	Quảng Bình	1863	73A-336.39	Quảng Bình	2863	75A-367.77	Thừa Thiên Huế
864	74A-266.44	Quảng Trị	1864	73A-358.85	Quảng Bình	2864	75A-375.57	Thừa Thiên Huế

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
865	74A-271.11	Quảng Trị	1865	73C-189.39	Quảng Bình	2865	75B-026.68	Thừa Thiên Huế
866	75A-322.86	Thừa Thiên Huế	1866	74A-265.88	Quảng Trị	2866	75B-028.82	Thừa Thiên Huế
867	75A-332.22	Thừa Thiên Huế	1867	75A-331.99	Thừa Thiên Huế	2867	76A-231.79	Quảng Ngãi
868	75A-338.39	Thừa Thiên Huế	1868	75A-356.65	Thừa Thiên Huế	2868	76A-239.88	Quảng Ngãi
869	75A-367.39	Thừa Thiên Huế	1869	75A-367.86	Thừa Thiên Huế	2869	76A-249.88	Quảng Ngãi
870	75A-371.73	Thừa Thiên Huế	1870	75A-372.66	Thừa Thiên Huế	2870	76A-251.89	Quảng Ngãi
871	75A-373.66	Thừa Thiên Huế	1871	76A-245.79	Quảng Ngãi	2871	76A-284.79	Quảng Ngãi
872	75A-379.88	Thừa Thiên Huế	1872	76A-251.39	Quảng Ngãi	2872	76A-322.11	Quảng Ngãi
873	75C-155.39	Thừa Thiên Huế	1873	76A-264.89	Quảng Ngãi	2873	77A-314.39	Bình Định
874	76A-274.89	Quảng Ngãi	1874	76A-267.66	Quảng Ngãi	2874	77A-344.11	Bình Định
875	76A-281.11	Quảng Ngãi	1875	76A-283.33	Quảng Ngãi	2875	77A-347.79	Bình Định
876	76A-314.44	Quảng Ngãi	1876	76A-306.69	Quảng Ngãi	2876	77A-350.79	Bình Định
877	77A-292.86	Bình Định	1877	76A-315.89	Quảng Ngãi	2877	77A-353.99	Bình Định
878	77A-310.66	Bình Định	1878	77A-318.89	Bình Định	2878	78A-182.69	Phú Yên
879	77B-037.39	Bình Định	1879	77A-326.86	Bình Định	2879	78A-184.89	Phú Yên
880	77C-252.66	Bình Định	1880	77A-328.86	Bình Định	2880	78A-184.99	Phú Yên
881	78A-198.79	Phú Yên	1881	77A-344.66	Bình Định	2881	78A-191.88	Phú Yên
882	78A-202.39	Phú Yên	1882	78A-187.77	Phú Yên	2882	78A-194.39	Phú Yên
883	78C-125.55	Phú Yên	1883	78A-199.22	Phú Yên	2883	78A-197.99	Phú Yên
884	79A-510.68	Khánh Hòa	1884	78A-201.11	Phú Yên	2884	78A-204.86	Phú Yên
885	79A-534.89	Khánh Hòa	1885	78A-201.39	Phú Yên	2885	78A-205.66	Phú Yên
886	79A-540.79	Khánh Hòa	1886	78A-203.66	Phú Yên	2886	78A-213.21	Phú Yên
887	79A-545.69	Khánh Hòa	1887	78A-209.66	Phú Yên	2887	79A-466.89	Khánh Hòa
888	79A-547.45	Khánh Hòa	1888	79A-467.88	Khánh Hòa	2888	79A-480.88	Khánh Hòa
889	79A-549.79	Khánh Hòa	1889	79A-473.68	Khánh Hòa	2889	79A-489.86	Khánh Hòa
890	79A-555.11	Khánh Hòa	1890	79A-492.69	Khánh Hòa	2890	79A-523.89	Khánh Hòa
891	81A-387.86	Gia Lai	1891	79A-496.88	Khánh Hòa	2891	79A-529.66	Khánh Hòa
892	81A-415.99	Gia Lai	1892	79A-516.61	Khánh Hòa	2892	79A-547.86	Khánh Hòa
893	81A-424.42	Gia Lai	1893	79A-531.68	Khánh Hòa	2893	79A-556.39	Khánh Hòa
894	81A-447.39	Gia Lai	1894	79A-551.11	Khánh Hòa	2894	79A-557.58	Khánh Hòa
895	81B-025.68	Gia Lai	1895	79A-555.00	Khánh Hòa	2895	79C-222.56	Khánh Hòa
896	81D-012.86	Gia Lai	1896	81A-369.66	Gia Lai	2896	81A-380.79	Gia Lai
897	82A-126.69	Kon Tum	1897	81A-371.39	Gia Lai	2897	81A-389.69	Gia Lai
898	82A-144.79	Kon Tum	1898	81A-372.79	Gia Lai	2898	81A-395.59	Gia Lai
899	82A-145.69	Kon Tum	1899	81A-387.99	Gia Lai	2899	81A-413.99	Gia Lai
900	83A-163.33	Sóc Trăng	1900	81A-406.79	Gia Lai	2900	81A-419.19	Gia Lai
901	83A-188.81	Sóc Trăng	1901	81A-406.88	Gia Lai	2901	81C-278.66	Gia Lai
902	84A-123.86	Trà Vinh	1902	81A-416.61	Gia Lai	2902	81D-011.77	Gia Lai
903	84A-132.99	Trà Vinh	1903	81A-422.89	Gia Lai	2903	82A-138.68	Kon Tum
904	84A-142.24	Trà Vinh	1904	81A-430.88	Gia Lai	2904	82A-149.39	Kon Tum
905	84A-143.79	Trà Vinh	1905	81A-444.69	Gia Lai	2905	82A-156.51	Kon Tum
906	84C-122.66	Trà Vinh	1906	81C-268.66	Gia Lai	2906	83A-174.39	Sóc Trăng
907	85A-112.79	Ninh Thuận	1907	82A-148.48	Kon Tum	2907	83A-183.86	Sóc Trăng
908	86A-260.66	Bình Thuận	1908	82B-017.79	Kon Tum	2908	83A-187.87	Sóc Trăng
909	86A-264.88	Bình Thuận	1909	83A-178.87	Sóc Trăng	2909	84A-143.14	Trà Vinh
910	86A-272.88	Bình Thuận	1910	84A-126.89	Trà Vinh	2910	84B-018.18	Trà Vinh
911	86A-275.69	Bình Thuận	1911	84A-137.68	Trà Vinh	2911	85A-112.89	Ninh Thuận
912	86A-303.66	Bình Thuận	1912	84A-137.89	Trà Vinh	2912	85A-133.55	Ninh Thuận
913	86A-309.39	Bình Thuận	1913	85A-128.89	Ninh Thuận	2913	85A-137.66	Ninh Thuận
914	86A-314.86	Bình Thuận	1914	85A-144.33	Ninh Thuận	2914	85A-142.22	Ninh Thuận
915	86B-021.79	Bình Thuận	1915	85B-011.88	Ninh Thuận	2915	85B-011.79	Ninh Thuận

514
ÔNG
IÊU
ỚP D
ỆT I
XUÂN

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
916	88A-623.88	Vĩnh Phúc	1916	86A-266.89	Bình Thuận	2916	86A-261.68	Bình Thuận
917	88A-625.39	Vĩnh Phúc	1917	88A-670.88	Vĩnh Phúc	2917	86A-284.68	Bình Thuận
918	88A-634.69	Vĩnh Phúc	1918	88A-680.88	Vĩnh Phúc	2918	86A-309.79	Bình Thuận
919	88A-639.66	Vĩnh Phúc	1919	88A-691.79	Vĩnh Phúc	2919	88A-608.89	Vĩnh Phúc
920	88A-651.99	Vĩnh Phúc	1920	88A-730.89	Vĩnh Phúc	2920	88A-610.99	Vĩnh Phúc
921	88A-652.99	Vĩnh Phúc	1921	88A-734.34	Vĩnh Phúc	2921	88A-614.68	Vĩnh Phúc
922	88A-660.00	Vĩnh Phúc	1922	88A-752.88	Vĩnh Phúc	2922	88A-637.37	Vĩnh Phúc
923	88A-675.79	Vĩnh Phúc	1923	88A-759.68	Vĩnh Phúc	2923	88A-673.68	Vĩnh Phúc
924	88A-711.89	Vĩnh Phúc	1924	88A-777.03	Vĩnh Phúc	2924	88A-690.79	Vĩnh Phúc
925	88A-725.86	Vĩnh Phúc	1925	88A-781.18	Vĩnh Phúc	2925	88A-702.22	Vĩnh Phúc
926	88A-729.66	Vĩnh Phúc	1926	88A-781.88	Vĩnh Phúc	2926	88A-710.01	Vĩnh Phúc
927	88A-741.79	Vĩnh Phúc	1927	88A-783.39	Vĩnh Phúc	2927	88A-725.25	Vĩnh Phúc
928	88A-742.66	Vĩnh Phúc	1928	88A-784.88	Vĩnh Phúc	2928	88A-733.77	Vĩnh Phúc
929	88A-768.76	Vĩnh Phúc	1929	88C-296.99	Vĩnh Phúc	2929	88A-738.83	Vĩnh Phúc
930	88C-297.66	Vĩnh Phúc	1930	88C-307.66	Vĩnh Phúc	2930	88A-748.39	Vĩnh Phúc
931	88C-306.68	Vĩnh Phúc	1931	89A-413.13	Hung Yên	2931	88A-758.58	Vĩnh Phúc
932	88C-307.89	Vĩnh Phúc	1932	89A-420.39	Hung Yên	2932	88A-772.88	Vĩnh Phúc
933	89A-403.66	Hung Yên	1933	89A-435.66	Hung Yên	2933	88C-303.66	Vĩnh Phúc
934	89A-405.79	Hung Yên	1934	89A-443.69	Hung Yên	2934	88C-307.86	Vĩnh Phúc
935	89A-411.69	Hung Yên	1935	89A-444.43	Hung Yên	2935	89A-405.66	Hung Yên
936	89A-449.86	Hung Yên	1936	89A-444.68	Hung Yên	2936	89A-410.68	Hung Yên
937	89A-460.00	Hung Yên	1937	89A-464.68	Hung Yên	2937	89A-413.89	Hung Yên
938	89A-472.72	Hung Yên	1938	89A-482.68	Hung Yên	2938	89A-465.66	Hung Yên
939	89A-473.79	Hung Yên	1939	89A-495.79	Hung Yên	2939	89A-482.69	Hung Yên
940	89A-523.86	Hung Yên	1940	89A-505.06	Hung Yên	2940	89A-488.22	Hung Yên
941	89C-333.55	Hung Yên	1941	89A-524.66	Hung Yên	2941	89A-491.86	Hung Yên
942	89C-337.88	Hung Yên	1942	89B-023.69	Hung Yên	2942	89A-496.69	Hung Yên
943	90A-220.68	Hà Nam	1943	89C-335.35	Hung Yên	2943	89A-506.89	Hung Yên
944	90A-256.39	Hà Nam	1944	90A-231.86	Hà Nam	2944	89A-507.39	Hung Yên
945	90B-011.22	Hà Nam	1945	90A-254.79	Hà Nam	2945	89A-522.69	Hung Yên
946	90D-008.88	Hà Nam	1946	90A-276.86	Hà Nam	2946	89C-335.79	Hung Yên
947	92A-363.99	Quảng Nam	1947	92A-359.66	Quảng Nam	2947	90A-222.59	Hà Nam
948	92A-365.99	Quảng Nam	1948	92A-367.99	Quảng Nam	2948	90A-253.86	Hà Nam
949	92A-368.66	Quảng Nam	1949	92A-377.00	Quảng Nam	2949	90A-263.66	Hà Nam
950	92A-381.99	Quảng Nam	1950	93A-408.79	Bình Phước	2950	90A-265.65	Hà Nam
951	92A-400.99	Quảng Nam	1951	93A-433.77	Bình Phước	2951	90A-271.68	Hà Nam
952	92A-403.03	Quảng Nam	1952	93A-435.55	Bình Phước	2952	90A-272.99	Hà Nam
953	92A-404.86	Quảng Nam	1953	93A-435.68	Bình Phước	2953	92A-360.68	Quảng Nam
954	92C-251.69	Quảng Nam	1954	93A-437.99	Bình Phước	2954	92A-361.66	Quảng Nam
955	93A-408.99	Bình Phước	1955	93A-448.68	Bình Phước	2955	92A-365.79	Quảng Nam
956	93A-425.25	Bình Phước	1956	93A-469.66	Bình Phước	2956	92A-379.86	Quảng Nam
957	93A-426.86	Bình Phước	1957	93A-479.69	Bình Phước	2957	92A-413.39	Quảng Nam
958	93A-427.79	Bình Phước	1958	93A-485.89	Bình Phước	2958	92C-252.25	Quảng Nam
959	93A-427.86	Bình Phước	1959	93A-495.55	Bình Phước	2959	93A-416.68	Bình Phước
960	93A-443.33	Bình Phước	1960	94A-099.68	Bạc Liêu	2960	93A-430.79	Bình Phước
961	93A-444.89	Bình Phước	1961	94B-011.69	Bạc Liêu	2961	93A-446.39	Bình Phước
962	93A-453.66	Bình Phước	1962	95C-087.88	Hậu Giang	2962	93A-455.77	Bình Phước
963	93A-461.16	Bình Phước	1963	97A-074.89	Bắc Kạn	2963	93A-493.49	Bình Phước
964	93A-461.39	Bình Phước	1964	97A-088.79	Bắc Kạn	2964	93A-504.39	Bình Phước
965	93A-480.68	Bình Phước	1965	98A-648.99	Bắc Giang	2965	94A-103.69	Bạc Liêu
966	93A-487.48	Bình Phước	1966	98A-674.79	Bắc Giang	2966	95A-134.39	Hậu Giang

TỶ
IÁ
NH
AM
-T.P.H

Ca đấu buổi sáng								
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
967	93A-492.22	Bình Phước	1967	98A-718.79	Bắc Giang	2967	95B-011.55	Hậu Giang
968	93A-493.79	Bình Phước	1968	98A-728.86	Bắc Giang	2968	95C-086.66	Hậu Giang
969	93C-196.88	Bình Phước	1969	98A-743.79	Bắc Giang	2969	97B-015.39	Bắc Kạn
970	95A-120.99	Hậu Giang	1970	98A-762.62	Bắc Giang	2970	98A-727.88	Bắc Giang
971	95A-132.99	Hậu Giang	1971	98A-806.99	Bắc Giang	2971	98A-730.88	Bắc Giang
972	97A-079.86	Bắc Kạn	1972	98A-812.18	Bắc Giang	2972	98A-774.47	Bắc Giang
973	98A-626.39	Bắc Giang	1973	98A-817.17	Bắc Giang	2973	98A-775.69	Bắc Giang
974	98A-634.79	Bắc Giang	1974	98A-822.00	Bắc Giang	2974	98A-777.73	Bắc Giang
975	98A-644.39	Bắc Giang	1975	98A-844.99	Bắc Giang	2975	98A-783.69	Bắc Giang
976	98A-717.86	Bắc Giang	1976	98A-851.58	Bắc Giang	2976	98A-794.68	Bắc Giang
977	98A-725.39	Bắc Giang	1977	98C-366.61	Bắc Giang	2977	98A-794.89	Bắc Giang
978	98A-731.69	Bắc Giang	1978	98D-016.69	Bắc Giang	2978	98A-807.86	Bắc Giang
979	98A-744.99	Bắc Giang	1979	98D-017.86	Bắc Giang	2979	98A-819.18	Bắc Giang
980	98A-751.89	Bắc Giang	1980	99A-670.00	Bắc Ninh	2980	98A-837.83	Bắc Giang
981	98A-753.33	Bắc Giang	1981	99A-673.39	Bắc Ninh	2981	98A-841.14	Bắc Giang
982	98A-754.88	Bắc Giang	1982	99A-700.88	Bắc Ninh	2982	98A-849.96	Bắc Giang
983	98A-758.69	Bắc Giang	1983	99A-713.68	Bắc Ninh	2983	98A-850.86	Bắc Giang
984	98A-781.69	Bắc Giang	1984	99A-738.89	Bắc Ninh	2984	98A-856.65	Bắc Giang
985	98A-805.66	Bắc Giang	1985	99A-741.79	Bắc Ninh	2985	99A-673.79	Bắc Ninh
986	98A-819.84	Bắc Giang	1986	99A-754.79	Bắc Ninh	2986	99A-681.11	Bắc Ninh
987	98A-819.90	Bắc Giang	1987	99A-767.88	Bắc Ninh	2987	99A-721.89	Bắc Ninh
988	98A-820.00	Bắc Giang	1988	99A-770.66	Bắc Ninh	2988	99A-738.79	Bắc Ninh
989	98A-824.82	Bắc Giang	1989	99A-774.74	Bắc Ninh	2989	99A-741.66	Bắc Ninh
990	99A-670.86	Bắc Ninh	1990	99A-782.39	Bắc Ninh	2990	99A-751.69	Bắc Ninh
991	99A-730.99	Bắc Ninh	1991	99A-798.69	Bắc Ninh	2991	99A-752.86	Bắc Ninh
992	99A-736.89	Bắc Ninh	1992	99A-812.22	Bắc Ninh	2992	99A-773.39	Bắc Ninh
993	99A-790.79	Bắc Ninh	1993	99A-819.18	Bắc Ninh	2993	99A-777.13	Bắc Ninh
994	99A-815.51	Bắc Ninh	1994	99A-831.31	Bắc Ninh	2994	99A-792.68	Bắc Ninh
995	99A-821.88	Bắc Ninh	1995	99A-841.11	Bắc Ninh	2995	99A-814.44	Bắc Ninh
996	99A-830.38	Bắc Ninh	1996	99A-841.79	Bắc Ninh	2996	99A-820.86	Bắc Ninh
997	99A-843.66	Bắc Ninh	1997	99A-847.69	Bắc Ninh	2997	99A-842.88	Bắc Ninh
998	99B-027.66	Bắc Ninh	1998	99C-328.86	Bắc Ninh	2998	99A-844.45	Bắc Ninh
999	99C-328.79	Bắc Ninh	1999	99D-021.66	Bắc Ninh	2999	99C-325.99	Bắc Ninh
1000	99D-022.33	Bắc Ninh	2000	99D-023.86	Bắc Ninh	3000	99D-021.68	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3001	30L-986.68	Hà Nội	4001	30L-766.66	Hà Nội			
3002	37K-389.98	Nghệ An	4002	30L-886.68	Hà Nội			
3003	38A-655.55	Hà Tĩnh	4003	60K-588.88	Đồng Nai			
3004	49C-369.69	Lâm Đồng	4004	67C-186.86	An Giang			
3005	30K-407.39	Hà Nội	4005	70A-568.86	Tây Ninh			
3006	30K-413.66	Hà Nội	4006	30K-405.89	Hà Nội			
3007	30K-421.66	Hà Nội	4007	30K-414.88	Hà Nội			
3008	30K-422.77	Hà Nội	4008	30K-415.88	Hà Nội			
3009	30K-430.68	Hà Nội	4009	30K-422.44	Hà Nội			
3010	30K-437.99	Hà Nội	4010	30K-423.89	Hà Nội			
3011	30K-439.66	Hà Nội	4011	30K-425.66	Hà Nội			
3012	30K-442.79	Hà Nội	4012	30K-427.66	Hà Nội			
3013	30K-443.88	Hà Nội	4013	30K-428.89	Hà Nội			
3014	30K-449.68	Hà Nội	4014	30K-430.88	Hà Nội			
3015	30K-451.66	Hà Nội	4015	30K-442.68	Hà Nội			
3016	30K-451.79	Hà Nội	4016	30K-443.89	Hà Nội			
3017	30K-452.79	Hà Nội	4017	30K-444.57	Hà Nội			
3018	30K-454.89	Hà Nội	4018	30K-444.78	Hà Nội			
3019	30K-462.79	Hà Nội	4019	30K-448.48	Hà Nội			
3020	30K-466.77	Hà Nội	4020	30K-451.89	Hà Nội			
3021	30K-497.68	Hà Nội	4021	30K-467.77	Hà Nội			
3022	30K-504.99	Hà Nội	4022	30K-476.88	Hà Nội			
3023	30K-514.69	Hà Nội	4023	30K-482.79	Hà Nội			
3024	30K-534.34	Hà Nội	4024	30K-483.99	Hà Nội			
3025	30K-546.89	Hà Nội	4025	30K-484.66	Hà Nội			
3026	30K-549.88	Hà Nội	4026	30K-494.66	Hà Nội			
3027	30K-564.66	Hà Nội	4027	30K-501.69	Hà Nội			
3028	30K-571.39	Hà Nội	4028	30K-501.89	Hà Nội			
3029	30K-604.68	Hà Nội	4029	30K-503.69	Hà Nội			
3030	30K-617.69	Hà Nội	4030	30K-507.86	Hà Nội			
3031	30K-621.11	Hà Nội	4031	30K-510.66	Hà Nội			
3032	30K-624.66	Hà Nội	4032	30K-546.39	Hà Nội			
3033	30K-732.89	Hà Nội	4033	30K-546.79	Hà Nội			
3034	30K-741.66	Hà Nội	4034	30K-564.99	Hà Nội			
3035	30K-761.79	Hà Nội	4035	30K-570.79	Hà Nội			
3036	30K-763.89	Hà Nội	4036	30K-584.99	Hà Nội			
3037	30K-784.48	Hà Nội	4037	30K-604.39	Hà Nội			
3038	30K-794.89	Hà Nội	4038	30K-632.79	Hà Nội			
3039	30K-802.89	Hà Nội	4039	30K-647.66	Hà Nội			
3040	30K-805.39	Hà Nội	4040	30K-654.66	Hà Nội			
3041	30K-805.69	Hà Nội	4041	30K-690.66	Hà Nội			
3042	30K-824.99	Hà Nội	4042	30K-699.77	Hà Nội			
3043	30K-834.68	Hà Nội	4043	30K-701.39	Hà Nội			
3044	30K-837.68	Hà Nội	4044	30K-702.22	Hà Nội			
3045	30K-842.99	Hà Nội	4045	30K-706.99	Hà Nội			
3046	30K-845.39	Hà Nội	4046	30K-726.68	Hà Nội			
3047	30K-849.79	Hà Nội	4047	30K-732.39	Hà Nội			
3048	30K-857.66	Hà Nội	4048	30K-732.99	Hà Nội			
3049	30K-862.69	Hà Nội	4049	30K-733.39	Hà Nội			
3050	30K-880.69	Hà Nội	4050	30K-737.86	Hà Nội			
3051	30K-891.39	Hà Nội	4051	30K-745.89	Hà Nội			

1.Đ
CÔ
ĐÃ
HỢP
VIỆ
VH X

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3052	30K-942.89	Hà Nội	4052	30K-752.89	Hà Nội			
3053	30K-951.66	Hà Nội	4053	30K-756.65	Hà Nội			
3054	30K-994.89	Hà Nội	4054	30K-762.39	Hà Nội			
3055	30L-001.69	Hà Nội	4055	30K-772.66	Hà Nội			
3056	30L-005.86	Hà Nội	4056	30K-802.79	Hà Nội			
3057	30L-021.89	Hà Nội	4057	30K-804.88	Hà Nội			
3058	30L-030.86	Hà Nội	4058	30K-807.39	Hà Nội			
3059	30L-059.68	Hà Nội	4059	30K-880.79	Hà Nội			
3060	30L-071.66	Hà Nội	4060	30K-894.99	Hà Nội			
3061	30L-072.27	Hà Nội	4061	30K-922.11	Hà Nội			
3062	30L-091.69	Hà Nội	4062	30K-931.89	Hà Nội			
3063	30L-094.99	Hà Nội	4063	30K-934.44	Hà Nội			
3064	30L-104.88	Hà Nội	4064	30K-948.86	Hà Nội			
3065	30L-107.66	Hà Nội	4065	30K-954.89	Hà Nội			
3066	30L-141.89	Hà Nội	4066	30K-964.46	Hà Nội			
3067	30L-143.66	Hà Nội	4067	30K-972.89	Hà Nội			
3068	30L-145.39	Hà Nội	4068	30K-973.66	Hà Nội			
3069	30L-145.66	Hà Nội	4069	30K-980.39	Hà Nội			
3070	30L-145.89	Hà Nội	4070	30L-021.86	Hà Nội			
3071	30L-146.89	Hà Nội	4071	30L-064.88	Hà Nội			
3072	30L-175.57	Hà Nội	4072	30L-073.39	Hà Nội			
3073	30L-176.79	Hà Nội	4073	30L-073.66	Hà Nội			
3074	30L-193.86	Hà Nội	4074	30L-074.44	Hà Nội			
3075	30L-205.99	Hà Nội	4075	30L-079.66	Hà Nội			
3076	30L-219.69	Hà Nội	4076	30L-081.89	Hà Nội			
3077	30L-220.79	Hà Nội	4077	30L-094.79	Hà Nội			
3078	30L-221.89	Hà Nội	4078	30L-097.68	Hà Nội			
3079	30L-227.39	Hà Nội	4079	30L-104.44	Hà Nội			
3080	30L-237.68	Hà Nội	4080	30L-106.99	Hà Nội			
3081	30L-240.99	Hà Nội	4081	30L-141.11	Hà Nội			
3082	30L-244.11	Hà Nội	4082	30L-142.68	Hà Nội			
3083	30L-247.77	Hà Nội	4083	30L-170.39	Hà Nội			
3084	30L-257.57	Hà Nội	4084	30L-174.66	Hà Nội			
3085	30L-273.33	Hà Nội	4085	30L-180.69	Hà Nội			
3086	30L-273.39	Hà Nội	4086	30L-200.02	Hà Nội			
3087	30L-294.88	Hà Nội	4087	30L-206.69	Hà Nội			
3088	30L-310.39	Hà Nội	4088	30L-210.88	Hà Nội			
3089	30L-312.22	Hà Nội	4089	30L-211.12	Hà Nội			
3090	30L-317.17	Hà Nội	4090	30L-242.79	Hà Nội			
3091	30L-321.22	Hà Nội	4091	30L-242.86	Hà Nội			
3092	30L-337.86	Hà Nội	4092	30L-254.66	Hà Nội			
3093	30L-340.68	Hà Nội	4093	30L-254.86	Hà Nội			
3094	30L-345.39	Hà Nội	4094	30L-264.46	Hà Nội			
3095	30L-346.99	Hà Nội	4095	30L-275.99	Hà Nội			
3096	30L-349.89	Hà Nội	4096	30L-305.05	Hà Nội			
3097	30L-350.68	Hà Nội	4097	30L-306.79	Hà Nội			
3098	30L-350.79	Hà Nội	4098	30L-324.42	Hà Nội			
3099	30L-355.44	Hà Nội	4099	30L-330.86	Hà Nội			
3100	30L-384.88	Hà Nội	4100	30L-334.68	Hà Nội			
3101	30L-390.88	Hà Nội	4101	30L-337.39	Hà Nội			
3102	30L-394.68	Hà Nội	4102	30L-341.11	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3103	30L-395.93	Hà Nội	4103	30L-341.14	Hà Nội			
3104	30L-405.88	Hà Nội	4104	30L-342.88	Hà Nội			
3105	30L-408.86	Hà Nội	4105	30L-344.39	Hà Nội			
3106	30L-412.89	Hà Nội	4106	30L-371.71	Hà Nội			
3107	30L-419.19	Hà Nội	4107	30L-377.69	Hà Nội			
3108	30L-422.24	Hà Nội	4108	30L-402.22	Hà Nội			
3109	30L-423.79	Hà Nội	4109	30L-406.79	Hà Nội			
3110	30L-424.89	Hà Nội	4110	30L-407.07	Hà Nội			
3111	30L-426.99	Hà Nội	4111	30L-410.66	Hà Nội			
3112	30L-433.00	Hà Nội	4112	30L-415.89	Hà Nội			
3113	30L-434.39	Hà Nội	4113	30L-420.66	Hà Nội			
3114	30L-447.74	Hà Nội	4114	30L-421.86	Hà Nội			
3115	30L-455.39	Hà Nội	4115	30L-427.77	Hà Nội			
3116	30L-460.69	Hà Nội	4116	30L-427.79	Hà Nội			
3117	30L-466.64	Hà Nội	4117	30L-440.89	Hà Nội			
3118	30L-472.89	Hà Nội	4118	30L-441.68	Hà Nội			
3119	30L-474.79	Hà Nội	4119	30L-444.09	Hà Nội			
3120	30L-480.39	Hà Nội	4120	30L-446.69	Hà Nội			
3121	30L-480.99	Hà Nội	4121	30L-446.89	Hà Nội			
3122	30L-490.00	Hà Nội	4122	30L-448.89	Hà Nội			
3123	30L-493.66	Hà Nội	4123	30L-451.66	Hà Nội			
3124	30L-493.79	Hà Nội	4124	30L-457.79	Hà Nội			
3125	30L-494.89	Hà Nội	4125	30L-459.88	Hà Nội			
3126	30L-514.79	Hà Nội	4126	30L-461.62	Hà Nội			
3127	30L-520.69	Hà Nội	4127	30L-464.79	Hà Nội			
3128	30L-537.73	Hà Nội	4128	30L-467.79	Hà Nội			
3129	30L-550.89	Hà Nội	4129	30L-472.66	Hà Nội			
3130	30L-551.00	Hà Nội	4130	30L-478.89	Hà Nội			
3131	30L-554.44	Hà Nội	4131	30L-482.68	Hà Nội			
3132	30L-555.32	Hà Nội	4132	30L-497.68	Hà Nội			
3133	30L-555.37	Hà Nội	4133	30L-502.89	Hà Nội			
3134	30L-555.61	Hà Nội	4134	30L-505.39	Hà Nội			
3135	30L-558.18	Hà Nội	4135	30L-511.12	Hà Nội			
3136	30L-559.38	Hà Nội	4136	30L-513.39	Hà Nội			
3137	30L-561.96	Hà Nội	4137	30L-514.41	Hà Nội			
3138	30L-568.19	Hà Nội	4138	30L-520.86	Hà Nội			
3139	30L-571.88	Hà Nội	4139	30L-524.24	Hà Nội			
3140	30L-583.15	Hà Nội	4140	30L-539.35	Hà Nội			
3141	30L-588.36	Hà Nội	4141	30L-544.66	Hà Nội			
3142	30L-593.66	Hà Nội	4142	30L-548.68	Hà Nội			
3143	30L-598.82	Hà Nội	4143	30L-549.39	Hà Nội			
3144	30L-602.03	Hà Nội	4144	30L-552.18	Hà Nội			
3145	30L-602.33	Hà Nội	4145	30L-554.68	Hà Nội			
3146	30L-603.03	Hà Nội	4146	30L-555.87	Hà Nội			
3147	30L-604.89	Hà Nội	4147	30L-559.33	Hà Nội			
3148	30L-608.22	Hà Nội	4148	30L-561.65	Hà Nội			
3149	30L-609.08	Hà Nội	4149	30L-564.66	Hà Nội			
3150	30L-615.65	Hà Nội	4150	30L-571.66	Hà Nội			
3151	30L-616.17	Hà Nội	4151	30L-573.69	Hà Nội			
3152	30L-619.25	Hà Nội	4152	30L-574.68	Hà Nội			
3153	30L-622.93	Hà Nội	4153	30L-576.96	Hà Nội			

H
M
P.H.A

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3154	30L-624.86	Hà Nội	4154	30L-576.99	Hà Nội			
3155	30L-628.56	Hà Nội	4155	30L-584.89	Hà Nội			
3156	30L-633.22	Hà Nội	4156	30L-596.29	Hà Nội			
3157	30L-634.68	Hà Nội	4157	30L-600.79	Hà Nội			
3158	30L-637.09	Hà Nội	4158	30L-603.66	Hà Nội			
3159	30L-639.33	Hà Nội	4159	30L-604.96	Hà Nội			
3160	30L-644.64	Hà Nội	4160	30L-605.38	Hà Nội			
3161	30L-644.89	Hà Nội	4161	30L-616.19	Hà Nội			
3162	30L-648.46	Hà Nội	4162	30L-621.19	Hà Nội			
3163	30L-648.83	Hà Nội	4163	30L-625.79	Hà Nội			
3164	30L-649.49	Hà Nội	4164	30L-629.59	Hà Nội			
3165	30L-654.45	Hà Nội	4165	30L-633.44	Hà Nội			
3166	30L-654.68	Hà Nội	4166	30L-648.65	Hà Nội			
3167	30L-658.29	Hà Nội	4167	30L-651.08	Hà Nội			
3168	30L-658.32	Hà Nội	4168	30L-651.38	Hà Nội			
3169	30L-664.06	Hà Nội	4169	30L-653.65	Hà Nội			
3170	30L-665.75	Hà Nội	4170	30L-657.66	Hà Nội			
3171	30L-667.58	Hà Nội	4171	30L-657.86	Hà Nội			
3172	30L-668.29	Hà Nội	4172	30L-658.82	Hà Nội			
3173	30L-673.67	Hà Nội	4173	30L-676.19	Hà Nội			
3174	30L-684.44	Hà Nội	4174	30L-678.74	Hà Nội			
3175	30L-686.60	Hà Nội	4175	30L-684.28	Hà Nội			
3176	30L-690.26	Hà Nội	4176	30L-688.13	Hà Nội			
3177	30L-691.79	Hà Nội	4177	30L-700.68	Hà Nội			
3178	30L-693.62	Hà Nội	4178	30L-700.86	Hà Nội			
3179	30L-694.39	Hà Nội	4179	30L-705.55	Hà Nội			
3180	30L-695.88	Hà Nội	4180	30L-714.86	Hà Nội			
3181	30L-696.56	Hà Nội	4181	30L-716.65	Hà Nội			
3182	30L-697.69	Hà Nội	4182	30L-717.36	Hà Nội			
3183	30L-702.03	Hà Nội	4183	30L-717.71	Hà Nội			
3184	30L-702.68	Hà Nội	4184	30L-720.69	Hà Nội			
3185	30L-704.79	Hà Nội	4185	30L-722.85	Hà Nội			
3186	30L-705.36	Hà Nội	4186	30L-723.65	Hà Nội			
3187	30L-708.86	Hà Nội	4187	30L-724.25	Hà Nội			
3188	30L-711.17	Hà Nội	4188	30L-731.59	Hà Nội			
3189	30L-711.98	Hà Nội	4189	30L-739.16	Hà Nội			
3190	30L-712.26	Hà Nội	4190	30L-740.39	Hà Nội			
3191	30L-714.14	Hà Nội	4191	30L-741.69	Hà Nội			
3192	30L-715.15	Hà Nội	4192	30L-745.46	Hà Nội			
3193	30L-717.66	Hà Nội	4193	30L-746.74	Hà Nội			
3194	30L-717.89	Hà Nội	4194	30L-753.35	Hà Nội			
3195	30L-719.08	Hà Nội	4195	30L-754.66	Hà Nội			
3196	30L-719.59	Hà Nội	4196	30L-755.44	Hà Nội			
3197	30L-719.94	Hà Nội	4197	30L-757.68	Hà Nội			
3198	30L-720.22	Hà Nội	4198	30L-757.96	Hà Nội			
3199	30L-721.86	Hà Nội	4199	30L-760.06	Hà Nội			
3200	30L-724.99	Hà Nội	4200	30L-762.06	Hà Nội			
3201	30L-729.15	Hà Nội	4201	30L-763.39	Hà Nội			
3202	30L-733.79	Hà Nội	4202	30L-763.83	Hà Nội			
3203	30L-744.06	Hà Nội	4203	30L-771.39	Hà Nội			
3204	30L-745.68	Hà Nội	4204	30L-773.00	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3205	30L-753.18	Hà Nội	4205	30L-776.56	Hà Nội			
3206	30L-753.68	Hà Nội	4206	30L-780.39	Hà Nội			
3207	30L-756.75	Hà Nội	4207	30L-785.39	Hà Nội			
3208	30L-756.89	Hà Nội	4208	30L-787.58	Hà Nội			
3209	30L-759.88	Hà Nội	4209	30L-790.69	Hà Nội			
3210	30L-761.19	Hà Nội	4210	30L-790.77	Hà Nội			
3211	30L-761.76	Hà Nội	4211	30L-790.96	Hà Nội			
3212	30L-762.63	Hà Nội	4212	30L-798.29	Hà Nội			
3213	30L-766.36	Hà Nội	4213	30L-798.35	Hà Nội			
3214	30L-767.96	Hà Nội	4214	30L-799.22	Hà Nội			
3215	30L-769.29	Hà Nội	4215	30L-800.56	Hà Nội			
3216	30L-770.69	Hà Nội	4216	30L-802.20	Hà Nội			
3217	30L-775.29	Hà Nội	4217	30L-805.86	Hà Nội			
3218	30L-785.88	Hà Nội	4218	30L-806.18	Hà Nội			
3219	30L-786.95	Hà Nội	4219	30L-808.95	Hà Nội			
3220	30L-787.79	Hà Nội	4220	30L-810.86	Hà Nội			
3221	30L-789.07	Hà Nội	4221	30L-812.66	Hà Nội			
3222	30L-791.86	Hà Nội	4222	30L-815.81	Hà Nội			
3223	30L-797.00	Hà Nội	4223	30L-816.69	Hà Nội			
3224	30L-801.08	Hà Nội	4224	30L-819.28	Hà Nội			
3225	30L-809.86	Hà Nội	4225	30L-826.35	Hà Nội			
3226	30L-809.96	Hà Nội	4226	30L-826.69	Hà Nội			
3227	30L-819.06	Hà Nội	4227	30L-827.66	Hà Nội			
3228	30L-823.83	Hà Nội	4228	30L-827.77	Hà Nội			
3229	30L-827.27	Hà Nội	4229	30L-829.39	Hà Nội			
3230	30L-839.19	Hà Nội	4230	30L-830.83	Hà Nội			
3231	30L-845.18	Hà Nội	4231	30L-831.79	Hà Nội			
3232	30L-849.84	Hà Nội	4232	30L-834.38	Hà Nội			
3233	30L-850.79	Hà Nội	4233	30L-835.26	Hà Nội			
3234	30L-855.98	Hà Nội	4234	30L-840.41	Hà Nội			
3235	30L-859.16	Hà Nội	4235	30L-841.68	Hà Nội			
3236	30L-859.77	Hà Nội	4236	30L-843.43	Hà Nội			
3237	30L-859.96	Hà Nội	4237	30L-843.65	Hà Nội			
3238	30L-863.39	Hà Nội	4238	30L-849.65	Hà Nội			
3239	30L-865.83	Hà Nội	4239	30L-852.83	Hà Nội			
3240	30L-866.38	Hà Nội	4240	30L-854.79	Hà Nội			
3241	30L-870.18	Hà Nội	4241	30L-857.79	Hà Nội			
3242	30L-873.37	Hà Nội	4242	30L-861.65	Hà Nội			
3243	30L-877.33	Hà Nội	4243	30L-864.15	Hà Nội			
3244	30L-878.66	Hà Nội	4244	30L-864.64	Hà Nội			
3245	30L-881.09	Hà Nội	4245	30L-872.27	Hà Nội			
3246	30L-886.09	Hà Nội	4246	30L-873.58	Hà Nội			
3247	30L-899.90	Hà Nội	4247	30L-874.77	Hà Nội			
3248	30L-901.99	Hà Nội	4248	30L-877.55	Hà Nội			
3249	30L-906.07	Hà Nội	4249	30L-878.39	Hà Nội			
3250	30L-912.35	Hà Nội	4250	30L-883.82	Hà Nội			
3251	30L-912.36	Hà Nội	4251	30L-884.29	Hà Nội			
3252	30L-914.41	Hà Nội	4252	30L-888.27	Hà Nội			
3253	30L-921.95	Hà Nội	4253	30L-891.97	Hà Nội			
3254	30L-926.82	Hà Nội	4254	30L-895.67	Hà Nội			
3255	30L-929.06	Hà Nội	4255	30L-911.12	Hà Nội			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3256	30L-930.08	Hà Nội	4256	30L-915.95	Hà Nội			
3257	30L-932.19	Hà Nội	4257	30L-921.29	Hà Nội			
3258	30L-932.36	Hà Nội	4258	30L-922.39	Hà Nội			
3259	30L-937.58	Hà Nội	4259	30L-923.22	Hà Nội			
3260	30L-937.73	Hà Nội	4260	30L-929.35	Hà Nội			
3261	30L-942.88	Hà Nội	4261	30L-935.36	Hà Nội			
3262	30L-944.96	Hà Nội	4262	30L-936.16	Hà Nội			
3263	30L-949.06	Hà Nội	4263	30L-941.19	Hà Nội			
3264	30L-951.52	Hà Nội	4264	30L-944.45	Hà Nội			
3265	30L-960.58	Hà Nội	4265	30L-950.28	Hà Nội			
3266	30L-966.58	Hà Nội	4266	30L-953.26	Hà Nội			
3267	30L-966.67	Hà Nội	4267	30L-953.33	Hà Nội			
3268	30L-968.56	Hà Nội	4268	30L-953.53	Hà Nội			
3269	30L-968.80	Hà Nội	4269	30L-954.85	Hà Nội			
3270	30L-987.08	Hà Nội	4270	30L-957.88	Hà Nội			
3271	30L-990.39	Hà Nội	4271	30L-967.96	Hà Nội			
3272	30L-999.03	Hà Nội	4272	30L-980.83	Hà Nội			
3273	30L-999.08	Hà Nội	4273	30L-982.69	Hà Nội			
3274	30L-999.13	Hà Nội	4274	30L-986.08	Hà Nội			
3275	30L-999.74	Hà Nội	4275	30L-988.56	Hà Nội			
3276	30M-000.22	Hà Nội	4276	30L-990.91	Hà Nội			
3277	30M-007.66	Hà Nội	4277	30L-993.95	Hà Nội			
3278	30M-008.26	Hà Nội	4278	30M-003.77	Hà Nội			
3279	30M-010.00	Hà Nội	4279	30M-006.69	Hà Nội			
3280	30M-011.59	Hà Nội	4280	30M-010.69	Hà Nội			
3281	30M-012.39	Hà Nội	4281	30M-012.18	Hà Nội			
3282	30M-017.66	Hà Nội	4282	30M-012.37	Hà Nội			
3283	30M-027.18	Hà Nội	4283	30M-012.69	Hà Nội			
3284	51K-744.55	Hồ Chí Minh	4284	30M-013.35	Hà Nội			
3285	51K-744.66	Hồ Chí Minh	4285	30M-019.65	Hà Nội			
3286	51K-745.99	Hồ Chí Minh	4286	30M-022.95	Hà Nội			
3287	51K-746.99	Hồ Chí Minh	4287	30M-023.89	Hà Nội			
3288	51K-747.99	Hồ Chí Minh	4288	30M-027.20	Hà Nội			
3289	51K-750.99	Hồ Chí Minh	4289	51K-750.89	Hồ Chí Minh			
3290	51K-757.88	Hồ Chí Minh	4290	51K-752.39	Hồ Chí Minh			
3291	51K-758.39	Hồ Chí Minh	4291	51K-754.99	Hồ Chí Minh			
3292	51K-760.89	Hồ Chí Minh	4292	51K-759.66	Hồ Chí Minh			
3293	51K-762.89	Hồ Chí Minh	4293	51K-764.39	Hồ Chí Minh			
3294	51K-763.99	Hồ Chí Minh	4294	51K-773.89	Hồ Chí Minh			
3295	51K-771.66	Hồ Chí Minh	4295	51K-775.66	Hồ Chí Minh			
3296	51K-771.88	Hồ Chí Minh	4296	51K-804.66	Hồ Chí Minh			
3297	51K-795.88	Hồ Chí Minh	4297	51K-814.39	Hồ Chí Minh			
3298	51K-805.89	Hồ Chí Minh	4298	51K-817.66	Hồ Chí Minh			
3299	51K-805.99	Hồ Chí Minh	4299	51K-834.34	Hồ Chí Minh			
3300	51K-813.99	Hồ Chí Minh	4300	51K-840.69	Hồ Chí Minh			
3301	51K-814.68	Hồ Chí Minh	4301	51K-842.86	Hồ Chí Minh			
3302	51K-814.79	Hồ Chí Minh	4302	51K-844.79	Hồ Chí Minh			
3303	51K-817.79	Hồ Chí Minh	4303	51K-846.86	Hồ Chí Minh			
3304	51K-820.66	Hồ Chí Minh	4304	51K-846.99	Hồ Chí Minh			
3305	51K-824.24	Hồ Chí Minh	4305	51K-853.66	Hồ Chí Minh			
3306	51K-833.44	Hồ Chí Minh	4306	51K-853.68	Hồ Chí Minh			

47
NG
IU C
P D
T M
CUAN

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3307	51K-836.69	Hồ Chí Minh	4307	51K-859.66	Hồ Chí Minh			
3308	51K-840.99	Hồ Chí Minh	4308	51K-872.86	Hồ Chí Minh			
3309	51K-842.66	Hồ Chí Minh	4309	51K-878.66	Hồ Chí Minh			
3310	51K-844.77	Hồ Chí Minh	4310	51K-879.69	Hồ Chí Minh			
3311	51K-850.39	Hồ Chí Minh	4311	51K-903.86	Hồ Chí Minh			
3312	51K-852.66	Hồ Chí Minh	4312	51K-904.44	Hồ Chí Minh			
3313	51K-857.39	Hồ Chí Minh	4313	51K-907.86	Hồ Chí Minh			
3314	51K-861.39	Hồ Chí Minh	4314	51K-910.86	Hồ Chí Minh			
3315	51K-864.89	Hồ Chí Minh	4315	51K-910.88	Hồ Chí Minh			
3316	51K-876.39	Hồ Chí Minh	4316	51K-914.14	Hồ Chí Minh			
3317	51K-884.66	Hồ Chí Minh	4317	51K-920.88	Hồ Chí Minh			
3318	51K-884.89	Hồ Chí Minh	4318	51K-924.89	Hồ Chí Minh			
3319	51K-894.44	Hồ Chí Minh	4319	51K-932.69	Hồ Chí Minh			
3320	51K-895.79	Hồ Chí Minh	4320	51K-932.79	Hồ Chí Minh			
3321	51K-901.68	Hồ Chí Minh	4321	51K-934.86	Hồ Chí Minh			
3322	51K-902.39	Hồ Chí Minh	4322	51K-949.68	Hồ Chí Minh			
3323	51K-904.89	Hồ Chí Minh	4323	51K-950.66	Hồ Chí Minh			
3324	51K-910.69	Hồ Chí Minh	4324	51K-981.11	Hồ Chí Minh			
3325	51K-913.89	Hồ Chí Minh	4325	51K-981.68	Hồ Chí Minh			
3326	51K-914.68	Hồ Chí Minh	4326	51K-985.39	Hồ Chí Minh			
3327	51K-917.99	Hồ Chí Minh	4327	51L-004.88	Hồ Chí Minh			
3328	51K-927.88	Hồ Chí Minh	4328	51L-020.79	Hồ Chí Minh			
3329	51K-934.69	Hồ Chí Minh	4329	51L-022.79	Hồ Chí Minh			
3330	51K-950.79	Hồ Chí Minh	4330	51L-026.39	Hồ Chí Minh			
3331	51K-951.39	Hồ Chí Minh	4331	51L-051.99	Hồ Chí Minh			
3332	51K-961.86	Hồ Chí Minh	4332	51L-053.86	Hồ Chí Minh			
3333	51K-965.39	Hồ Chí Minh	4333	51L-059.68	Hồ Chí Minh			
3334	51K-970.99	Hồ Chí Minh	4334	51L-065.79	Hồ Chí Minh			
3335	51K-982.39	Hồ Chí Minh	4335	51L-074.44	Hồ Chí Minh			
3336	51K-984.39	Hồ Chí Minh	4336	51L-083.79	Hồ Chí Minh			
3337	51L-003.86	Hồ Chí Minh	4337	51L-088.69	Hồ Chí Minh			
3338	51L-010.86	Hồ Chí Minh	4338	51L-092.79	Hồ Chí Minh			
3339	51L-011.86	Hồ Chí Minh	4339	51L-095.68	Hồ Chí Minh			
3340	51L-025.88	Hồ Chí Minh	4340	51L-098.79	Hồ Chí Minh			
3341	51L-027.39	Hồ Chí Minh	4341	51L-105.69	Hồ Chí Minh			
3342	51L-029.79	Hồ Chí Minh	4342	51L-114.44	Hồ Chí Minh			
3343	51L-050.66	Hồ Chí Minh	4343	51L-127.79	Hồ Chí Minh			
3344	51L-052.66	Hồ Chí Minh	4344	51L-137.69	Hồ Chí Minh			
3345	51L-054.79	Hồ Chí Minh	4345	51L-138.86	Hồ Chí Minh			
3346	51L-071.86	Hồ Chí Minh	4346	51L-144.33	Hồ Chí Minh			
3347	51L-075.89	Hồ Chí Minh	4347	51L-144.86	Hồ Chí Minh			
3348	51L-086.39	Hồ Chí Minh	4348	51L-154.89	Hồ Chí Minh			
3349	51L-097.39	Hồ Chí Minh	4349	51L-155.39	Hồ Chí Minh			
3350	51L-104.86	Hồ Chí Minh	4350	51L-158.89	Hồ Chí Minh			
3351	51L-106.89	Hồ Chí Minh	4351	51L-164.66	Hồ Chí Minh			
3352	51L-107.69	Hồ Chí Minh	4352	51L-167.86	Hồ Chí Minh			
3353	51L-110.79	Hồ Chí Minh	4353	51L-185.69	Hồ Chí Minh			
3354	51L-110.86	Hồ Chí Minh	4354	51L-202.99	Hồ Chí Minh			
3355	51L-135.39	Hồ Chí Minh	4355	51L-210.39	Hồ Chí Minh			
3356	51L-138.69	Hồ Chí Minh	4356	51L-210.68	Hồ Chí Minh			
3357	51L-141.86	Hồ Chí Minh	4357	51L-210.79	Hồ Chí Minh			



Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3358	51L-141.89	Hồ Chí Minh	4358	51L-224.89	Hồ Chí Minh			
3359	51L-152.22	Hồ Chí Minh	4359	51L-229.92	Hồ Chí Minh			
3360	51L-163.88	Hồ Chí Minh	4360	51L-236.32	Hồ Chí Minh			
3361	51L-170.68	Hồ Chí Minh	4361	51L-249.79	Hồ Chí Minh			
3362	51L-174.66	Hồ Chí Minh	4362	51L-254.39	Hồ Chí Minh			
3363	51L-180.69	Hồ Chí Minh	4363	51L-259.66	Hồ Chí Minh			
3364	51L-182.39	Hồ Chí Minh	4364	51L-284.89	Hồ Chí Minh			
3365	51L-182.83	Hồ Chí Minh	4365	51L-291.66	Hồ Chí Minh			
3366	51L-187.86	Hồ Chí Minh	4366	51L-295.39	Hồ Chí Minh			
3367	51L-193.69	Hồ Chí Minh	4367	51L-298.39	Hồ Chí Minh			
3368	51L-195.99	Hồ Chí Minh	4368	51L-306.86	Hồ Chí Minh			
3369	51L-199.68	Hồ Chí Minh	4369	51L-308.39	Hồ Chí Minh			
3370	51L-200.39	Hồ Chí Minh	4370	51L-308.89	Hồ Chí Minh			
3371	51L-201.11	Hồ Chí Minh	4371	51L-316.39	Hồ Chí Minh			
3372	51L-211.66	Hồ Chí Minh	4372	51L-323.86	Hồ Chí Minh			
3373	51L-218.86	Hồ Chí Minh	4373	51L-323.99	Hồ Chí Minh			
3374	51L-247.79	Hồ Chí Minh	4374	51L-341.79	Hồ Chí Minh			
3375	51L-249.68	Hồ Chí Minh	4375	51L-343.79	Hồ Chí Minh			
3376	51L-274.44	Hồ Chí Minh	4376	51L-348.66	Hồ Chí Minh			
3377	51L-285.28	Hồ Chí Minh	4377	51L-350.66	Hồ Chí Minh			
3378	51L-285.58	Hồ Chí Minh	4378	51L-364.44	Hồ Chí Minh			
3379	51L-285.69	Hồ Chí Minh	4379	51L-372.86	Hồ Chí Minh			
3380	51L-296.79	Hồ Chí Minh	4380	51L-407.86	Hồ Chí Minh			
3381	51L-305.89	Hồ Chí Minh	4381	51L-411.14	Hồ Chí Minh			
3382	51L-310.69	Hồ Chí Minh	4382	51L-412.89	Hồ Chí Minh			
3383	51L-312.88	Hồ Chí Minh	4383	51L-414.41	Hồ Chí Minh			
3384	51L-319.68	Hồ Chí Minh	4384	51L-417.79	Hồ Chí Minh			
3385	51L-324.69	Hồ Chí Minh	4385	51L-420.79	Hồ Chí Minh			
3386	51L-330.69	Hồ Chí Minh	4386	51L-420.86	Hồ Chí Minh			
3387	51L-346.99	Hồ Chí Minh	4387	51L-422.00	Hồ Chí Minh			
3388	51L-350.86	Hồ Chí Minh	4388	51L-422.39	Hồ Chí Minh			
3389	51L-378.86	Hồ Chí Minh	4389	51L-422.55	Hồ Chí Minh			
3390	51L-380.99	Hồ Chí Minh	4390	51L-425.89	Hồ Chí Minh			
3391	51L-385.99	Hồ Chí Minh	4391	51L-428.69	Hồ Chí Minh			
3392	51L-399.44	Hồ Chí Minh	4392	51L-431.99	Hồ Chí Minh			
3393	51L-400.55	Hồ Chí Minh	4393	51L-441.88	Hồ Chí Minh			
3394	51L-406.88	Hồ Chí Minh	4394	51L-443.88	Hồ Chí Minh			
3395	51L-411.39	Hồ Chí Minh	4395	51L-444.11	Hồ Chí Minh			
3396	51L-411.68	Hồ Chí Minh	4396	51L-447.86	Hồ Chí Minh			
3397	51L-415.68	Hồ Chí Minh	4397	51L-453.39	Hồ Chí Minh			
3398	51L-415.69	Hồ Chí Minh	4398	51L-465.55	Hồ Chí Minh			
3399	51L-416.61	Hồ Chí Minh	4399	51L-465.68	Hồ Chí Minh			
3400	51L-430.03	Hồ Chí Minh	4400	51L-469.39	Hồ Chí Minh			
3401	51L-433.79	Hồ Chí Minh	4401	51L-472.89	Hồ Chí Minh			
3402	51L-435.55	Hồ Chí Minh	4402	51L-475.66	Hồ Chí Minh			
3403	51L-439.86	Hồ Chí Minh	4403	51L-475.86	Hồ Chí Minh			
3404	51L-441.69	Hồ Chí Minh	4404	51L-481.68	Hồ Chí Minh			
3405	51L-442.68	Hồ Chí Minh	4405	51L-491.19	Hồ Chí Minh			
3406	51L-443.86	Hồ Chí Minh	4406	51L-497.97	Hồ Chí Minh			
3407	51L-448.84	Hồ Chí Minh	4407	51L-499.44	Hồ Chí Minh			
3408	51L-451.99	Hồ Chí Minh	4408	51L-502.86	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3409	51L-455.44	Hồ Chí Minh	4409	51L-505.88	Hồ Chí Minh			
3410	51L-469.89	Hồ Chí Minh	4410	51L-509.39	Hồ Chí Minh			
3411	51L-472.68	Hồ Chí Minh	4411	51L-517.88	Hồ Chí Minh			
3412	51L-476.79	Hồ Chí Minh	4412	51L-524.39	Hồ Chí Minh			
3413	51L-478.66	Hồ Chí Minh	4413	51L-524.66	Hồ Chí Minh			
3414	51L-478.99	Hồ Chí Minh	4414	51L-527.72	Hồ Chí Minh			
3415	51L-481.39	Hồ Chí Minh	4415	51L-528.86	Hồ Chí Minh			
3416	51L-482.69	Hồ Chí Minh	4416	51L-534.43	Hồ Chí Minh			
3417	51L-483.39	Hồ Chí Minh	4417	51L-534.68	Hồ Chí Minh			
3418	51L-483.69	Hồ Chí Minh	4418	51L-539.35	Hồ Chí Minh			
3419	51L-484.89	Hồ Chí Minh	4419	51L-541.14	Hồ Chí Minh			
3420	51L-486.79	Hồ Chí Minh	4420	51L-546.69	Hồ Chí Minh			
3421	51L-487.79	Hồ Chí Minh	4421	51L-553.86	Hồ Chí Minh			
3422	51L-505.86	Hồ Chí Minh	4422	51L-555.00	Hồ Chí Minh			
3423	51L-509.50	Hồ Chí Minh	4423	51L-555.09	Hồ Chí Minh			
3424	51L-521.12	Hồ Chí Minh	4424	51L-561.68	Hồ Chí Minh			
3425	51L-524.88	Hồ Chí Minh	4425	51L-571.39	Hồ Chí Minh			
3426	51L-526.99	Hồ Chí Minh	4426	51L-572.89	Hồ Chí Minh			
3427	51L-527.79	Hồ Chí Minh	4427	51L-573.39	Hồ Chí Minh			
3428	51L-530.88	Hồ Chí Minh	4428	51L-578.68	Hồ Chí Minh			
3429	51L-536.37	Hồ Chí Minh	4429	51L-590.39	Hồ Chí Minh			
3430	51L-539.68	Hồ Chí Minh	4430	51L-597.68	Hồ Chí Minh			
3431	51L-542.68	Hồ Chí Minh	4431	51L-601.88	Hồ Chí Minh			
3432	51L-542.86	Hồ Chí Minh	4432	51L-602.66	Hồ Chí Minh			
3433	51L-544.11	Hồ Chí Minh	4433	51L-602.89	Hồ Chí Minh			
3434	51L-548.79	Hồ Chí Minh	4434	51L-605.69	Hồ Chí Minh			
3435	51L-550.00	Hồ Chí Minh	4435	51L-622.60	Hồ Chí Minh			
3436	51L-553.88	Hồ Chí Minh	4436	51L-630.31	Hồ Chí Minh			
3437	51L-556.39	Hồ Chí Minh	4437	51L-642.46	Hồ Chí Minh			
3438	51L-561.39	Hồ Chí Minh	4438	51L-645.99	Hồ Chí Minh			
3439	51L-563.99	Hồ Chí Minh	4439	51L-655.59	Hồ Chí Minh			
3440	51L-564.69	Hồ Chí Minh	4440	51L-668.15	Hồ Chí Minh			
3441	51L-568.56	Hồ Chí Minh	4441	51L-669.63	Hồ Chí Minh			
3442	51L-568.65	Hồ Chí Minh	4442	51L-674.25	Hồ Chí Minh			
3443	51L-575.88	Hồ Chí Minh	4443	51L-676.86	Hồ Chí Minh			
3444	51L-577.69	Hồ Chí Minh	4444	51L-678.45	Hồ Chí Minh			
3445	51L-580.39	Hồ Chí Minh	4445	51L-678.62	Hồ Chí Minh			
3446	51L-593.33	Hồ Chí Minh	4446	51L-679.35	Hồ Chí Minh			
3447	51L-593.69	Hồ Chí Minh	4447	51L-681.29	Hồ Chí Minh			
3448	51L-599.22	Hồ Chí Minh	4448	51L-682.89	Hồ Chí Minh			
3449	51L-600.99	Hồ Chí Minh	4449	51L-688.43	Hồ Chí Minh			
3450	51L-603.88	Hồ Chí Minh	4450	51L-691.08	Hồ Chí Minh			
3451	51L-607.39	Hồ Chí Minh	4451	51L-693.68	Hồ Chí Minh			
3452	51L-613.31	Hồ Chí Minh	4452	51L-706.89	Hồ Chí Minh			
3453	51L-614.86	Hồ Chí Minh	4453	51L-711.68	Hồ Chí Minh			
3454	51L-615.51	Hồ Chí Minh	4454	51L-720.79	Hồ Chí Minh			
3455	51L-617.66	Hồ Chí Minh	4455	51L-720.88	Hồ Chí Minh			
3456	51L-617.88	Hồ Chí Minh	4456	51L-724.86	Hồ Chí Minh			
3457	51L-618.61	Hồ Chí Minh	4457	51L-726.39	Hồ Chí Minh			
3458	51L-624.66	Hồ Chí Minh	4458	51L-726.68	Hồ Chí Minh			
3459	51L-625.79	Hồ Chí Minh	4459	51L-729.97	Hồ Chí Minh			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3460	51L-626.06	Hồ Chí Minh	4460	51L-733.37	Hồ Chí Minh			
3461	51L-628.99	Hồ Chí Minh	4461	51L-741.41	Hồ Chí Minh			
3462	51L-633.00	Hồ Chí Minh	4462	51L-762.25	Hồ Chí Minh			
3463	51L-644.66	Hồ Chí Minh	4463	51L-762.98	Hồ Chí Minh			
3464	51L-645.89	Hồ Chí Minh	4464	51L-763.88	Hồ Chí Minh			
3465	51L-651.86	Hồ Chí Minh	4465	51L-763.96	Hồ Chí Minh			
3466	51L-655.79	Hồ Chí Minh	4466	51L-764.79	Hồ Chí Minh			
3467	51L-656.77	Hồ Chí Minh	4467	51L-766.58	Hồ Chí Minh			
3468	51L-661.44	Hồ Chí Minh	4468	51L-769.15	Hồ Chí Minh			
3469	51L-669.09	Hồ Chí Minh	4469	51L-769.88	Hồ Chí Minh			
3470	51L-669.85	Hồ Chí Minh	4470	51L-776.96	Hồ Chí Minh			
3471	51L-672.99	Hồ Chí Minh	4471	51L-779.09	Hồ Chí Minh			
3472	51L-675.69	Hồ Chí Minh	4472	51L-779.16	Hồ Chí Minh			
3473	51L-678.17	Hồ Chí Minh	4473	51L-782.95	Hồ Chí Minh			
3474	51L-684.99	Hồ Chí Minh	4474	51L-786.89	Hồ Chí Minh			
3475	51L-685.18	Hồ Chí Minh	4475	51L-794.19	Hồ Chí Minh			
3476	51L-685.69	Hồ Chí Minh	4476	51L-796.86	Hồ Chí Minh			
3477	51L-686.76	Hồ Chí Minh	4477	51L-798.65	Hồ Chí Minh			
3478	51L-690.39	Hồ Chí Minh	4478	51L-801.96	Hồ Chí Minh			
3479	51L-697.98	Hồ Chí Minh	4479	51L-803.29	Hồ Chí Minh			
3480	51L-699.78	Hồ Chí Minh	4480	51L-803.88	Hồ Chí Minh			
3481	51L-706.28	Hồ Chí Minh	4481	51L-805.66	Hồ Chí Minh			
3482	51L-711.99	Hồ Chí Minh	4482	51L-811.38	Hồ Chí Minh			
3483	51L-712.89	Hồ Chí Minh	4483	51L-812.09	Hồ Chí Minh			
3484	51L-717.39	Hồ Chí Minh	4484	51L-819.66	Hồ Chí Minh			
3485	51L-719.76	Hồ Chí Minh	4485	51L-820.86	Hồ Chí Minh			
3486	51L-722.69	Hồ Chí Minh	4486	51L-824.86	Hồ Chí Minh			
3487	51L-725.39	Hồ Chí Minh	4487	51L-826.06	Hồ Chí Minh			
3488	51L-725.68	Hồ Chí Minh	4488	51L-828.19	Hồ Chí Minh			
3489	51L-725.79	Hồ Chí Minh	4489	51L-829.39	Hồ Chí Minh			
3490	51L-726.22	Hồ Chí Minh	4490	51L-831.13	Hồ Chí Minh			
3491	51L-727.68	Hồ Chí Minh	4491	51L-831.32	Hồ Chí Minh			
3492	51L-729.79	Hồ Chí Minh	4492	51L-834.39	Hồ Chí Minh			
3493	51L-731.44	Hồ Chí Minh	4493	51L-837.66	Hồ Chí Minh			
3494	51L-732.33	Hồ Chí Minh	4494	51L-842.84	Hồ Chí Minh			
3495	51L-734.99	Hồ Chí Minh	4495	51L-842.99	Hồ Chí Minh			
3496	51L-745.46	Hồ Chí Minh	4496	51L-843.68	Hồ Chí Minh			
3497	51L-745.79	Hồ Chí Minh	4497	51L-846.26	Hồ Chí Minh			
3498	51L-753.89	Hồ Chí Minh	4498	51L-849.49	Hồ Chí Minh			
3499	51L-760.58	Hồ Chí Minh	4499	51L-850.68	Hồ Chí Minh			
3500	51L-762.62	Hồ Chí Minh	4500	51L-852.63	Hồ Chí Minh			
3501	51L-766.16	Hồ Chí Minh	4501	51L-853.85	Hồ Chí Minh			
3502	51L-782.88	Hồ Chí Minh	4502	51L-856.65	Hồ Chí Minh			
3503	51L-785.83	Hồ Chí Minh	4503	51L-856.99	Hồ Chí Minh			
3504	51L-799.00	Hồ Chí Minh	4504	51L-858.95	Hồ Chí Minh			
3505	51L-803.79	Hồ Chí Minh	4505	51L-860.00	Hồ Chí Minh			
3506	51L-804.88	Hồ Chí Minh	4506	51L-863.09	Hồ Chí Minh			
3507	51L-807.07	Hồ Chí Minh	4507	51L-864.44	Hồ Chí Minh			
3508	51L-809.68	Hồ Chí Minh	4508	51L-866.32	Hồ Chí Minh			
3509	51L-810.36	Hồ Chí Minh	4509	51L-867.85	Hồ Chí Minh			
3510	51L-813.65	Hồ Chí Minh	4510	51L-870.96	Hồ Chí Minh			

ĐI
ÔN
ĐẤU
ỢP
IẾT
XUẤT

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3511	51L-813.99	Hồ Chí Minh	4511	51L-879.85	Hồ Chí Minh			
3512	51L-818.66	Hồ Chí Minh	4512	51L-884.36	Hồ Chí Minh			
3513	51L-819.92	Hồ Chí Minh	4513	51L-885.29	Hồ Chí Minh			
3514	51L-829.38	Hồ Chí Minh	4514	51L-894.99	Hồ Chí Minh			
3515	51L-830.66	Hồ Chí Minh	4515	11A-105.89	Cao Bằng			
3516	51L-832.26	Hồ Chí Minh	4516	11A-106.39	Cao Bằng			
3517	51L-835.38	Hồ Chí Minh	4517	11A-114.14	Cao Bằng			
3518	51L-844.86	Hồ Chí Minh	4518	11A-120.20	Cao Bằng			
3519	51L-845.19	Hồ Chí Minh	4519	12A-233.55	Lạng Sơn			
3520	51L-846.65	Hồ Chí Minh	4520	12A-242.39	Lạng Sơn			
3521	51L-849.65	Hồ Chí Minh	4521	12C-137.77	Lạng Sơn			
3522	51L-849.96	Hồ Chí Minh	4522	14A-800.22	Quảng Ninh			
3523	51L-856.26	Hồ Chí Minh	4523	14A-813.79	Quảng Ninh			
3524	51L-857.89	Hồ Chí Minh	4524	14A-824.88	Quảng Ninh			
3525	51L-863.59	Hồ Chí Minh	4525	14A-844.55	Quảng Ninh			
3526	51L-864.39	Hồ Chí Minh	4526	14A-906.86	Quảng Ninh			
3527	51L-867.39	Hồ Chí Minh	4527	14A-920.89	Quảng Ninh			
3528	51L-867.76	Hồ Chí Minh	4528	14A-922.86	Quảng Ninh			
3529	51L-872.73	Hồ Chí Minh	4529	14A-944.68	Quảng Ninh			
3530	51L-874.78	Hồ Chí Minh	4530	14A-974.69	Quảng Ninh			
3531	51L-880.56	Hồ Chí Minh	4531	14A-985.79	Quảng Ninh			
3532	51L-880.85	Hồ Chí Minh	4532	15K-258.39	Hải Phòng			
3533	51L-882.85	Hồ Chí Minh	4533	15K-271.71	Hải Phòng			
3534	51L-886.25	Hồ Chí Minh	4534	15K-291.86	Hải Phòng			
3535	51L-888.42	Hồ Chí Minh	4535	15K-349.89	Hải Phòng			
3536	51L-893.22	Hồ Chí Minh	4536	15K-350.00	Hải Phòng			
3537	11A-103.79	Cao Bằng	4537	15K-374.69	Hải Phòng			
3538	11A-107.66	Cao Bằng	4538	15K-394.94	Hải Phòng			
3539	11A-120.89	Cao Bằng	4539	15K-410.79	Hải Phòng			
3540	11A-125.99	Cao Bằng	4540	15K-411.99	Hải Phòng			
3541	11C-083.39	Cao Bằng	4541	17A-391.68	Thái Bình			
3542	11D-006.68	Cao Bằng	4542	17A-419.68	Thái Bình			
3543	12A-250.66	Lạng Sơn	4543	17A-419.69	Thái Bình			
3544	12A-252.52	Lạng Sơn	4544	17A-421.99	Thái Bình			
3545	12A-253.86	Lạng Sơn	4545	17A-436.99	Thái Bình			
3546	14A-807.69	Quảng Ninh	4546	17A-446.64	Thái Bình			
3547	14A-822.44	Quảng Ninh	4547	17A-446.68	Thái Bình			
3548	14A-904.40	Quảng Ninh	4548	17A-458.79	Thái Bình			
3549	14A-914.99	Quảng Ninh	4549	17A-467.67	Thái Bình			
3550	14A-946.99	Quảng Ninh	4550	17A-475.76	Thái Bình			
3551	14A-953.54	Quảng Ninh	4551	17A-477.66	Thái Bình			
3552	14A-976.76	Quảng Ninh	4552	17A-482.88	Thái Bình			
3553	14A-982.79	Quảng Ninh	4553	18A-387.69	Nam Định			
3554	15K-154.39	Hải Phòng	4554	18A-391.88	Nam Định			
3555	15K-157.88	Hải Phòng	4555	18A-410.66	Nam Định			
3556	15K-220.69	Hải Phòng	4556	18A-422.99	Nam Định			
3557	15K-227.88	Hải Phòng	4557	18A-426.69	Nam Định			
3558	15K-271.88	Hải Phòng	4558	18A-432.69	Nam Định			
3559	15K-299.11	Hải Phòng	4559	18A-444.41	Nam Định			
3560	15K-305.88	Hải Phòng	4560	18A-450.69	Nam Định			
3561	15K-307.86	Hải Phòng	4561	18A-470.86	Nam Định			



Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3562	15K-315.51	Hải Phòng	4562	18B-028.89	Nam Định			
3563	15K-373.99	Hải Phòng	4563	19A-575.88	Phú Thọ			
3564	15K-376.88	Hải Phòng	4564	19A-594.66	Phú Thọ			
3565	15K-400.86	Hải Phòng	4565	19A-627.69	Phú Thọ			
3566	17A-415.55	Thái Bình	4566	19A-633.00	Phú Thọ			
3567	17A-416.16	Thái Bình	4567	19A-645.54	Phú Thọ			
3568	17A-433.39	Thái Bình	4568	19A-665.39	Phú Thọ			
3569	17A-436.39	Thái Bình	4569	19A-666.35	Phú Thọ			
3570	17A-438.68	Thái Bình	4570	19A-671.69	Phú Thọ			
3571	17A-441.69	Thái Bình	4571	19A-685.66	Phú Thọ			
3572	17A-469.68	Thái Bình	4572	19A-703.03	Phú Thọ			
3573	17A-472.68	Thái Bình	4573	19A-711.86	Phú Thọ			
3574	17D-012.88	Thái Bình	4574	19A-712.71	Phú Thọ			
3575	18A-378.66	Nam Định	4575	20A-702.69	Thái Nguyên			
3576	18A-411.99	Nam Định	4576	20A-745.86	Thái Nguyên			
3577	18A-413.33	Nam Định	4577	20A-747.88	Thái Nguyên			
3578	18A-455.69	Nam Định	4578	20A-749.66	Thái Nguyên			
3579	18A-455.77	Nam Định	4579	20A-793.99	Thái Nguyên			
3580	18A-462.62	Nam Định	4580	20A-811.00	Thái Nguyên			
3581	18A-463.86	Nam Định	4581	20A-826.69	Thái Nguyên			
3582	18A-476.89	Nam Định	4582	20A-843.79	Thái Nguyên			
3583	19A-602.79	Phú Thọ	4583	20C-296.79	Thái Nguyên			
3584	19A-614.68	Phú Thọ	4584	20C-298.39	Thái Nguyên			
3585	19A-621.99	Phú Thọ	4585	21A-188.69	Yên Bái			
3586	19A-631.89	Phú Thọ	4586	21A-190.69	Yên Bái			
3587	19A-634.79	Phú Thọ	4587	21A-213.99	Yên Bái			
3588	19A-637.39	Phú Thọ	4588	22A-218.66	Tuyên Quang			
3589	19A-703.04	Phú Thọ	4589	22A-236.69	Tuyên Quang			
3590	19A-706.60	Phú Thọ	4590	22A-243.68	Tuyên Quang			
3591	20A-711.99	Thái Nguyên	4591	22A-247.66	Tuyên Quang			
3592	20A-734.43	Thái Nguyên	4592	22A-248.69	Tuyên Quang			
3593	20A-744.39	Thái Nguyên	4593	22A-262.79	Tuyên Quang			
3594	20A-753.69	Thái Nguyên	4594	23A-130.68	Hà Giang			
3595	20A-777.39	Thái Nguyên	4595	23A-134.44	Hà Giang			
3596	20A-779.69	Thái Nguyên	4596	23A-159.88	Hà Giang			
3597	20A-782.89	Thái Nguyên	4597	24A-246.39	Lào Cai			
3598	20A-784.68	Thái Nguyên	4598	24A-247.86	Lào Cai			
3599	20A-813.18	Thái Nguyên	4599	24A-254.39	Lào Cai			
3600	20A-822.55	Thái Nguyên	4600	24A-260.69	Lào Cai			
3601	20A-831.83	Thái Nguyên	4601	24A-266.44	Lào Cai			
3602	20C-305.39	Thái Nguyên	4602	24A-276.39	Lào Cai			
3603	21A-190.00	Yên Bái	4603	24A-284.39	Lào Cai			
3604	21A-194.94	Yên Bái	4604	24A-300.44	Lào Cai			
3605	21A-199.11	Yên Bái	4605	24A-306.39	Lào Cai			
3606	22A-205.66	Tuyên Quang	4606	24A-308.69	Lào Cai			
3607	22A-226.79	Tuyên Quang	4607	24C-161.66	Lào Cai			
3608	22A-233.68	Tuyên Quang	4608	24C-162.62	Lào Cai			
3609	22A-263.39	Tuyên Quang	4609	25A-080.79	Lai Châu			
3610	22A-264.88	Tuyên Quang	4610	26A-215.89	Sơn La			
3611	23A-132.66	Hà Giang	4611	26A-232.32	Sơn La			
3612	23A-151.15	Hà Giang	4612	26A-233.69	Sơn La			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3613	23A-157.75	Hà Giang	4613	27A-105.99	Điện Biên			
3614	24A-241.66	Lào Cai	4614	27A-110.66	Điện Biên			
3615	24A-241.89	Lào Cai	4615	27A-112.86	Điện Biên			
3616	24A-245.68	Lào Cai	4616	27A-120.20	Điện Biên			
3617	24A-280.79	Lào Cai	4617	27A-121.89	Điện Biên			
3618	24A-305.39	Lào Cai	4618	27A-126.69	Điện Biên			
3619	24A-307.66	Lào Cai	4619	28A-204.99	Hòa Bình			
3620	24B-016.88	Lào Cai	4620	28A-210.68	Hòa Bình			
3621	25A-078.78	Lai Châu	4621	28A-222.39	Hòa Bình			
3622	25C-057.89	Lai Châu	4622	28A-240.89	Hòa Bình			
3623	26A-180.89	Sơn La	4623	28A-251.88	Hòa Bình			
3624	26A-221.39	Sơn La	4624	28B-015.79	Hòa Bình			
3625	27B-012.86	Điện Biên	4625	29D-607.86	Hà Nội			
3626	27C-071.66	Điện Biên	4626	29D-613.79	Hà Nội			
3627	28A-207.68	Hòa Bình	4627	29K-237.39	Hà Nội			
3628	28A-229.79	Hòa Bình	4628	29K-240.99	Hà Nội			
3629	28A-238.99	Hòa Bình	4629	29K-243.24	Hà Nội			
3630	28B-016.39	Hòa Bình	4630	29K-247.39	Hà Nội			
3631	29D-616.86	Hà Nội	4631	29K-257.44	Hà Nội			
3632	29K-225.66	Hà Nội	4632	29K-261.18	Hà Nội			
3633	29K-235.36	Hà Nội	4633	29K-262.11	Hà Nội			
3634	29K-242.69	Hà Nội	4634	29K-263.62	Hà Nội			
3635	29K-246.88	Hà Nội	4635	29K-277.86	Hà Nội			
3636	29K-249.39	Hà Nội	4636	29K-288.25	Hà Nội			
3637	29K-250.98	Hà Nội	4637	29K-295.28	Hà Nội			
3638	29K-252.22	Hà Nội	4638	29K-298.19	Hà Nội			
3639	29K-266.62	Hà Nội	4639	29K-305.50	Hà Nội			
3640	29K-277.79	Hà Nội	4640	29K-321.12	Hà Nội			
3641	29K-279.66	Hà Nội	4641	34A-697.88	Hải Dương			
3642	29K-291.28	Hà Nội	4642	34A-704.68	Hải Dương			
3643	29K-293.69	Hà Nội	4643	34A-711.99	Hải Dương			
3644	29K-298.16	Hà Nội	4644	34A-716.69	Hải Dương			
3645	29K-304.05	Hà Nội	4645	34A-735.79	Hải Dương			
3646	29K-307.88	Hà Nội	4646	34A-760.86	Hải Dương			
3647	29K-309.79	Hà Nội	4647	34A-764.44	Hải Dương			
3648	29K-315.56	Hà Nội	4648	34A-801.39	Hải Dương			
3649	34A-724.66	Hải Dương	4649	34A-841.68	Hải Dương			
3650	34A-733.79	Hải Dương	4650	34A-850.89	Hải Dương			
3651	34A-762.39	Hải Dương	4651	34A-865.56	Hải Dương			
3652	34A-790.90	Hải Dương	4652	34A-870.00	Hải Dương			
3653	34A-795.88	Hải Dương	4653	34A-876.68	Hải Dương			
3654	34A-799.77	Hải Dương	4654	34D-037.66	Hải Dương			
3655	34A-811.77	Hải Dương	4655	34D-037.86	Hải Dương			
3656	34A-814.99	Hải Dương	4656	36C-525.52	Thanh Hóa			
3657	34A-821.21	Hải Dương	4657	36C-529.29	Thanh Hóa			
3658	34A-829.86	Hải Dương	4658	36K-000.57	Thanh Hóa			
3659	34A-847.88	Hải Dương	4659	36K-000.66	Thanh Hóa			
3660	34A-897.66	Hải Dương	4660	36K-005.68	Thanh Hóa			
3661	34A-904.88	Hải Dương	4661	36K-069.39	Thanh Hóa			
3662	34A-918.18	Hải Dương	4662	36K-081.89	Thanh Hóa			
3663	35A-353.88	Ninh Bình	4663	36K-083.66	Thanh Hóa			

H. Đ
C
Đ
H
V
ANH

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3664	35A-390.99	Ninh Bình	4664	36K-094.69	Thanh Hóa			
3665	35A-423.39	Ninh Bình	4665	36K-101.39	Thanh Hóa			
3666	35A-424.86	Ninh Bình	4666	36K-104.66	Thanh Hóa			
3667	35A-436.79	Ninh Bình	4667	36K-141.42	Thanh Hóa			
3668	35A-439.69	Ninh Bình	4668	36K-141.66	Thanh Hóa			
3669	35D-013.66	Ninh Bình	4669	36K-148.39	Thanh Hóa			
3670	36A-953.89	Thanh Hóa	4670	36K-174.89	Thanh Hóa			
3671	36C-519.79	Thanh Hóa	4671	36K-202.03	Thanh Hóa			
3672	36C-523.99	Thanh Hóa	4672	37C-552.89	Nghệ An			
3673	36K-032.23	Thanh Hóa	4673	37C-555.69	Nghệ An			
3674	36K-047.47	Thanh Hóa	4674	37C-562.68	Nghệ An			
3675	36K-075.68	Thanh Hóa	4675	37K-211.86	Nghệ An			
3676	36K-097.79	Thanh Hóa	4676	37K-224.79	Nghệ An			
3677	36K-100.55	Thanh Hóa	4677	37K-224.89	Nghệ An			
3678	36K-102.22	Thanh Hóa	4678	37K-248.68	Nghệ An			
3679	36K-134.43	Thanh Hóa	4679	37K-274.86	Nghệ An			
3680	36K-164.69	Thanh Hóa	4680	37K-280.08	Nghệ An			
3681	36K-193.68	Thanh Hóa	4681	37K-290.88	Nghệ An			
3682	36K-200.01	Thanh Hóa	4682	37K-311.77	Nghệ An			
3683	36K-221.11	Thanh Hóa	4683	37K-314.44	Nghệ An			
3684	37K-184.68	Nghệ An	4684	37K-314.99	Nghệ An			
3685	37K-198.39	Nghệ An	4685	37K-324.79	Nghệ An			
3686	37K-210.88	Nghệ An	4686	37K-326.39	Nghệ An			
3687	37K-227.86	Nghệ An	4687	37K-326.69	Nghệ An			
3688	37K-270.68	Nghệ An	4688	37K-333.00	Nghệ An			
3689	37K-274.89	Nghệ An	4689	37K-333.06	Nghệ An			
3690	37K-302.89	Nghệ An	4690	37K-344.11	Nghệ An			
3691	37K-334.44	Nghệ An	4691	37K-366.00	Nghệ An			
3692	37K-335.36	Nghệ An	4692	37K-367.69	Nghệ An			
3693	37K-338.69	Nghệ An	4693	37K-409.04	Nghệ An			
3694	37K-341.39	Nghệ An	4694	37K-418.39	Nghệ An			
3695	37K-345.39	Nghệ An	4695	37K-434.68	Nghệ An			
3696	37K-384.99	Nghệ An	4696	37K-444.46	Nghệ An			
3697	37K-394.68	Nghệ An	4697	37K-465.88	Nghệ An			
3698	37K-406.07	Nghệ An	4698	37K-481.39	Nghệ An			
3699	37K-433.88	Nghệ An	4699	38A-586.69	Hà Tĩnh			
3700	37K-440.86	Nghệ An	4700	38A-603.99	Hà Tĩnh			
3701	37K-444.34	Nghệ An	4701	38A-606.69	Hà Tĩnh			
3702	37K-461.89	Nghệ An	4702	38A-606.79	Hà Tĩnh			
3703	37K-477.47	Nghệ An	4703	38A-614.39	Hà Tĩnh			
3704	38A-542.89	Hà Tĩnh	4704	38A-675.67	Hà Tĩnh			
3705	38A-552.22	Hà Tĩnh	4705	38A-677.78	Hà Tĩnh			
3706	38A-601.69	Hà Tĩnh	4706	38D-017.79	Hà Tĩnh			
3707	38A-605.89	Hà Tĩnh	4707	38D-017.99	Hà Tĩnh			
3708	38A-606.06	Hà Tĩnh	4708	43A-772.99	Đà Nẵng			
3709	38A-620.88	Hà Tĩnh	4709	43A-782.99	Đà Nẵng			
3710	38A-647.88	Hà Tĩnh	4710	43A-804.39	Đà Nẵng			
3711	43A-792.68	Đà Nẵng	4711	43A-841.99	Đà Nẵng			
3712	43A-832.79	Đà Nẵng	4712	43A-842.88	Đà Nẵng			
3713	43A-835.88	Đà Nẵng	4713	43A-853.69	Đà Nẵng			
3714	43A-835.99	Đà Nẵng	4714	43A-889.69	Đà Nẵng			

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3715	43A-844.39	Đà Nẵng	4715	43A-901.68	Đà Nẵng			
3716	43A-864.89	Đà Nẵng	4716	43A-906.89	Đà Nẵng			
3717	43A-869.69	Đà Nẵng	4717	43A-911.68	Đà Nẵng			
3718	43A-881.86	Đà Nẵng	4718	43A-923.66	Đà Nẵng			
3719	43A-897.99	Đà Nẵng	4719	43A-934.93	Đà Nẵng			
3720	43A-908.79	Đà Nẵng	4720	47A-605.66	Đắk Lắk			
3721	43A-937.88	Đà Nẵng	4721	47A-633.86	Đắk Lắk			
3722	43C-306.66	Đà Nẵng	4722	47A-637.77	Đắk Lắk			
3723	47A-602.66	Đắk Lắk	4723	47A-655.88	Đắk Lắk			
3724	47A-604.86	Đắk Lắk	4724	47A-674.68	Đắk Lắk			
3725	47A-614.79	Đắk Lắk	4725	47A-684.69	Đắk Lắk			
3726	47A-635.69	Đắk Lắk	4726	47A-684.99	Đắk Lắk			
3727	47A-690.00	Đắk Lắk	4727	47A-711.99	Đắk Lắk			
3728	47A-694.94	Đắk Lắk	4728	47A-713.69	Đắk Lắk			
3729	47A-704.04	Đắk Lắk	4729	47A-717.71	Đắk Lắk			
3730	47A-705.79	Đắk Lắk	4730	47A-721.11	Đắk Lắk			
3731	47A-727.72	Đắk Lắk	4731	47A-722.79	Đắk Lắk			
3732	47A-744.00	Đắk Lắk	4732	47A-745.68	Đắk Lắk			
3733	47A-749.89	Đắk Lắk	4733	47A-760.68	Đắk Lắk			
3734	47A-755.79	Đắk Lắk	4734	47A-770.89	Đắk Lắk			
3735	47A-776.69	Đắk Lắk	4735	47A-783.68	Đắk Lắk			
3736	47C-391.89	Đắk Lắk	4736	47A-790.88	Đắk Lắk			
3737	48A-207.99	Đắk Nông	4737	47A-791.97	Đắk Lắk			
3738	48A-219.79	Đắk Nông	4738	47A-799.69	Đắk Lắk			
3739	48A-222.46	Đắk Nông	4739	47C-397.39	Đắk Lắk			
3740	48A-235.53	Đắk Nông	4740	48A-197.88	Đắk Nông			
3741	48C-106.88	Đắk Nông	4741	48A-200.33	Đắk Nông			
3742	49A-614.69	Lâm Đồng	4742	48A-209.90	Đắk Nông			
3743	49A-644.86	Lâm Đồng	4743	48A-229.66	Đắk Nông			
3744	49A-653.39	Lâm Đồng	4744	48A-230.89	Đắk Nông			
3745	49A-666.83	Lâm Đồng	4745	48C-106.39	Đắk Nông			
3746	49A-669.39	Lâm Đồng	4746	48C-111.66	Đắk Nông			
3747	49A-675.55	Lâm Đồng	4747	49A-611.86	Lâm Đồng			
3748	49A-682.66	Lâm Đồng	4748	49A-674.66	Lâm Đồng			
3749	49A-709.96	Lâm Đồng	4749	49A-687.78	Lâm Đồng			
3750	49A-716.66	Lâm Đồng	4750	49A-705.88	Lâm Đồng			
3751	49A-723.68	Lâm Đồng	4751	49A-708.69	Lâm Đồng			
3752	49A-733.66	Lâm Đồng	4752	49A-714.86	Lâm Đồng			
3753	49A-738.88	Lâm Đồng	4753	49A-734.79	Lâm Đồng			
3754	49B-031.68	Lâm Đồng	4754	49A-736.63	Lâm Đồng			
3755	49C-375.86	Lâm Đồng	4755	51B-516.16	Hồ Chí Minh			
3756	51D-859.39	Hồ Chí Minh	4756	51B-603.33	Hồ Chí Minh			
3757	51D-865.86	Hồ Chí Minh	4757	51D-851.88	Hồ Chí Minh			
3758	51E-325.55	Hồ Chí Minh	4758	51D-878.89	Hồ Chí Minh			
3759	51E-327.66	Hồ Chí Minh	4759	51D-897.68	Hồ Chí Minh			
3760	51E-327.86	Hồ Chí Minh	4760	51D-968.79	Hồ Chí Minh			
3761	51M-010.33	Hồ Chí Minh	4761	51E-322.99	Hồ Chí Minh			
3762	51M-011.00	Hồ Chí Minh	4762	51E-329.88	Hồ Chí Minh			
3763	51M-016.77	Hồ Chí Minh	4763	51M-010.68	Hồ Chí Minh			
3764	51M-024.22	Hồ Chí Minh	4764	51M-018.22	Hồ Chí Minh			
3765	51M-038.38	Hồ Chí Minh	4765	51M-018.69	Hồ Chí Minh			

Y
Á
JH
M
T.P.H

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3766	51M-039.44	Hồ Chí Minh	4766	51M-023.66	Hồ Chí Minh			
3767	51M-041.85	Hồ Chí Minh	4767	51M-025.11	Hồ Chí Minh			
3768	60K-344.39	Đồng Nai	4768	51M-034.35	Hồ Chí Minh			
3769	60K-371.39	Đồng Nai	4769	51M-035.11	Hồ Chí Minh			
3770	60K-374.69	Đồng Nai	4770	51M-036.00	Hồ Chí Minh			
3771	60K-412.89	Đồng Nai	4771	51M-040.88	Hồ Chí Minh			
3772	60K-413.68	Đồng Nai	4772	51M-046.56	Hồ Chí Minh			
3773	60K-416.86	Đồng Nai	4773	60K-384.69	Đồng Nai			
3774	60K-419.88	Đồng Nai	4774	60K-395.86	Đồng Nai			
3775	60K-493.86	Đồng Nai	4775	60K-407.69	Đồng Nai			
3776	60K-516.69	Đồng Nai	4776	60K-419.69	Đồng Nai			
3777	60K-527.86	Đồng Nai	4777	60K-455.77	Đồng Nai			
3778	60K-528.66	Đồng Nai	4778	60K-464.69	Đồng Nai			
3779	60K-547.88	Đồng Nai	4779	60K-484.39	Đồng Nai			
3780	61C-595.55	Bình Dương	4780	60K-492.88	Đồng Nai			
3781	61C-601.68	Bình Dương	4781	60K-494.66	Đồng Nai			
3782	61C-603.33	Bình Dương	4782	60K-505.88	Đồng Nai			
3783	61K-251.99	Bình Dương	4783	60K-522.44	Đồng Nai			
3784	61K-258.39	Bình Dương	4784	60K-549.89	Đồng Nai			
3785	61K-262.39	Bình Dương	4785	60K-553.68	Đồng Nai			
3786	61K-280.66	Bình Dương	4786	60K-555.27	Đồng Nai			
3787	61K-301.89	Bình Dương	4787	60K-557.88	Đồng Nai			
3788	61K-340.88	Bình Dương	4788	60K-611.16	Đồng Nai			
3789	61K-354.68	Bình Dương	4789	61K-272.88	Bình Dương			
3790	61K-354.99	Bình Dương	4790	61K-277.69	Bình Dương			
3791	61K-373.68	Bình Dương	4791	61K-292.86	Bình Dương			
3792	61K-380.99	Bình Dương	4792	61K-301.11	Bình Dương			
3793	61K-387.77	Bình Dương	4793	61K-375.88	Bình Dương			
3794	61K-408.88	Bình Dương	4794	61K-391.89	Bình Dương			
3795	61K-410.68	Bình Dương	4795	61K-425.99	Bình Dương			
3796	61K-427.86	Bình Dương	4796	61K-426.26	Bình Dương			
3797	61K-446.68	Bình Dương	4797	61K-453.69	Bình Dương			
3798	61K-472.27	Bình Dương	4798	61K-462.68	Bình Dương			
3799	61K-487.48	Bình Dương	4799	61K-478.89	Bình Dương			
3800	61K-491.39	Bình Dương	4800	61K-486.48	Bình Dương			
3801	61K-496.89	Bình Dương	4801	61K-490.66	Bình Dương			
3802	61K-502.68	Bình Dương	4802	61K-502.05	Bình Dương			
3803	61K-512.13	Bình Dương	4803	61K-516.51	Bình Dương			
3804	62A-363.88	Long An	4804	62A-375.79	Long An			
3805	62A-372.79	Long An	4805	62A-395.79	Long An			
3806	62A-385.69	Long An	4806	62A-395.88	Long An			
3807	62A-389.86	Long An	4807	62A-404.89	Long An			
3808	62A-414.89	Long An	4808	62A-405.88	Long An			
3809	62A-419.89	Long An	4809	62A-411.86	Long An			
3810	62A-421.21	Long An	4810	62A-414.41	Long An			
3811	62A-424.66	Long An	4811	62A-432.32	Long An			
3812	62A-428.79	Long An	4812	62A-434.43	Long An			
3813	62A-432.68	Long An	4813	62D-012.99	Long An			
3814	62C-213.13	Long An	4814	63A-262.88	Tiền Giang			
3815	63A-267.79	Tiền Giang	4815	63A-285.85	Tiền Giang			
3816	63A-274.68	Tiền Giang	4816	63A-313.89	Tiền Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3817	63A-308.86	Tiền Giang	4817	63A-323.89	Tiền Giang			
3818	63A-321.32	Tiền Giang	4818	63C-222.34	Tiền Giang			
3819	64A-200.79	Vĩnh Long	4819	64A-163.89	Vĩnh Long			
3820	65A-392.89	Cần Thơ	4820	64A-202.88	Vĩnh Long			
3821	65A-401.99	Cần Thơ	4821	65A-402.22	Cần Thơ			
3822	65A-458.89	Cần Thơ	4822	65A-429.66	Cần Thơ			
3823	65A-476.86	Cần Thơ	4823	65A-436.36	Cần Thơ			
3824	65A-479.68	Cần Thơ	4824	65A-445.45	Cần Thơ			
3825	65A-509.66	Cần Thơ	4825	65A-445.68	Cần Thơ			
3826	65C-235.68	Cần Thơ	4826	65A-459.88	Cần Thơ			
3827	65C-238.68	Cần Thơ	4827	65A-462.26	Cần Thơ			
3828	66A-248.69	Đồng Tháp	4828	65A-471.89	Cần Thơ			
3829	66A-254.88	Đồng Tháp	4829	65A-474.66	Cần Thơ			
3830	66A-282.89	Đồng Tháp	4830	65A-475.39	Cần Thơ			
3831	66A-291.79	Đồng Tháp	4831	65A-477.88	Cần Thơ			
3832	66A-294.79	Đồng Tháp	4832	65A-482.28	Cần Thơ			
3833	66D-011.77	Đồng Tháp	4833	65A-488.39	Cần Thơ			
3834	67A-261.66	An Giang	4834	65A-489.68	Cần Thơ			
3835	67A-270.68	An Giang	4835	65A-504.79	Cần Thơ			
3836	67A-280.79	An Giang	4836	65A-506.39	Cần Thơ			
3837	67A-283.89	An Giang	4837	65A-509.69	Cần Thơ			
3838	67A-325.55	An Giang	4838	65C-229.89	Cần Thơ			
3839	67A-325.99	An Giang	4839	65C-231.13	Cần Thơ			
3840	68A-295.39	Kiên Giang	4840	66A-233.77	Đồng Tháp			
3841	68A-328.39	Kiên Giang	4841	66A-248.68	Đồng Tháp			
3842	68A-352.88	Kiên Giang	4842	66A-290.29	Đồng Tháp			
3843	68A-354.55	Kiên Giang	4843	66A-294.44	Đồng Tháp			
3844	69A-132.99	Cà Mau	4844	66A-295.95	Đồng Tháp			
3845	69A-148.89	Cà Mau	4845	66D-009.96	Đồng Tháp			
3846	70A-460.88	Tây Ninh	4846	67A-262.79	An Giang			
3847	70A-482.39	Tây Ninh	4847	67A-291.39	An Giang			
3848	70A-483.69	Tây Ninh	4848	67A-306.89	An Giang			
3849	70A-497.89	Tây Ninh	4849	67A-311.69	An Giang			
3850	70A-504.69	Tây Ninh	4850	68A-319.98	Kiên Giang			
3851	70A-508.99	Tây Ninh	4851	68A-324.79	Kiên Giang			
3852	70A-520.66	Tây Ninh	4852	68A-338.66	Kiên Giang			
3853	70A-531.31	Tây Ninh	4853	68B-031.39	Kiên Giang			
3854	70A-543.33	Tây Ninh	4854	69A-153.86	Cà Mau			
3855	70A-554.39	Tây Ninh	4855	70A-477.66	Tây Ninh			
3856	71A-177.66	Bến Tre	4856	70A-495.79	Tây Ninh			
3857	71A-183.39	Bến Tre	4857	70A-496.88	Tây Ninh			
3858	71A-184.79	Bến Tre	4858	70A-530.30	Tây Ninh			
3859	71A-188.11	Bến Tre	4859	70A-530.39	Tây Ninh			
3860	71A-196.89	Bến Tre	4860	70A-543.43	Tây Ninh			
3861	71A-198.86	Bến Tre	4861	70A-563.39	Tây Ninh			
3862	71A-203.03	Bến Tre	4862	70A-564.88	Tây Ninh			
3863	71A-208.86	Bến Tre	4863	70A-571.39	Tây Ninh			
3864	72A-714.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	4864	70A-573.73	Tây Ninh			
3865	72A-720.39	Bà Rịa - Vũng Tàu	4865	70A-580.08	Tây Ninh			
3866	72A-731.79	Bà Rịa - Vũng Tàu	4866	71A-181.69	Bến Tre			
3867	72A-742.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	4867	71A-191.11	Bến Tre			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3868	72A-761.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4868	71A-207.99	Bến Tre			
3869	72A-774.99	Bà Rịa - Vũng Tàu	4869	72A-714.14	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3870	72A-775.89	Bà Rịa - Vũng Tàu	4870	72A-748.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3871	72C-238.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	4871	72A-748.99	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3872	73A-341.68	Quảng Bình	4872	72A-793.89	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3873	73A-359.95	Quảng Bình	4873	72A-815.55	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3874	73A-360.00	Quảng Bình	4874	72A-823.32	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3875	74A-266.62	Quảng Trị	4875	72A-833.22	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3876	75A-318.39	Thừa Thiên Huế	4876	72C-236.39	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3877	75A-363.89	Thừa Thiên Huế	4877	72C-239.69	Bà Rịa - Vũng Tàu			
3878	75A-364.86	Thừa Thiên Huế	4878	73A-325.68	Quảng Bình			
3879	76A-245.68	Quảng Ngãi	4879	73A-326.79	Quảng Bình			
3880	76A-253.99	Quảng Ngãi	4880	73A-333.44	Quảng Bình			
3881	76A-267.99	Quảng Ngãi	4881	73D-006.66	Quảng Bình			
3882	76A-271.79	Quảng Ngãi	4882	74A-230.39	Quảng Trị			
3883	76A-297.66	Quảng Ngãi	4883	74A-235.88	Quảng Trị			
3884	76A-307.86	Quảng Ngãi	4884	74A-258.86	Quảng Trị			
3885	76A-315.16	Quảng Ngãi	4885	74A-265.65	Quảng Trị			
3886	76A-319.73	Quảng Ngãi	4886	75A-384.83	Thừa Thiên Huế			
3887	77A-292.79	Bình Định	4887	76A-260.79	Quảng Ngãi			
3888	77A-303.86	Bình Định	4888	76A-268.89	Quảng Ngãi			
3889	77A-303.89	Bình Định	4889	76A-281.79	Quảng Ngãi			
3890	77A-313.99	Bình Định	4890	76A-291.79	Quảng Ngãi			
3891	77A-320.99	Bình Định	4891	76A-317.18	Quảng Ngãi			
3892	77A-333.58	Bình Định	4892	77A-314.41	Bình Định			
3893	77A-339.93	Bình Định	4893	77A-319.88	Bình Định			
3894	77A-348.49	Bình Định	4894	77A-321.39	Bình Định			
3895	78A-186.39	Phú Yên	4895	77A-328.89	Bình Định			
3896	79A-471.39	Khánh Hòa	4896	77A-331.66	Bình Định			
3897	79A-481.79	Khánh Hòa	4897	77A-333.28	Bình Định			
3898	79A-504.99	Khánh Hòa	4898	77A-334.34	Bình Định			
3899	79A-542.45	Khánh Hòa	4899	77A-340.86	Bình Định			
3900	79A-544.88	Khánh Hòa	4900	77A-347.34	Bình Định			
3901	79A-566.11	Khánh Hòa	4901	77B-035.88	Bình Định			
3902	79C-222.57	Khánh Hòa	4902	77C-256.86	Bình Định			
3903	81A-372.39	Gia Lai	4903	78A-172.88	Phú Yên			
3904	81A-390.99	Gia Lai	4904	78A-176.68	Phú Yên			
3905	81B-025.69	Gia Lai	4905	78A-176.69	Phú Yên			
3906	81C-271.89	Gia Lai	4906	78A-189.39	Phú Yên			
3907	82A-125.25	Kon Tum	4907	78A-203.68	Phú Yên			
3908	82A-129.66	Kon Tum	4908	79A-465.99	Khánh Hòa			
3909	82A-130.89	Kon Tum	4909	79A-505.86	Khánh Hòa			
3910	82A-157.15	Kon Tum	4910	79A-520.88	Khánh Hòa			
3911	83A-186.18	Sóc Trăng	4911	79A-523.69	Khánh Hòa			
3912	84A-114.79	Trà Vinh	4912	79A-550.51	Khánh Hòa			
3913	84A-115.99	Trà Vinh	4913	81A-371.89	Gia Lai			
3914	84A-133.77	Trà Vinh	4914	81A-400.66	Gia Lai			
3915	84A-134.69	Trà Vinh	4915	81A-414.14	Gia Lai			
3916	85A-112.99	Ninh Thuận	4916	81A-422.86	Gia Lai			
3917	85A-143.69	Ninh Thuận	4917	81A-423.33	Gia Lai			
3918	85A-144.69	Ninh Thuận	4918	81D-012.68	Gia Lai			

41
JG
UG
'DA
TN
JAN

Ca đấu buổi chiều

Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3919	85C-082.39	Ninh Thuận	4919	82B-018.39	Kon Tum			
3920	86A-273.86	Bình Thuận	4920	83A-161.66	Sóc Trăng			
3921	86A-274.44	Bình Thuận	4921	83A-164.88	Sóc Trăng			
3922	86A-302.22	Bình Thuận	4922	83A-177.33	Sóc Trăng			
3923	86A-314.69	Bình Thuận	4923	84A-117.99	Trà Vinh			
3924	86C-205.39	Bình Thuận	4924	84A-134.89	Trà Vinh			
3925	88A-621.89	Vĩnh Phúc	4925	84A-138.68	Trà Vinh			
3926	88A-622.77	Vĩnh Phúc	4926	84A-144.39	Trà Vinh			
3927	88A-637.69	Vĩnh Phúc	4927	86A-281.86	Bình Thuận			
3928	88A-641.86	Vĩnh Phúc	4928	86A-287.69	Bình Thuận			
3929	88A-645.89	Vĩnh Phúc	4929	88A-641.39	Vĩnh Phúc			
3930	88A-675.88	Vĩnh Phúc	4930	88A-641.88	Vĩnh Phúc			
3931	88A-691.11	Vĩnh Phúc	4931	88A-702.68	Vĩnh Phúc			
3932	88A-705.68	Vĩnh Phúc	4932	88A-716.69	Vĩnh Phúc			
3933	88A-710.99	Vĩnh Phúc	4933	88A-785.86	Vĩnh Phúc			
3934	88A-745.45	Vĩnh Phúc	4934	88C-295.89	Vĩnh Phúc			
3935	88A-771.68	Vĩnh Phúc	4935	89A-413.39	Hung Yên			
3936	88A-777.22	Vĩnh Phúc	4936	89A-413.79	Hung Yên			
3937	88A-778.69	Vĩnh Phúc	4937	89A-447.39	Hung Yên			
3938	88C-282.86	Vĩnh Phúc	4938	89A-463.36	Hung Yên			
3939	89A-415.89	Hung Yên	4939	89A-478.68	Hung Yên			
3940	89A-419.86	Hung Yên	4940	89A-501.79	Hung Yên			
3941	89A-434.66	Hung Yên	4941	89A-502.50	Hung Yên			
3942	89A-470.66	Hung Yên	4942	89A-521.12	Hung Yên			
3943	89A-478.78	Hung Yên	4943	89A-527.69	Hung Yên			
3944	89A-479.68	Hung Yên	4944	90A-270.39	Hà Nam			
3945	89A-512.34	Hung Yên	4945	90A-276.88	Hà Nam			
3946	89C-338.66	Hung Yên	4946	92A-355.88	Quảng Nam			
3947	90A-242.24	Hà Nam	4947	92A-357.39	Quảng Nam			
3948	90A-253.66	Hà Nam	4948	92A-377.89	Quảng Nam			
3949	90A-264.89	Hà Nam	4949	92A-383.89	Quảng Nam			
3950	90A-274.66	Hà Nam	4950	92A-401.66	Quảng Nam			
3951	90A-277.86	Hà Nam	4951	92A-419.66	Quảng Nam			
3952	90C-152.22	Hà Nam	4952	92A-420.86	Quảng Nam			
3953	92A-374.99	Quảng Nam	4953	92A-424.25	Quảng Nam			
3954	92A-391.66	Quảng Nam	4954	92C-255.68	Quảng Nam			
3955	93A-426.88	Bình Phước	4955	92C-255.89	Quảng Nam			
3956	93A-442.22	Bình Phước	4956	93A-421.86	Bình Phước			
3957	93A-442.42	Bình Phước	4957	93A-428.79	Bình Phước			
3958	93A-447.99	Bình Phước	4958	93A-434.39	Bình Phước			
3959	93A-463.39	Bình Phước	4959	93A-467.67	Bình Phước			
3960	93A-473.68	Bình Phước	4960	93A-502.39	Bình Phước			
3961	93A-480.89	Bình Phước	4961	94A-094.66	Bạc Liêu			
3962	93A-481.79	Bình Phước	4962	94A-102.89	Bạc Liêu			
3963	93A-495.96	Bình Phước	4963	95A-108.39	Hậu Giang			
3964	95A-106.88	Hậu Giang	4964	95C-088.22	Hậu Giang			
3965	95A-110.39	Hậu Giang	4965	97A-085.86	Bắc Kạn			
3966	95A-116.79	Hậu Giang	4966	98A-637.39	Bắc Giang			
3967	95A-126.79	Hậu Giang	4967	98A-640.79	Bắc Giang			
3968	95C-086.39	Hậu Giang	4968	98A-653.86	Bắc Giang			
3969	97A-080.00	Bắc Kạn	4969	98A-659.69	Bắc Giang			

Ca đấu buổi chiều								
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'					
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố			
3970	98A-639.66	Bắc Giang	4970	98A-705.86	Bắc Giang			
3971	98A-641.86	Bắc Giang	4971	98A-711.69	Bắc Giang			
3972	98A-658.69	Bắc Giang	4972	98A-720.89	Bắc Giang			
3973	98A-707.79	Bắc Giang	4973	98A-722.39	Bắc Giang			
3974	98A-723.23	Bắc Giang	4974	98A-734.34	Bắc Giang			
3975	98A-723.68	Bắc Giang	4975	98A-741.69	Bắc Giang			
3976	98A-752.52	Bắc Giang	4976	98A-748.99	Bắc Giang			
3977	98A-768.79	Bắc Giang	4977	98A-777.36	Bắc Giang			
3978	98A-799.77	Bắc Giang	4978	98A-783.68	Bắc Giang			
3979	98A-801.80	Bắc Giang	4979	98A-790.69	Bắc Giang			
3980	98A-810.86	Bắc Giang	4980	98A-799.22	Bắc Giang			
3981	98A-816.39	Bắc Giang	4981	98A-817.66	Bắc Giang			
3982	98A-826.79	Bắc Giang	4982	98A-834.83	Bắc Giang			
3983	98C-367.86	Bắc Giang	4983	98A-837.38	Bắc Giang			
3984	98D-017.77	Bắc Giang	4984	98A-840.86	Bắc Giang			
3985	99A-650.99	Bắc Ninh	4985	98C-367.76	Bắc Giang			
3986	99A-690.00	Bắc Ninh	4986	98D-018.18	Bắc Giang			
3987	99A-752.66	Bắc Ninh	4987	99A-715.79	Bắc Ninh			
3988	99A-777.70	Bắc Ninh	4988	99A-721.88	Bắc Ninh			
3989	99A-805.66	Bắc Ninh	4989	99A-751.39	Bắc Ninh			
3990	99A-812.13	Bắc Ninh	4990	99A-755.22	Bắc Ninh			
3991	99A-829.82	Bắc Ninh	4991	99A-756.88	Bắc Ninh			
3992	99A-831.13	Bắc Ninh	4992	99A-770.88	Bắc Ninh			
3993	99A-833.22	Bắc Ninh	4993	99A-775.86	Bắc Ninh			
3994	99A-850.05	Bắc Ninh	4994	99A-777.05	Bắc Ninh			
3995	99B-028.86	Bắc Ninh	4995	99A-799.96	Bắc Ninh			
3996	99B-029.69	Bắc Ninh	4996	99A-802.80	Bắc Ninh			
3997	99C-318.18	Bắc Ninh	4997	99A-819.96	Bắc Ninh			
3998	99C-320.02	Bắc Ninh	4998	99A-830.86	Bắc Ninh			
3999	99C-323.69	Bắc Ninh	4999	99A-840.39	Bắc Ninh			
4000	99D-023.89	Bắc Ninh	5000	99C-318.79	Bắc Ninh			